

PHẦN II – TÁC PHẨM ÂM NHẠC – TRANH ẢNH – BẢN ĐỒ

1. Administrative global map. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 52x72 cm. - 100000b BD002674
2. Ai Cập cổ đại. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002717
3. An toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 300b T012217
4. An toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 500b T012218
5. An toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 300b T012219
6. An toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực viễn thông. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 300b T012214
7. An toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực viễn thông. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2022. - 1 tờ : bảng, tranh màu ; 79 cm. - 300b T012215
8. An toàn, vệ sinh lao động trong lĩnh vực viễn thông. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 300b T012216
9. Ange, Michel. Các tác phẩm hội họa Michel Ange / Dịch: Nguyễn Thuý Yên, Nguyễn Lê Tuấn Anh. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 145 tr. : ảnh ; 36 cm. - 420000đ. - 500b T012042
10. Atlas các hệ sinh thái núi Tây Nguyên. - H. : Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2021. - 191 tr. : màu ; 42 cm. - 300b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. - Thư mục: tr. 188-191 BD002639
11. Atlas tổng hợp vùng Tây Nguyên và phụ cận. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 187 tr. : màu ; 60 cm. - 200b
ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam BD002731
12. Atlas Vườn quốc gia Cát Tiên. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 201 tr. : ảnh ; 18x27 cm. - 200b T012030
13. Ấn Độ cổ đại / Đinh Ngọc Bảo, Nguyễn Thị Hồng Loan, Nguyễn Hồng Việt. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002691
14. Ấn Độ cổ đại / Đinh Ngọc Bảo, Nguyễn Thị Hồng Loan, Nguyễn Hồng Việt. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 110b BD002775
15. Bài hát tôi yêu : Tuyển chọn 110 bài hát các nước lời Việt - Anh - Nga / Nhạc, lời: Ewan Mac Coll, Tiến Minh, Châu Đăng Khoa ; Vũ Hạnh tuyển chọn, giới thiệu. - H. : Dân trí, 2022. - 220 tr. : minh họa ; 28 cm. - 150000đ. - 500b A003809
16. Bài ôn tập lý thuyết sát hạch lái xe hạng A1. - H. : Giao thông Vận tải, 2022. - 12 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 50000b T011889
17. Bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002652
18. Bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất / Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 5000b BD002730
19. Bản đồ các đới thiên nhiên trên Trái Đất / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002657
20. Bản đồ các đới thiên nhiên trên Trái Đất / Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002728
21. Bản đồ các loại đất chính trên Trái Đất / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002654
22. Bản đồ các loại đất chính trên Trái Đất / Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải, Hoàng Thị Bích Thuận. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002687
23. Bản đồ các mảng kiến tạo, vành đai động đất, núi lửa / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002653
24. Bản đồ các mảng kiến tạo, vành đai động đất, núi lửa / Phí Công Việt, Trương Thị

Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải.
- H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm.
- 32200đ. - 5000b BD002759

25. Bản đồ các nước Đông Nam Á = ASEAN map. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : màu ; 79x109 cm. - 50000đ. - 5000b BD002773

26. Bản đồ các nước trên thế giới. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 79x109 cm. - 35000đ. - 5000b BD002684

27. Bản đồ cảnh báo nguy cơ cháy rừng ở Việt Nam. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 72x102 cm. - 2000b BD002681

28. Bản đồ công nghiệp tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002740

29. Bản đồ dân số tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002736

30. Bản đồ du lịch Bà Rịa - Vũng Tàu = Ba Ria - Vung Tau travel map. - H. : Thông tấn, 2020. - 1 tờ ; 40x42 cm. - 7500b BD002642

31. Bản đồ du lịch Điện Biên. - H. : Thế giới, 2022. - 1 tờ : màu ; 51x76 cm. - 1000b BD002778

32. Bản đồ du lịch Hà Nội. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 50x70 cm. - 2000b BD002818

33. Bản đồ du lịch Quảng Trị. - H. : Thế giới, 2021. - 1 tờ ; 54x77 cm. - 1000b BD002647

34. Bản đồ du lịch Quảng Trị = Quang Tri tourist map. - H. : Thế giới, 2022. - 1 tờ : màu ; 51x77 cm. - 2000b BD002779

35. Bản đồ du lịch Sơn La = Son La tourist map. - H. : Thế giới, 2021. - 1 tờ ; 51x72 cm. - 3000b BD002645

36. Bản đồ du lịch Thành phố Hồ Chí Minh = Ho Chi Minh city travel map. - H. : Thông tấn, 2020. - 1 tờ ; 75x95 cm. - 5000b BD002644

37. Bản đồ du lịch tỉnh Bạc Liêu. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2020. - 1 tờ ; 42x59 cm. - 1000b BD002643

38. Bản đồ du lịch tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002735

39. Bản đồ du lịch tỉnh Đắk Lắk = Dak Lak travel map. - H. : Thông tấn, 2022. - 1 tờ : màu ; 45x65 cm. - 1000b BD002777

40. Bản đồ đất, thực vật, động vật tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002737

41. Bản đồ địa cầu hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 62x86 cm. - 10000b BD002672

42. Bản đồ địa cầu hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 52x72 cm. - 10000b BD002678

43. Bản đồ địa cầu hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : màu ; 54x78 cm. - 10000b BD002721

44. Bản đồ địa cầu hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 2 tờ : màu ; 51x72 cm. - 25000đ. - 10000b BD002782

45. Bản đồ địa cầu hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : màu ; 31x86 cm. - 15000đ. - 10000b BD002783

46. Bản đồ địa cầu hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : màu ; 54x78 cm. - 20000đ. - 10000b BD002788

47. Bản đồ địa cầu tự nhiên. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 2 tờ : màu ; 51x72 cm. - 25000đ. - 10000b BD002774

48. Bản đồ địa chất - khoáng sản tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002743

49. Bản đồ địa hình - sông ngòi tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002747

50. Bản đồ giao thông vận tải tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002739

51. Bản đồ hạ tầng khu vực Nam Bộ Việt Nam / Japan External Trade Organization Ho Chi Minh Office. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : màu ; 60x84 cm. - 3000b BD002820

52. Bản đồ hải lưu ở đại dương thế giới / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002650

53. Bản đồ hải lưu ở đại dương thế giới / Lê Huỳnh, Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải, Phạm Văn Thọ. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002686

54. Bản đồ hành chính - Giao thông Việt Nam: Phần đất liền. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 52x72 cm. - 35000đ. - 5000b BD002679

55. Bản đồ hành chính tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002742

56. Bản đồ hành trình 30 năm tìm đường cứu nước của Bác Hồ / Trần Đức Tuấn ; Đồ hoạ: Vũ Hoàng Thái Văn. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2021. - 1 tờ : màu ; 70x100 cm. - 170000đ. - 1000b BD002720

57. Bản đồ hình thể bán cầu Đông / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002662

58. Bản đồ hình thể bán cầu Đông / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải, Nguyễn Thị Thu Lan. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002757

59. Bản đồ hình thể bán cầu Tây / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002663

60. Bản đồ hình thể bán cầu Tây / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải, Nguyễn Thị Thu Lan. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002756

61. Bản đồ khí hậu tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002746

62. Bản đồ khí tượng thủy văn khu vực Biển Đông. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 54x68 cm. - 2000b BD002677

63. Bản đồ khí tượng thủy văn khu vực biển Đông. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2020. - 1 tờ : màu ; 54x68 cm. - 2850b BD002764

64. Bản đồ lâm nghiệp tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84cm BD002741

65. Bản đồ liên kết du lịch Bắc Giang - Bắc Ninh - Hải Dương : Hành trình khám phá di sản văn hoá - tâm linh - sinh thái. - H. : Thế giới,

2022. - 1 tờ : màu ; 40x60 cm. - 1500b BD002763

66. Bản đồ lượng mưa trung bình năm trên thế giới / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002651

67. Bản đồ lượng mưa trung bình năm trên thế giới / Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002761

68. Bản đồ mặt đẳng áp Âu - Á. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2020. - 1 tờ : màu ; 54x68 cm. - 3200b BD002765

69. Bản đồ mặt đẳng áp Âu Á. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 60x79 cm. - 3300b BD002676

70. Bản đồ nông nghiệp chung tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002744

71. Bản đồ OCOP Việt Nam 2021 = Map of OCOP Vietnam 2021. - H. : Nông nghiệp, 2022. - 9 tr. : màu ; 30 cm. - 200b

Đầu bìa sách ghi: Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương BD002781

72. Bản đồ phân bố các chủng tộc trên thế giới / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002758

73. Bản đồ phân bố dân cư thế giới / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002760

74. Bản đồ thể hiện Đông Nam Á và các vương quốc cổ đại ở Đông Nam Á / Đinh Ngọc Bảo, Phạm Văn Hải, Hoàng Thị Bích Thuận, Đặng Thị Huyền Trang. - H. : Giáo dục, 2021. - 4 tờ : màu ; 72x102 cm. - 5000b BD002753

75. Bản đồ thể hiện hoạt động thương mại trên biển Đông / Đinh Ngọc Bảo, Đặng Thị Huyền Trang, Phạm Văn Hải, Phạm Văn Thọ. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002705

76. Bản đồ thể hiện hoạt động thương mại trên biển Đông (Từ khoảng đầu công nguyên đến thế kỉ thứ X) / Lâm Thị Mỹ Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002660

77. Bản đồ thể hiện một số di chỉ khảo cổ học tiêu biểu ở Đông Nam Á và Việt Nam / Đinh Bảo Ngọc, Phạm Văn Hải, Hoàng Thị Bích Thuận, Đặng Thị Huyền Trang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : màu ; 72x102 cm. - 5000b BD002752
78. Bản đồ thể hiện thế giới cổ đại / Lâm Thị Mỹ Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 6 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002649
79. Bản đồ thể hiện thế giới cổ đại / Đinh Ngọc Bảo, Phạm Văn Hải, Nguyễn Thị Thu Lan... - H. : Giáo dục, 2021. - 7 tờ : màu ; 72x102 cm. - 5000b BD002750
80. Bản đồ thể hiện Việt Nam dưới thời Bắc thuộc / Lâm Thị Mỹ Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002661
81. Bản đồ thể hiện Việt Nam dưới thời Bắc thuộc / Đinh Ngọc Bảo, Phạm Văn Hải, Nguyễn Thị Thu Lan, Đặng Thị Huyền Trang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : màu ; 72x102 cm. - 5000b BD002751
82. Bản đồ thủy sản tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002734
83. Bản đồ thương mại tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002738
84. Bản đồ tình hình phát triển ngành chăn nuôi tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002732
85. Bản đồ tình hình sản xuất cây công nghiệp tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002733
86. Bản đồ tình hình sản xuất lúa, hoa màu tỉnh Bình Phước. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 120x84 cm BD002745
87. Bản đồ tuyến, điểm du lịch, sản phẩm du lịch tỉnh Điện Biên. - H. : Thế giới, 2021. - 1 tờ : màu ; 51x76 cm. - 2000b BD002670
88. Bảng các số từ 1 đến 100 / Thiên Ân. - Tái bản lần thứ 2. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 5000đ. - 5000b T012202
89. Bảng chữ cái : Dành cho trẻ mẫu giáo / Hoàng Liên Yến Linh. - Tái bản lần 6. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 12000đ. - 5000b T011998
90. Bảng chữ cái - chữ ghép / Thiên Ân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 5000đ. - 5000b T012201
91. Bảng chữ cái tiếng Việt / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 5 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 52000đ. - 3000b T012206
92. Bảng chữ cái và số. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 20x30 cm. - 5000đ. - 10000b T011924
93. Bảng chữ cái và số : Dành cho học sinh mẫu giáo / Minh Trí. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 60 cm. - (Thư viện Anh Thuý). - 30000đ. - 5000b T011904
94. Bảng chữ cái và số đếm / Bảo Ngọc b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 30 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 3000b T011956
95. Bảng chữ cái và số đếm / Bảo Ngọc b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 30 tờ : tranh màu ; 13 cm. - 3000b T011957
96. Bảng chữ cái và số đếm / Bảo Ngọc b.s. - In lần 2. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 40 tờ : tranh màu ; 13 cm. - 5000b T012231
97. Bảng chữ cái, dấu thanh, số đếm và vần trong tiếng Việt : Dành cho bé từ 3 - 6 tuổi. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 70 cm. - 20000đ. - 5000b T012208
98. Bảng cộng trong phạm vi 10 và số : Dành cho học sinh mẫu giáo. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 20000đ. - 1000b T012295
99. Bảng cửu chương. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 20x30 cm. - 5000đ. - 10000b T011926
100. Bảng cửu chương phép tính chia. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 25000đ. - 1000b T012299
101. Bảng cửu chương phép tính cộng. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 25000đ. - 1000b T012296
102. Bảng cửu chương phép tính nhân. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 25000đ. - 1000b T012298
103. Bảng cửu chương phép tính trừ. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 25000đ. - 1000b T012297
104. Bảng động từ bất quy tắc tiếng Anh = Irregular verbs. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư

phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 tờ ; 29 cm. - 10000đ. - 10000b T012013

105. Bảng hướng dẫn trả lời câu hỏi bệnh lý về trào ngược dạ dày và thực quản (GERDQ). - H. : Y học, 2022. - 1 tờ ; 60 cm. - 945b T012204

106. Bảng phép cộng trong phạm vi 10. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 20000đ. - 1000b T012294

107. Bảng phép cộng, phép trừ, chữ cái chữ ghép và vần. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 20x30 cm. - 5000đ. - 10000b T011925

108. Bảng phép trừ trong phạm vi 10. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 20000đ. - 1000b T012293

109. Bảng tên chữ cái tiếng Việt / Trần Ngọc Khánh. - H. : Công Thương, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011554

110. Bảng tên chữ cái tiếng Việt / B.s., thiết kế: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ ; 76 cm. - 14000đ. - 10000b T011758

111. Bảng tên chữ cái tiếng Việt. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 20000đ. - 250b T012282

112. Bảng tên chữ cái tiếng Việt : Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 50000đ. - 3000b T012004

113. Bảng tên chữ cái tiếng Việt : Theo Thông tư số: 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của BGD&ĐT / Lý Thị Mỹ Ngọc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 20000đ. - 2500b T012093

114. Bảng tóm tắt toán tiểu học. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 20x30 cm. - 7000đ. - 10000b T011927

115. Bảng trừ trong phạm vi 10 và số : Dành cho học sinh mẫu giáo. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 20000đ. - 1000b T012292

116. Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học / Lê Quang Trung. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục, 2022. - 1 tờ : bảng, sơ đồ ; 21x30 cm. - 10000đ. - 10000b T012197

117. Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học : Dành cho học sinh trung học cơ sở - Theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018. - H. : Giáo dục, 2022. - 1 tờ : ảnh, bảng ; 21x30 cm. - 9000đ. - 20000b T012199

118. Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học : Theo công bố mới nhất của IUPAC : Dành cho học sinh trung học cơ sở / Phạm Văn Hoan, Nguyễn Văn Lễ. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : ảnh, bảng ; 21x30 cm. - 8000đ. - 10000b T011854

119. Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học : Theo công bố mới nhất của IUPAC : Dành cho học sinh trung học cơ sở / Phạm Văn Hoan, Nguyễn Văn Lễ. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục, 2022. - 1 tờ : ảnh, bảng ; 21x30 cm. - 9000đ. - 10000b T012198

120. Bảo đảm hoạt động an toàn thông tin mạng. Chính sách về tín ngưỡng tôn giáo và bài trừ mê tín dị đoan. Kể chuyện danh nhân Việt Nam... - H. : Thông tin và Truyền thông, 2020. - 1 CD ; CD002090

121. Bảo vật quốc gia lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia = The National treasures in the Vietnam National Museum of History / B.s.: Nguyễn Văn Đoàn (ch.b.), Phạm Quốc Quân, Nguyễn Thị Thu Hoan... - H. : Văn hoá dân tộc, 2021. - 181 tr. : ảnh ; 29 cm. - 280b

ĐTTS ghi: Bảo tàng Lịch sử Quốc gia T011590

122. Bé chơi cùng chữ số / Nguyễn Phương Thảo. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 26 tờ : tranh màu ; 6x16 cm. - 18000đ. - 3000b T011618

123. Bé chơi với chữ cái và tập ghép từ : Bộ đồ dùng hỗ trợ hoạt động đọc và làm quen với chữ viết : Dành cho trẻ dưới 6 tuổi / Phạm Hồng Hạnh ; Minh họa: Nguyễn Thị Ngọc Thủy, Phan Hương. - H. : Giáo dục, 2021. - 29 phiếu, 29 thẻ, 5 dấu : tranh màu ; 21x30 cm. - 61000đ. - 2000b T011636

124. Bé học Tiếng Anh bằng hình ảnh - Động vật hoang dã = Wild animals / Hà Vy b.s. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 52000đ. - 5000b T012021

125. Bé với chữ cái / Minh họa: Phạm Huy Thông ; Lời: Nguyễn Việt Hải. - Tái bản lần thứ 14. - H. : Kim Đồng, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 76 cm. - 20000đ. - 3000b T012000

126. Bệnh nghề nghiệp có thể gây tàn phế cho người lao động - Hãy tự bảo vệ mình. - Lâm

Đồng : Sở Y tế Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : ảnh màu, tranh màu ; 70 cm. - 700b T011388

127. Biển, đảo thiêng liêng trong trái tim Thủ đô / Ảnh: Hiền Anh, Trương Thế Cầu, Nguyễn Văn Hải... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 247 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 2500b

ĐTTS ghi: Thành uỷ Hà Nội. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Hà Nội. - Phụ lục: tr. 242-246 T011946

128. Biểu đồ, lược đồ về biến đổi khí hậu / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002664

129. Biểu đồ, lược đồ về biến đổi khí hậu / Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002755

130. Bình Phước province travel map. - H. : Thông tấn, 2021. - 1 tờ ; 40x42 cm. - 1000b BD002641

131. Bộ chữ dạy Tập viết. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 40 tờ : tranh màu ; 29 cm. - 130000đ. - 2000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo T012273

132. Bộ chữ dạy Tập viết / Nguyễn Quý Thao, Trần Mạnh Hưởng, Trần Thị Thanh Hiếu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 40 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 130000đ. - 2000b T012274

133. Bộ đồ dùng giúp trẻ 4 - 5 tuổi làm quen với Toán : Xếp theo 9 chủ đề : Dành cho giáo viên / Nguyễn Thị Thanh Giang ; Minh hoạ, thiết kế: Đỗ Chiến Công. - H. : Giáo dục, 2021. - 102 chỉ tiết ; 17x26 cm. - 203500đ. - 500b T011630

134. Bộ đồ dùng giúp trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với Toán : Xếp theo 9 chủ đề : Dành cho giáo viên / Nguyễn Thanh Giang ; Minh hoạ, thiết kế: Nguyễn Phương Dung. - H. : Giáo dục, 2021. - 192 chỉ tiết ; 17x26 cm. - 225000đ. - 500b T011631

135. Bộ đồ dùng giúp trẻ chơi và làm quen với phương tiện, quy định giao thông / Phạm Hồng Hạnh ; Minh hoạ: Nguyễn Thế Phi. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 62 chỉ tiết, 2 tranh : tranh màu ; 16x22 cm. - 70000đ. - 500b T011627

136. Bộ đồ dùng giúp trẻ chơi và tạo hình với chữ cái : Dành cho trẻ mẫu giáo / Nguyễn Thị Hiếu, Phạm Thuý Đông ; Minh hoạ: Đặng

Hoàng Vũ. - H. : Giáo dục, 2021. - 67 chỉ tiết ; 18x28 cm. - 160500đ. - 500b T011632

137. Bộ đồ dùng giúp trẻ làm quen với Toán : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Phan Thị Thu Hằng, Nguyễn Quang Chiến. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 14x20 cm. - 74000đ. - 5500b T011450

138. Bộ đồ dùng giúp trẻ làm quen với Toán : Xếp theo 9 chủ đề : 3 - 4 tuổi / Thu Thủy, Nguyễn Thị Hương. - H. : Giáo dục, 2021. - 99 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 62000đ. - 8000b T011451

139. Bộ đồ dùng giúp trẻ nhận biết và làm quen với Toán : Xếp theo 9 chủ đề : 4 - 5 tuổi / Thu Thủy, Nguyễn Thị Hương. - H. : Giáo dục, 2021. - 102 tờ ; 15x21 cm. - 67000đ. - 8000b T011452

140. Bộ đồ dùng giúp trẻ nhận biết và làm quen với Toán : Xếp theo 9 chủ đề : 5 - 6 tuổi / Thu Thủy, Nguyễn Thị Hương. - H. : Giáo dục, 2021. - 192 tờ : tranh màu ; 16x26 cm. - 90000đ. - 12000b T011460

141. Bộ đồ dùng luyện kỹ năng xếp tương ứng, so sánh, sắp xếp theo quy tắc : Dành cho trẻ mẫu giáo làm quen với Toán / Trần Hiền Tâm, Hoàng Thị Hương. - H. : Giáo dục, 2021. - 75 tờ : tranh màu ; 16x24 cm. - 59000đ. - 4000b T011454

142. Bộ kích thích thị giác đen trắng : Dành cho trẻ 0 - 3 tuổi / Pingbooks b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 32 tờ : tranh màu ; 17 cm. - 340000đ. - 500b T011336

143. Bộ lô tô bé rèn luyện kỹ năng sống : 25 quân : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Phan Lan Anh. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 3000b T011607

144. Bộ lô tô nước và các hiện tượng tự nhiên : 25 quân : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hồng Thu, Nguyễn Thị Tuyết. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 3000b T011612

145. Bộ mẫu chữ cái viết hoa / Lý Thị Mỹ Ngọc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 40 tờ ; 21 cm. - 1400b T011782

146. Bộ mẫu chữ cái viết hoa. - H. : Công Thương, 2021. - 42 tờ ; 29 cm. - 1000b T011890

147. Bộ mẫu chữ cái viết hoa - Lớp 2. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 39 tờ ; 29 cm. - 80000đ. - 3000b T011989

148. Bộ mẫu chữ viết / Lý Thị Mỹ Ngọc. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 10 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 93000đ. - 1400b T012102
149. Bộ mẫu chữ viết - Môn Tiếng Việt lớp 2 : Chữ cái viết hoa : Theo Quyết định số 31/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 8 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 0đ. - 3000b T011996
150. Bộ phần cơ thể = Body parts : Flash cards Anh - Việt : Phát triển ngôn ngữ sớm cho trẻ từ 0 - 5 tuổi / Phúc Minh Kids b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 13x18 cm. - 29000đ. - 1500b T011438
151. Bộ thẻ chữ cái và chữ số dành cho cháu : 44 thẻ : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Đoàn Phùng Thuý Liên, Nguyễn Thị Tuyết ; Minh hoạ: Lương Quốc Hiệp. - H. : Giáo dục, 2021. - 44 tờ : tranh màu ; 5x9 cm. - 16000đ. - 70000b T011414
152. Bộ thẻ chữ cái và chữ số dành cho cô : 44 thẻ / Đoàn Phùng Thuý Liên, Nguyễn Thị Tuyết ; Minh hoạ: Lương Quốc Hiệp. - H. : Giáo dục, 2021. - 44 tờ : tranh màu ; 9x16 cm. - 28000đ. - 5000b T011424
153. Bộ thẻ chữ số : Hỗ trợ hoạt động bé làm quen với Toán : Dành cho trẻ từ 3 - 6 tuổi / Cao Ngọc Tuấn. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 38 thẻ : tranh màu ; 5x9 cm. - 29000đ. - 6000b T011602
154. Bộ thẻ giúp trẻ mẫu giáo khám phá khoa học : 40 thẻ : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Hoàng Ngọc Hiền, Nguyễn Thị Thái ; Minh hoạ: Bùi Việt Duy, Nguyễn Phương Dung. - H. : Giáo dục, 2021. - 40 tờ : tranh màu ; 9x16 cm. - 22500đ. - 3000b T011422
155. Bộ thẻ mệnh giá tiền Việt Nam / Đinh Thị Kim Thoa. - H. : Công Thương, 2021. - 9 tờ : tranh màu ; 4x9 cm. - 5000b T011871
156. Bộ thẻ nghề truyền thống / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 21 tờ : ảnh ; 11x15 cm. - 83300đ. - 5000b T011648
157. Bộ thẻ nghề truyền thống - Hoạt động trải nghiệm 6. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 11x15 cm. - 5000b T011430
158. Bộ thẻ vui học - Tô chữ viết hoa : Dành cho học sinh lớp 1 / Phạm Thị Kim Oanh, Trịnh Cam Ly, Lê Thị Thảo. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ ; 11x15 cm. - (Chân trời sáng tạo). - 29000đ. - 5000b T011622
159. Bộ tranh bìa sách một số cuốn hồi kí và du kí nổi tiếng / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 28000đ. - 5000b T011812
160. Bộ tranh bốn mùa / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 8960đ. - 10000b T011660
161. Bộ tranh các thế hệ trong gia đình / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 7 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 13440đ. - 10000b T011661
162. Bộ tranh các thế hệ trong gia đình / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 40000đ. - 3000b T011976
163. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 24 - 36 tháng tuổi làm quen với toán qua hình vẽ / Nguyễn Thanh Giang b.s. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục, 2021. - 19 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 37000đ. - 4500b T011703
164. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội / B.s.: Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Sỹ Thắng, Dương Thị Liên ; Minh hoạ: Nguyễn Thị Ngọc Thuý. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 46000đ. - 2000b T011715
165. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với Toán qua hình vẽ / Nguyễn Thanh Giang. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 18 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 42000đ. - 9000b T011496
166. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi nhận biết và làm quen với chữ cái / B.s.: Phan Lan Anh, Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 31 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 60000đ. - 4000b T011509
167. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi thực hành các kỹ năng đảm bảo an toàn / B.s.: Nguyễn Minh Huyền, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Thi ; Minh hoạ: Nguyễn Thị Ngọc Thuý. - H. : Giáo dục, 2021. - 27 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 33000đ. - 3000b T011706
168. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi các hoạt động bảo vệ môi trường / B.s.: Cao Thị Hồng Nhung, Quách Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Lương ; Minh hoạ: Nguyễn Thế Phi, Lê Mạnh Cường. - H. : Giáo dục, 2021. - 27 tờ :

tranh màu ; 30x42 cm. - 35000đ. - 3000b T011713

169. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội / B.s.: Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Sỹ Thắng, Dương Thị Liên ; Minh họa: Nguyễn Mai Hương. - H. : Giáo dục, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 46000đ. - 2000b T011716

170. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi làm quen với toán qua hình vẽ / Nguyễn Thanh Giang b.s. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 27 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 49000đ. - 10000b T011704

171. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi nhận biết và làm quen với chữ cái / B.s.: Phan Lan Anh, Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 31 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 60000đ. - 5000b T011505

172. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi thực hành các kỹ năng đảm bảo an toàn / B.s.: Nguyễn Minh Huyền, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Thi ; Minh họa: Lê Mạnh Cường. - H. : Giáo dục, 2021. - 27 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 33000đ. - 3000b T011707

173. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi các hoạt động bảo vệ môi trường / B.s.: Cao Thị Hồng Nhung, Quách Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Lương ; Minh họa: Nguyễn Thị Huế. - H. : Giáo dục, 2021. - 28 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 35000đ. - 3000b T011714

174. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi các hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội / B.s.: Cao Thị Hồng Nhung, Nguyễn Sỹ Thắng, Dương Thị Liên ; Minh họa: Nguyễn Thị Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 46000đ. - 3000b T011717

175. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với Toán qua các con số / Nguyễn Thanh Giang b.s. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 43 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 77000đ. - 10500b T011508

176. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với Toán qua hình vẽ / Nguyễn Thanh Giang b.s. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục, 2021. - 27 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 51000đ. - 8500b T011501

177. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi nhận biết và làm quen với chữ cái / B.s.: Phan Lan Anh, Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thu

Hằng ; Minh họa: Trần Xuân Du, Nguyễn Thị Kim Dung. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục. - 42 cm. - 60000đ. - 10000b

T.1. - 2021. - 31 tờ : tranh vẽ T011503

178. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi nhận biết và làm quen với chữ cái / B.s.: Phan Lan Anh, Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thu Hằng ; Minh họa: Trần Xuân Du, Nguyễn Thị Kim Dung. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục. - 42 cm. - 60000đ. - 10000b

T.2. - 2021. - 31 tờ : tranh màu T011498

179. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi vào lớp một chuẩn bị cho việc học đọc, học viết / B.s.: Nguyễn Thị Minh Thảo, Vũ Thị Quỳnh Anh ; Minh họa: Nguyễn Mai Hương. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 34 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 51000đ. - 1000b T011712

180. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ làm quen với chữ cái : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / B.s.: Nguyễn Thị Minh Thảo, Phan Thị Lan Anh, Trần Thị Thu Trang. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 39 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 73000đ. - 1000b T011718

181. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ làm quen với Toán : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Nguyễn Thanh Giang b.s. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục, 2021. - 39 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 73000đ. - 1000b T011720

182. Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ tập tạo hình : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Nguyễn Thanh Hương b.s. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 39 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 73000đ. - 1000b T011719

183. Bộ tranh Công nghệ lớp 6 : Chủ đề Xây dựng nhà ở. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 14 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 280000đ. - 1000b T011540

184. Bộ tranh Đạo đức lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 16 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 1000b T011474

185. Bộ tranh Đạo đức lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 16 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 48000đ. - 3050b T012249

186. Bộ tranh Địa lí lớp 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 15 tờ : tranh màu ; 102 cm. - 392000đ. - 1000b T011922

187. Bộ tranh gia đình em / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 40000đ. - 3000b T011975

188. Bộ tranh Giáo dục công dân lớp 6 : Chủ đề tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ. - H. : Nxb. Hà Nội ; Giáo dục, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 770000đ. - 1000b T011550
189. Bộ tranh Giáo dục quốc phòng an ninh lớp 1 : Hướng dẫn nội dung lồng ghép môn học : Khắc ghi lời Bác Hồ dạy / Nguyễn Quốc Vượng. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 55x79 cm. - 480000đ. - 20000b T011547
190. Bộ tranh Giáo dục quốc phòng an ninh lớp 2 : Hướng dẫn lồng ghép các môn học : Tiếng Việt. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 55x79 cm. - 480000đ. - 20000b T011546
191. Bộ tranh Giáo dục quốc phòng an ninh lớp 6 : Hướng dẫn lồng ghép môn học : Ngữ văn. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 55x79 cm. - 1250000đ. - 20000b T011545
192. Bộ tranh Giáo dục thể chất lớp 2 : Chủ đề Kiến thức chung về Giáo dục thể chất. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 120000đ. - 1000b T011541
193. Bộ tranh Giáo dục thể chất lớp 2 : Chủ đề Kiến thức chung về Giáo dục thể chất. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 120000đ. - 530b T012283
194. Bộ tranh Giáo dục thể chất lớp 6 : Chủ đề Kiến thức chung về Giáo dục thể chất. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 140000đ. - 1000b T011548
195. Bộ tranh giúp trẻ nhận biết một số ký hiệu, biển báo thông thường : Dành cho trẻ 3 - 6 tuổi / Nguyễn Sỹ Thắng b.s. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 36 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 108000đ. - 1000b T011674
196. Bộ tranh giúp trẻ nhận biết, phòng tránh xâm hại và bạo hành : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Đặng Thị Kim Dung b.s. ; Minh họa: Nguyễn Thị Huệ. - H. : Giáo dục, 2021. - 12 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 63000đ. - 3000b T011680
197. Bộ tranh hiện tượng thiên tai thường gặp / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011979
198. Bộ tranh Hoạt động trải nghiệm lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 26 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 1000b T011494
199. Bộ tranh Hoạt động trải nghiệm lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 30 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 2900b T012251
200. Bộ tranh Hoạt động trải nghiệm lớp 2 : Chủ đề Hoạt động hướng đến xã hội. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 10 tờ : tranh màu ; 21x29 cm. - 138000đ. - 1000b T011478
201. Bộ tranh Hoạt động trải nghiệm lớp 2 : Chủ đề Hoạt động hướng đến xã hội. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 10 tờ : tranh màu ; 21x29 cm. - 138000đ. - 2900b T012252
202. Bộ tranh Hoạt động trải nghiệm lớp 3 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012257
203. Bộ tranh Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 36 tờ : tranh màu ; 11x15 cm. - 115000đ. - 1000b T011432
204. Bộ tranh hỗ trợ trẻ 3 - 4 làm quen với chữ cái / B.s.: Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thị Huệ ; Minh họa: Trần Xuân Du... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 34 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 120000đ. - 240b T011724
205. Bộ tranh hỗ trợ trẻ 4 - 5 làm quen với chữ cái / B.s.: Nguyễn Thị Minh Thảo, Nguyễn Thị Huệ ; Minh họa: Đặng Hoàng Vũ. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 34 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 120000đ. - 240b T011725
206. Bộ tranh hỗ trợ trẻ 5 - 6 làm quen với chữ cái / B.s.: Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thị Huệ ; Minh họa: Trần Xuân Du... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục. - 30x42 cm. - 120000đ. - 470b
T.1. - 2021. - 34 tờ : tranh màu T011726
207. Bộ tranh hỗ trợ trẻ 5 - 6 làm quen với chữ cái / B.s.: Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thị Huệ ; Minh họa: Trần Xuân Du... - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục. - 30x42 cm. - 120000đ. - 510b
T.2. - 2021. - 34 tờ : tranh màu T011727
208. Bộ tranh hỗ trợ trẻ 5 - 6 làm quen với Toán / B.s.: Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Thị Cúc ; Minh họa: Đặng Hoàng Vũ, Nguyễn Thị Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục. - 30x42 cm. - 140000đ. - 280b
T.1. - 2021. - 43 tờ : tranh vẽ T011721
209. Bộ tranh hỗ trợ trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với Toán / B.s.: Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Thị Cúc ; Minh họa: Nguyễn Thị Thanh Vân. -

Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục. - 30x42 cm. - 88000đ. - 300b

T.2. - 2021. - 27 tờ : tranh màu T011722

210. Bộ tranh hướng dẫn các hoạt động tạo hình dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / B.s.: Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Hải Hà, Trần Thị Mai Nhi ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 16 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 36000đ. - 3000b T011525

211. Bộ tranh hướng dẫn các hoạt động tạo hình dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / B.s.: Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Hải Hà, Trần Thị Mai Nhi. - H. : Giáo dục, 2021. - 26 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 44000đ. - 2500b T011683

212. Bộ tranh hướng dẫn các hoạt động tạo hình dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / B.s.: Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Hải Hà, Trần Thị Mai Nhi. - H. : Giáo dục, 2021. - 29 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 44000đ. - 2500b T011684

213. Bộ tranh hướng dẫn các hoạt động tạo hình dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / B.s.: Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Hải Hà, Trần Thị Mai Nhi ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 50000đ. - 4000b T011524

214. Bộ tranh hướng dẫn trẻ 24 - 36 tháng tuổi hoạt động làm quen với Toán / B.s.: Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thành Lê ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục, 2021. - 10 tờ ; 30x42 cm. - 29000đ. - 2500b T011685

215. Bộ tranh hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi các hoạt động làm quen với phương tiện và quy định giao thông / B.s.: Cao Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bích Thảo, Phạm Thị Nga... - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 21 tờ ; 42 cm. - 39000đ. - 2000b T011695

216. Bộ tranh hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi hoạt động làm quen với Toán / B.s.: Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thành Lê ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 12 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 29000đ. - 2500b T011521

217. Bộ tranh hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi hoạt động làm quen với Toán / B.s.: Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thành Lê ; Minh họa: Đặng Hồng Quân. - H. : Giáo dục, 2021. - 14 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 36000đ. - 1500b T011686

218. Bộ tranh hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi các hoạt động làm quen với phương tiện và quy định giao thông / B.s.: Cao Hồng Nhung, Nguyễn Thị Bích Thảo, Phạm Thị Nga... - Tái bản lần thứ 2.

- H. : Giáo dục, 2021. - 26 tờ ; 42 cm. - 49000đ. - 2000b T011696

219. Bộ tranh hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi hoạt động làm quen với Toán / B.s.: Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thành Lê ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục. - 30x42 cm. - 56000đ. - 2500b

Q.1. - 2021. - 12 tờ : tranh vẽ T011522

220. Bộ tranh hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi hoạt động làm quen với Toán / B.s.: Vũ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thành Lê ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục. - 30x42 cm. - 56000đ. - 2500b

Q.2. - 2021. - 12 tờ : minh họa T011523

221. Bộ tranh hướng dẫn trẻ các bước rửa tay : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Vũ Thị Ngọc Tiếp b.s. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 7 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 15000đ. - 2000b T011673

222. Bộ tranh hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình : Dành cho giáo viên lớp 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thanh Hương b.s. ; Minh họa: Nguyễn Thế Phi. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 27 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 51000đ. - 8000b T011510

223. Bộ tranh hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình : Dành cho giáo viên lớp 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thanh Hương b.s. ; Minh họa: Đỗ Chiến Công, Nguyễn Thị Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 31 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 58000đ. - 9000b T011506

224. Bộ tranh hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình : Dành cho giáo viên lớp 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thanh Hương b.s. ; Minh họa: Nguyễn Thị Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 35 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 68000đ. - 9000b T011497

225. Bộ tranh hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình : Dành cho giáo viên nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thanh Hương b.s. ; Minh họa: Phan Thị Minh Huyền. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 23 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 44000đ. - 4000b T011504

226. Bộ tranh hướng dẫn trẻ kỹ năng tự phục vụ - Tự làm một số việc đơn giản / Trần Mỹ Dung b.s. ; Minh họa: Đặng Hoàng Vũ. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 15 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 64500đ. - 500b T011682

227. Bộ tranh hướng dẫn trẻ kỹ năng tự phục vụ - Tự phục vụ bản thân / Trần Mỹ Dung b.s. ; Minh họa: Nguyễn Thế Phi. - Tái bản lần

thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 15 tờ ; 30x42 cm. - 64500đ. - 500b T011681

228. Bộ tranh hướng dẫn trẻ làm theo 5 điều Bác Hồ dạy : Trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Bá Minh, Lý Thị Hằng, Cao Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 50000đ. - 2000b T011687

229. Bộ tranh hướng dẫn trẻ làm theo 5 điều Bác Hồ dạy : Trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Bá Minh, Lý Thị Hằng, Cao Thị Hồng Nhung ; Minh hoạ: Phùng Duy Tùng. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 21 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 50000đ. - 2000b T011688

230. Bộ tranh hướng dẫn trẻ làm theo 5 điều Bác Hồ dạy : Trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Bá Minh, Lý Thị Hằng, Cao Thị Hồng Nhung. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 50000đ. - 2000b T011689

231. Bộ tranh kể chuyện em nói tiếng Việt : Dành cho học sinh lớp 1 vùng dân tộc thiểu số / Mai Ngọc Chừ (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Phương Thảo (ch.b.), Bùi Văn Thành... - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 83000đ. - 2100b T011732

232. Bộ tranh Khoa học tự nhiên lớp 6 : Chủ đề Chất và sự biến đổi chất. - H. : Nxb. Hà Nội ; Giáo dục, 2021. - 29 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1015000đ. - 1000b T011549

233. Bộ tranh Lịch sử lớp 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 7 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 1000b T011537

234. Bộ tranh Lịch sử lớp 6: Một số hiện vật khảo cổ học tiêu biểu của thế giới / Nguyễn Ngô Tráng Kiện. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : ảnh màu ; 42x59 cm. - 16000đ. - 660b T012088

235. Bộ tranh Lịch sử lớp 6: Một số hiện vật khảo cổ học tiêu biểu của Việt Nam / Nguyễn Ngô Tráng Kiện. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : ảnh màu ; 42x59 cm. - 16000đ. - 660b T012087

236. Bộ tranh Lịch sử lớp 6: Một số hình ảnh hiện vật lịch sử cổ đại của Việt Nam / Nguyễn Ngô Tráng Kiện. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : ảnh màu ; 21x30 cm. - 6000đ. - 1100b T012082

237. Bộ tranh Lịch sử lớp 6: Một số hình ảnh hiện vật lịch sử hiện đại của Việt Nam / Nguyễn Ngô Tráng Kiện. - H. : Nxb. Hà Nội,

2022. - 1 tờ : ảnh màu ; 21x30 cm. - 6000đ. - 1100b T012083

238. Bộ tranh Lịch sử lớp 6: Một số hình ảnh sử liệu viết của nước ngoài / Nguyễn Ngô Tráng Kiện. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : ảnh màu ; 21x30 cm. - 6000đ. - 1100b T012084

239. Bộ tranh Lịch sử lớp 6: Một số hình ảnh sử liệu viết của Việt Nam / Nguyễn Ngô Tráng Kiện. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : ảnh màu ; 21x30 cm. - 6000đ. - 1100b T012081

240. Bộ tranh Lô tô thể giới động vật - Động vật nuôi : 20 quân : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Tuyết. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 11000đ. - 1000b T011604

241. Bộ tranh Lô tô về chủ đề giao thông : 25 quân : Dành cho trẻ mầm non / Trần Thị Thu Hoà ; Minh hoạ: Hồng Quân, Hoàng Vũ. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 1000b T011611

242. Bộ tranh Mĩ thuật lớp 6 : Một số di sản văn hoá nghệ thuật Việt Nam thời tiền sử và cổ đại. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 10 tờ : tranh màu ; 54x79 cm T011538

243. Bộ tranh Mĩ thuật lớp 6 : Một số di sản văn hoá nghệ thuật Việt Nam thời tiền sử và cổ đại. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 10 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 200000đ. - 110b T012182

244. Bộ tranh minh hoạ các tư thế quỳ, ngồi cơ bản / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011792

245. Bộ tranh minh hoạ các tư thế quỳ, ngồi cơ bản : Các tư thế quỳ, ngồi cơ bản : Theo thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 50000đ. - 3000b T012002

246. Bộ tranh minh hoạ cách thức thực hiện biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang, vòng tròn / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 28000đ. - 1000b T011765

247. Bộ tranh minh hoạ cách thức thực hiện biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang, vòng tròn : Cách thức biến đổi đội hình một hàng dọc (ngang) thành hai hàng dọc (ngang) và ngược lại : Theo thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc

gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 50000đ. - 3000b T012003

248. Bộ tranh minh hoạ cách thực hiện vệ sinh cá nhân trong tập luyện / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 42000đ. - 10000b T011764

249. Bộ tranh minh hoạ hình ảnh một số truyện tiêu biểu / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ ; 54x79 cm. - 28000đ. - 5000b T011763

250. Bộ tranh minh hoạ kĩ thuật các giai đoạn chạy cự li ngắn / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 5000b T011816

251. Bộ tranh minh hoạ thơ : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi / Nguyễn Tuyết, Hồng Thu. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục, 2021. - 18 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 169000đ. - 1000b T011638

252. Bộ tranh minh hoạ thơ : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu, Đoàn Phùng Thuý Liên. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục, 2021. - 18 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 169000đ. - 1000b T011639

253. Bộ tranh minh hoạ thơ : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Lan Anh, Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 18 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 169000đ. - 1000b T011640

254. Bộ tranh minh hoạ thơ : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ nhà trẻ / Nguyễn Thị Hiếu. - H. : Giáo dục, 2021. - 18 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 169000đ. - 1000b T011637

255. Bộ tranh mô hình hoá các thành tố của các loại văn bản thơ / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ ; 54x79 cm. - 28000đ. - 5000b T011760

256. Bộ tranh mô hình hoá các thành tố của các loại văn bản thơ : Ngữ văn lớp 6 / Hà Phú Quang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : hình vẽ ; 79 cm. - 1000b T011322

257. Bộ tranh mô hình hoá các thành tố của văn bản truyện / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 4 tờ : hình vẽ ; 54x79 cm. - 42000đ. - 5000b T011813

258. Bộ tranh mô hình hoá các yếu tố hình thức của văn bản nghị luận: Mở bài, thân bài, kết bài; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng : Ngữ văn lớp 6 / Hà Phú Quang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : hình vẽ ; 79 cm. - 1000b T011331

259. Bộ tranh môn Công nghệ lớp 6 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 15000đ. - 3000b T011490

260. Bộ tranh môn Công nghệ lớp 10 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012272

261. Bộ tranh môn Đạo đức lớp 2 - Kèm đĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 15000đ. - 3000b T011482

262. Bộ tranh môn Đạo đức lớp 3 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 4 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012265

263. Bộ tranh môn Địa lí lớp 10 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012262

264. Bộ tranh môn Giáo dục công dân lớp 6 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 15000đ. - 3000b T011493

265. Bộ tranh môn Giáo dục công dân lớp 7 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012264

266. Bộ tranh môn Giáo dục Kinh tế - Pháp luật lớp 10 / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012270

267. Bộ tranh môn Hoá học lớp 10 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012266

268. Bộ tranh môn Hoạt động trải nghiệm lớp 2 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 15000đ. - 3000b T011480

269. Bộ tranh môn Hoạt động trải nghiệm lớp 6 - Kèm đĩa : Cảnh đẹp quê hương / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : ảnh ; 30 cm. - 15000đ. - 3000b T011491

270. Bộ tranh môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 7 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 5 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012258

271. Bộ tranh môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lớp 10 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 4 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012259

272. Bộ tranh môn Khoa học Tự nhiên lớp 6 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 15000đ. - 3000b T011489

273. Bộ tranh môn Khoa học tự nhiên lớp 7 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 7 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012263

274. Bộ tranh môn Lịch sử lớp 6 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 7 tờ : ảnh ; 30 cm. - 15000đ. - 3000b T011492

275. Bộ tranh môn Lịch sử lớp 10 - Kèm đĩa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 11 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012261

276. Bộ tranh môn Lịch sử và Địa lí lớp 7 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 6 tờ, 1 đĩa CD : tranh màu ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012260

277. Bộ tranh môn Mĩ thuật lớp 10 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. -

2 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012271

278. Bộ tranh môn Ngữ văn lớp 7 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 4 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012255

279. Bộ tranh môn Ngữ văn lớp 10 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 8 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012256

280. Bộ tranh môn Sinh học lớp 10 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 8 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012267

281. Bộ tranh môn Tiếng Việt lớp 3 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012254

282. Bộ tranh môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 15000đ. - 3000b T011481

283. Bộ tranh môn Tự nhiên và Xã hội lớp 3 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 6 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012253

284. Bộ tranh môn Vật lí lớp 10 - Bản đồ sao (Kèm đĩa) / Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Hoàng Dương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 300000đ. - 1000b T012268

285. Bộ tranh môn Vật lí lớp 10 - Kèm đĩa / Nguyễn Hùng Cường, Bùi Thị Xuân, Nguyễn Xuân Thủ... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu + 1 CD ; 30 cm. - 80000đ. - 1000b T012269

286. Bộ tranh mùa mưa và mùa khô / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011978

287. Bộ tranh Ngữ văn lớp 6 : Chủ đề Dạy học. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 19 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 380000đ. - 1000b T011542

288. Bộ tranh Ngữ văn lớp 6 : Chủ đề: Dạy học. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 19 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 380000đ. - 100b T012183

289. Bộ tranh theo chủ đề : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 155500đ. - 1000b T011641

290. Bộ tranh theo chủ đề : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 155500đ. - 1000b T011642

291. Bộ tranh theo chủ đề : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 155500đ. - 1000b T011643

292. Bộ tranh thể hiện các hình ảnh sử liệu chữ viết - Lịch sử lớp 6. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : ảnh ; 21x30 cm. - 5000b T011476

293. Bộ tranh thể hiện hình ảnh một vài sử liệu hiện vật / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : ảnh ; 30 cm. - 5320đ. - 5000b T011665

294. Bộ tranh thể hiện hình ảnh một vài sử liệu hiện vật - Lịch sử lớp 6. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : ảnh ; 21x30 cm. - 5000b T011477

295. Bộ tranh thể hiện hình ảnh sử liệu viết / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : ảnh ; 21x30 cm. - 5320đ. - 5000b T011666

296. Bộ tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa nhà nước và công dân / Nguyễn Thị Quý. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011390

297. Bộ tranh thể hiện một số hiện vật khảo cổ học tiêu biểu. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 5000b T011791

298. Bộ tranh thể hiện những hành vi tiết kiệm điện, nước / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 5000b T011815

299. Bộ tranh thể hiện sự chăm chỉ siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hàng ngày / Thiết kế, s.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 4 tờ ; 72x102 cm. - 5000b T011817

300. Bộ tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt (Giúp đỡ đồng bào bão lụt) - Giáo dục công dân lớp 6 / Nguyễn Thị Quý. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 5 tờ : tranh vẽ ; 72x102 cm. - 1000b T011376

301. Bộ tranh thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - Môn: Đạo đức. - H. : Thế giới, 2021. - 16 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 10000b T011668

302. Bộ tranh thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - Môn: Đạo đức : Theo Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - H. : Thế giới, 2021. - 18 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 10000b T011488

303. Bộ tranh thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - Môn: Giáo dục thể chất : Theo Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - H. : Thế giới, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000b T011823

304. Bộ tranh thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - Môn: Hoạt động trải nghiệm. - H. : Thế giới, 2021. - 16 tờ : tranh màu ; 29 cm. - 10000b T011671

305. Bộ tranh thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 - Môn: Tự nhiên và Xã hội. - H. : Thế giới, 2021. - 28 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 10000b T011670

306. Bộ tranh tích hợp chơi và nhận biết các chữ số : Dành cho trẻ em từ 3 - 6 tuổi / Hoàng Ngọc Hiền b.s. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục, 2021. - 12 tờ : tranh màu ; 21x30 cm. - 36000đ. - 2000b T011667

307. Bộ tranh tình bạn / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 11 tờ : tranh màu ; 21x29 cm. - 37800đ. - 10000b T011664

308. Bộ tranh tình bạn / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 10 tờ : tranh màu ; 21x29 cm. - 70000đ. - 3000b T011981

309. Bộ tranh trang trí sáng tạo - Góc xây dựng : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Hoàng Ngọc Hiền, Đỗ Thị Thu Huyền ; Minh họa, thiết kế: Bùi Việt Duy. - H. : Giáo dục, 2021. - 12 tờ :

tranh màu ; 20x28 cm. - 51000đ. - 500b T011633

310. Bộ tranh truyện : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi / Nguyễn Tuyết, Lan Phương. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục, 2021. - 40 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 213000đ. - 1000b T011645

311. Bộ tranh truyện : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ mẫu giáo 4 - 5 tuổi / Lan Anh, Đoàn Phùng Thuý Liên. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục, 2021. - 40 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 213000đ. - 1000b T011646

312. Bộ tranh truyện : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi / Nguyễn Tuyết, Thu Hằng. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 40 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 213000đ. - 1000b T011647

313. Bộ tranh truyện : Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT về việc ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Dành cho trẻ nhà trẻ / Nguyễn Thị Hiếu. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục, 2021. - 40 tờ : tranh màu ; 35x43 cm. - 213000đ. - 1000b T011644

314. Bộ tranh tuyên truyền dành cho cha mẹ / B.s.: Hồng Thu, Nguyễn Thị Tuyết ; Minh hoạ: Hồng Kỳ... - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 11 tờ : tranh màu ; 21x30 cm. - 25000đ. - 1000b T011669

315. Bộ tranh Tự nhiên và Xã hội lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 30 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 2930b T012250

316. Bộ tranh Tự nhiên và Xã hội lớp 2 : Cơ quan vận động. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 41 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 45000đ. - 1000b T011539

317. Bộ tranh Tự nhiên và Xã hội lớp 2 : Cơ quan vận động. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 4 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 203000đ. - 2930b T012284

318. Bộ tranh tường trang trí sáng tạo - Chủ đề Bản thân : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Lý Thị

Hằng, Nguyễn Thanh Giang ; Minh hoạ, thiết kế: Đỗ Chiến Công. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 20x28 cm. - 96500đ. - 500b T011635

319. Bộ tranh tường trang trí sáng tạo - Chủ đề Gia đình : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu, Nguyễn Minh Thảo ; Minh hoạ, thiết kế: Phạm Tuấn Việt, Đỗ Chiến Công. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 20x28 cm. - 96500đ. - 500b T011634

320. Bộ tranh về các nhóm quyền của trẻ em / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 5000b T011820

321. Bộ tranh về đức tính chăm chỉ / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011657

322. Bộ tranh về đức tính chăm chỉ / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 20000đ. - 3000b T011972

323. Bộ tranh về đức tính trung thực / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011655

324. Bộ tranh về đức tính trung thực / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011970

325. Bộ tranh về kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011650

326. Bộ tranh về kỹ năng tự bảo vệ / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011651

327. Bộ tranh về kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011968

328. Bộ tranh về kỹ năng tự bảo vệ / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011974

329. Bộ tranh về lòng nhân ái / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011656

330. Bộ tranh về lòng nhân ái. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011969

331. Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 21 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 44800đ. - 10000b T011662

332. Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 80000đ. - 5000b T011967

333. Bộ tranh về quê hương em / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011652

334. Bộ tranh về quê hương em / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011980

335. Bộ tranh về thiên tai, biến đổi khí hậu / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 21 tờ : ảnh ; 11x15 cm. - 64450đ. - 5000b T011649

336. Bộ tranh về thiên tai, biến đổi khí hậu - Hoạt động trải nghiệm 6. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 11x15 cm. - 5000b T011431

337. Bộ tranh về tuân thủ quy định nơi công cộng / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011659

338. Bộ tranh về tuân thủ quy định nơi công cộng / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011973

339. Bộ tranh về tuân thủ quy định nơi công cộng / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 2940đ. - 1000b T012126

340. Bộ tranh về ý thức trách nhiệm / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011658

341. Bộ tranh về ý thức trách nhiệm / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 3000b T011971

342. Bộ tranh, ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật thế giới thời kì tiền sử và cổ đại. - H. : Giáo

dục, 2021. - 6 tờ : tranh vẽ ; 54x79 cm. - 5000b T011777

343. Bộ tranh, ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật thế giới thời kì tiền sử và cổ đại : Mĩ thuật lớp 6. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 4 tờ : ảnh màu, tranh màu ; 79 cm. - 2000b T011327

344. Bộ tranh, ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật Việt Nam thời kì tiền sử và cổ đại / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 56000đ. - 5000b T011814

345. Bộ tranh: Bộ chữ dạy tập viết / B.s.: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2022. - 42 tờ ; 29 cm. - 51918đ. - 5000b T011982

346. Bộ tranh: Bộ mẫu chữ viết : Bảng chữ cái viết hoa (chữ viết đứng, nét đều) : Theo Quyết định số 31/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / B.s., thiết kế: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 8 tờ ; 79 cm. - 66178đ. - 5000b T012012

347. Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 11118đ. - 10000b T012009

348. Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 10506đ. - 5000b T012011

349. Bộ tranh: Sinh hoạt nền nếp / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 10506đ. - 5000b T012010

350. Bộ tranh: Thật thà / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 10098đ. - 5000b T012186

351. Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 7 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 10506đ. - 5000b T012065

352. Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 11118đ. - 5000b T011915

353. Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2022. - 8 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 11118đ. - 5000b T012008

354. Bộ tranh: Yêu gia đình / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2022. - 5 tr. : tranh màu ; 15x21 cm. - 10098đ. - 5000b T011950

355. Bộ xương / Phạm Việt Quang, Trần Ngọc Lê. - H. : Giáo dục, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 18200đ. - 10000b T011783

356. Bộ xương - Môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 140000đ. - 300b T011921

357. Bùi Thanh Bình. Hoà Bình và những vùng đất quê hương Việt Nam : Nhiếp ảnh / Bùi Thanh Bình. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 179 tr. : ảnh ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T012033

358. Bùi Thị Ngọc. Bộ tranh: Nghề của bố mẹ em / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 80000đ. - 3000b T011966

359. Ca khúc về đề tài dân tộc thiểu số, miền núi / Nhạc, lời: Vũ Trung, Bùi Trường Giang, Phan Huy Hà... - H. : Văn hoá dân tộc, 2021. - 443 tr. ; 29 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch A003798

360. Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu / Phạm Việt Quang, Trần Ngọc Lê. - H. : Giáo dục, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 15680đ. - 10000b T011785

361. Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp / Phạm Việt Quang, Trần Ngọc Lê. - H. : Giáo dục, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 15260đ. - 10000b T011786

362. Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp - Môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 110000đ. - 300b T011920

363. Các di chỉ của người nguyên thủy ở Đông Nam Á. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002703

364. Các di chỉ của người nguyên thủy ở Đông Nam Á. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 850b BD002797

365. Các đại khí áp và các loại gió thường xuyên trên Trái Đất ; Gió đất - Gió biển / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : minh hoạ ; 42x59 cm. - 1000b BD002723

366. Các đại khí áp và các loại gió thường xuyên trên Trái Đất: Gió đất - Gió biển / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải, Phạm Văn Thọ. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 42x59 cm. - 12110đ. - 5000b BD002785

367. Các đới khí hậu trên Trái đất. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002712

368. Các đới thiên nhiên trên Trái đất. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002710

369. Các khu vực giờ trên thế giới. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002698

370. Các loại đất chính trên Trái Đất / Kiều Văn Hoan, Cao Văn Dũng, Nguyễn Thị Giáng Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002689

371. Các mảng kiến tạo, vành đai động đất, núi lửa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002709

372. Các nước trên thế giới. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 79x109 cm. - 33000đ. - 10000b BD002675

373. Các nước trên thế giới. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : màu ; 79x109 cm. - 33000đ. - 10000b BD002801

374. Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á (Từ trước Công nguyên đến thế kỉ thứ VII) / Đinh Ngọc Bảo, Nguyễn Thị Giáng Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 280b BD002792

375. Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á (Từ trước Công nguyên đến thế kỉ VII) / Đinh Ngọc Bảo, Nguyễn Thị Giáng Hương. - H. : Nxb. Hà Nội ; Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002690

376. Các tác phẩm chọn lọc : Sách ảnh / Ngọc Vinh, Phùng Minh Hiệu, Trần Lệ Thủy... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 87 tr. : tranh màu ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011939

377. Các văn bản hướng dẫn về bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 / Hội

đồng Bàu cử Quốc gia. - H. : Khoa học và Kỹ thuật, 2021. - 1 CD. - 2100b CD002063

378. Cánh cửa thần kì = Barbie and the secret door / Mattel ; Thu Dương dịch. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012191

379. Cắt dán mô hình Trái Đất. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 62x86 cm. - 50000đ. - 2000b BD002680

380. Cẩm nang sử dụng Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học : Dùng cho giáo viên & học sinh / Phạm Đức Bình. - Tái bản lần thứ 7, có sửa chữa, bổ sung. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 21x30 cm. - 10000đ. - 15000b T012286

381. Cầu Giấy - 15 năm xây dựng và phát triển : Chào mừng kỷ niệm 15 năm thành lập Quận (01/9/1997 - 01/9/2012). - H. : Thông tấn, 2012. - 150 tr. : ảnh màu ; 27 cm

ĐTTS ghi: Quận uỷ - HĐND - UBND - UBMTTQ quận Cầu Giấy T011366

382. Chu Chí Thành. Tình thầy trò : Lớp Văn khoá VIII Đại học Tổng hợp Hà Nội / B.s.: Chu Chí Thành, Nguyễn Ngọc Thiện, Nghiêm Thị Minh Mẫn. - H. : Thông tấn, 2022. - 371 tr. : ảnh ; 27 cm. - 300b T012047

383. Chu Thị Thánh. Chu Thị Thánh - Các tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2019. - 67 tr. : tranh màu ; 21x22 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011584

384. Chủ đề: Các mùa trong năm / Phạm Thị Minh Nguyệt, Trần Thị Ngọc Trâm, Vũ Thị Ngọc Minh. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 70x100 cm. - 30000đ. - 1000b T011822

385. Chữ cái tiếng Anh : 26 cặp ghép : Song ngữ Anh - Việt : 2+ / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2022. - 52 tờ : tranh màu ; 12 cm. - 59000đ. - 1000b T012057

386. Chữ số = Numbers : Flash cards Anh - Việt : Phát triển ngôn ngữ sớm cho trẻ từ 0 - 5 tuổi / Phúc Minh Kids b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 13x18 cm. - 29000đ. - 1500b T011433

387. Chữ số : 20 cặp ghép : Song ngữ Anh - Việt : 2+ / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2022. - 40 tờ : tranh màu ; 12 cm. - 49000đ. - 2000b T012058

388. Cô bé Lọ Lem / Charles Perrault. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012287

389. Cô Tô - Xúc cảm bất ngờ. - H. : Thế giới, 2022. - 13 tr. : ảnh ; 13x18 cm. - 750b

Ngoài bìa sách ghi: Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô. Phòng Văn hoá và Thông tin T012222

390. Cổ vật An Biên = An Biên antique collection / B.s.: Trần Đình Thắng (ch.b.), Đỗ Văn Trụ, Lê Thị Minh Lý... - H. : Thế giới, 2021. - 163 tr. : ảnh màu, bảng ; 30 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Hội Di sản văn hoá Việt Nam. Hội Cổ vật Hải Phòng T011591

391. Công chúa Ngọc Trai / Mattel. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012288

392. Công chúa và ngôi sao nhạc Pop = Barbie the princess the Popstar / Mattel ; Thu Dương dịch. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012189

393. Công nghệ lớp 6 - Tranh về đèn điện / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : hình vẽ ; 54x79 cm. - 1000b T011566

394. Công nghệ lớp 6 - Tranh về kiến trúc nhà ở Việt Nam / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh vẽ ; 54x79 cm. - 1000b T011374

395. Công nghệ lớp 6 - Tranh về phương pháp chế biến thực phẩm / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh vẽ ; 54x79 cm. - 1000b T011375

396. Công nghệ lớp 6 - Tranh về quạt điện / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : hình vẽ ; 54x79 cm. - 1000b T011569

397. Công nghệ lớp 6 - Tranh về thời trang trong cuộc sống / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : hình vẽ ; 54x79 cm. - 1000b T011568

398. Công nghệ lớp 6 - Tranh về thực phẩm trong gia đình / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : hình vẽ ; 54x79 cm. - 1000b T011564

399. Công nghệ lớp 6 - Tranh về xây dựng nhà ở / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011558

400. Công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo đấu tranh trong các nhà tù, trại giam của địch ở miền Nam thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) : Qua ảnh tư liệu, hiện vật / B.s.: Nguyễn Mạnh Hà, Trần Thị Vui, Vũ Quang Vinh... - H. : Chính trị Quốc gia, 2022. - 170 tr. : ảnh ; 24 cm. - 500b T012040

401. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : màu ; 82x112 cm. - 35000đ. - 10000b BD002718

402. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : màu ; 112 cm. - 35000đ. - 10000b BD002800

403. Cờ các quốc gia trên thế giới = World flags : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp của Glenn Doman / Huyền Windy. - H. : Hồng Đức, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - (Tủ sách Giúp học tốt tiếng Anh). - 59000đ. - 2000b T011623

404. Di sản văn hoá phi vật thể các dân tộc tỉnh Lào Cai = Intangible cultural heritage of the ethnic minorities in Lào Cai province / Hà Văn Thắng (ch.b.), Dương Tuấn Nghĩa, Nguyễn Thị Minh Tú... ; Dịch, h.đ.: Nguyễn Nam Thắng, Bùi Hương Giang. - H. : Văn hoá dân tộc, 2022. - 203 tr. : ảnh màu ; 22x24 cm. - 600b

ĐTTS ghi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai T011951

405. Di sản văn hoá Phú Thọ = Phú Thọ province's cultural heritages / B.s.; Lê Thị Thoa, Nguyễn Thanh Xuân, Trần Thị Minh Hiền, Dương Nhị Hà. - H. : Văn hoá dân tộc, 2019. - 289 tr. : ảnh, bảng ; 24 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. - Phụ lục: tr. 202-289 T011347

406. Dot-card mini - Dạy trẻ học Toán : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp Giáo dục mới. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 53 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 130000đ. - 1000b T011453

407. Du lịch Hải Dương = Hai Duong tourism / B.s.: Nguyễn Minh Hùng, Vũ Đình Tiến, Nguyễn Hoài Thoa... - H. : Thế giới, 2022. - 72 tr. : ảnh ; 20x26 cm. - 400b

Đầu bìa sách ghi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hải Dương T012052

408. Du lịch văn hoá dân gian Thái Nguyên / Phạm Thị Phương Thái (ch.b.), Hoàng

Thị Phương Nga, Phạm Anh Nguyên... - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2021. - 97 tr. : tranh màu ; 21 cm. - 500b T011354

409. Dự án Tăng cường độ tin cậy trong lĩnh vực sản xuất cây trồng an toàn tại khu vực miền Bắc Việt Nam (2016 - 2021) : Lễ hội tranh về rau an toàn. - S.l. : S.n., 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 90 cm T011916

410. Đà Nẵng trong tim em : Tuyển tập các ca khúc thiếu nhi: Chào mừng kỷ niệm 25 năm Thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương / Nhạc, lời: Nguyễn Nhân, Đoàn Phương Hải, Trương Duy Huyền... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2022. - 94 tr. ; 19x20 cm. - 500b A003804

411. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khoá XII, nhiệm kỳ 2011 - 2016 / B.s.: Phạm Hồng Thanh, Ân Văn Thanh, Nguyễn Đình Hải... - H. : Thông tấn, 2012. - 132 tr. : ảnh màu ; 25 cm. - 250b T011364

412. Đại đạo Tam Kỳ phổ độ (Cửu thập thất niên) - Toà thánh Tây Ninh. - H. : Tôn giáo, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 50 cm. - 20000b T011340

413. Đại tướng Ngô Xuân Lịch - Những dấu ấn về cuộc đời cách mạng. - H. : Quân đội nhân dân, 2021. - 308 tr. : ảnh, bản đồ ; 25x26 cm. - 3021b T011578

414. Đào Quang Minh. Hà Nội tôi yêu - Niềm tin chiến thắng / B.s.: Đào Quang Minh, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Nguyễn Huỳnh Mai. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 117 tr. : ảnh màu ; 20x25 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội. Hội Nhiếp ảnh nghệ thuật Hà Nội T011944

415. Đào Trinh. GPKids - Dạy bé học Toán = Dot card for baby : 109 thẻ / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2022. - 280 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 650000đ. - 1000b T011965

416. Đào Trinh. GPKids - Thẻ giới xung quanh : Áp dụng phương pháp giáo dục sớm / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2022. - 280 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 600000đ. - 1000b T011964

417. Đạo đức lớp 2: Bộ tranh kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 6500đ. - 7500b T012072

418. Đạo đức lớp 2: Bộ tranh tuân thủ quy định nơi công cộng / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ

Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 6500đ. - 7500b T012071

419. Đạo đức lớp 2: Bộ tranh về đức tính chăm chỉ / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 6500đ. - 7500b T012074

420. Đạo đức lớp 2: Bộ tranh về đức tính trung thực / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 6500đ. - 7500b T012075

421. Đạo đức lớp 2: Bộ tranh về lòng nhân ái / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 6500đ. - 7500b T012076

422. Đạo đức lớp 2: Bộ tranh về ý thức trách nhiệm / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 6500đ. - 7500b T012073

423. Đạo đức: Bộ tranh về kĩ năng tự bảo vệ - Lớp 2 / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6500đ. - 7500b T012187

424. Đạo đức: Clip về đức tính chăm chỉ lớp 2 / Kịch bản, đạo diễn: Điệp Văn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 1 CD . - 1500b CD002095

425. Đạo đức: Clip về đức tính trung thực lớp 2 / Kịch bản, đạo diễn: Điệp Văn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 1 CD . - 1500b CD002096

426. Đạo đức: Clip về lòng nhân ái lớp 2 / Kịch bản, đạo diễn: Điệp Văn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 1 CD . - 1500b CD002098

427. Đạo đức: Clip về quê hương lớp 2 / Kịch bản, đạo diễn: Điệp Văn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 1 CD . - 1500b CD002100

428. Đạo đức: Clip về tuân thủ quy định nơi công cộng lớp 2 / Kịch bản, đạo diễn: Điệp Văn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 1 CD . - 1500b CD002099

429. Đạo đức: Clip về ý thức trách nhiệm lớp 2 / Kịch bản, đạo diễn: Điệp Văn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 1 CD . - 1500b CD002097

430. Đặng Khánh Ngọc. Kiến trúc nhà cổ Hội An qua tư liệu Viện Bảo tồn di tích / Đặng Khánh Ngọc (ch.b.), Phạm Thanh Quang, Nguyễn Thị Tuấn Tú. - H. : Văn hoá dân tộc, 2022. - 195 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Viện Bảo tồn di tích T011952

431. Đặng Ngọc Trân. Từ hiện thực truyền thống đến hiện thực liên tưởng = From traditional realistic association / Đặng Ngọc Trân. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 135 tr. : tranh vẽ ; 30x31 cm. - 990000đ. - 500b T012230

432. Đặng Thái Sơn. Nhạc Trịnh, nhạc trữ tình soạn cho piano : Dành cho trình độ cơ bản và nâng cao... / Đặng Thái Sơn (ch.b.), Cù Minh Nhật. - H. : Dân trí ; Công ty Văn hoá Huy Hoàng. - 30 cm. - 160000đ. - 1000b Ph.1. - 2022. - 119 tr. A003810

433. Đất mở anh hùng / Xuân Giao, Đức Trí, Trương Công Nhân, Trần Phúc Kế... ; Vũ Anh Tuấn b.s. - H. : Văn học, 2020. - 337 tr. : ảnh ; 22x29 cm. - 3000b A003791

434. Đậu Lém phiêu lưu ký - Toán 1 : Phần mềm giúp học Toán cho học sinh tiểu học / Phạm Thuỷ Nhân. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2020. - 1 CD . - 79000đ. - 2000b CD002046

435. Địa hình Giáo dục Quốc phòng An ninh lớp 2 : Hướng dẫn lồng ghép GDQPAN trong chương trình lớp 2 / Nhóm chuyên gia Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam. - 85000đ. - 20000b CD 1. - 2021. - 1 CD CD002088

436. Địa hình Giáo dục Quốc phòng An ninh lớp 6 : Hướng dẫn lồng ghép GDQPAN trong chương trình lớp 6 / Nhóm chuyên gia Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam. - 85000đ. - 20000b CD 1. - 2021. - 1 CD CD002089

437. Địa hình Giáo dục Quốc phòng An ninh lớp 6 : Hướng dẫn lồng ghép GDQPAN trong chương trình lớp 6 / Nhóm chuyên gia Giáo dục Quốc phòng và An ninh. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam. - 85000đ. - 20000b CD 2. - 2021. - 1 CD CD002042

438. Địa bàn chủ yếu của nước Văn Lang và Âu Lạc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002707

439. Địa bàn chủ yếu của nước Văn Lang và Âu Lạc. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 230b BD002793

440. Điện Biên - Hành trình khám phá những di tích tiêu biểu = The journey of exploring attractive relics. - H. : Thế giới, 2021. - 60 tr. : ảnh màu ; 26 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên. Ban Quản lý di tích T011582

441. Đinh Quang Tiến. Những ký ức còn mãi trong tôi = Everlasting memories in my mind / Đinh Quang Tiến. - H. : Thế giới, 2021. - 158 tr. : ảnh màu ; 29 cm. - 800b T011869

442. Đỗ Cao Sang. Tiếng Anh & các công trình vĩ đại thế giới = English & world great constructions / Đỗ Cao Sang, Nguyễn Thị Thu. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 50 tờ : ảnh màu ; 15x21 cm. - (ELYH - English lights your home). - 1500000đ. - 500b T011625

443. Đỗ Chung. Thời gian : Tác phẩm hội hoạ / Đỗ Chung. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2021. - 200 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 34 cm. - 1652b T011870

444. Đỗ Đức. Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học / Đỗ Đức. - Tái bản lần 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 21x30 cm. - 9000đ. - 20000b T012285

445. Đỗ Hoàng Linh. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh: Hành trình cứu nước = Nguyen Ai Quoc - Ho Chi Minh: The itinerary to found Democratic Republic of Vietnam (DRV) = Нгуен Ай Куок - Хо Ши Мин: Путь спасения родины = 阮爱国一胡志明: 救国之旅 / Đỗ Hoàng Linh (ch.b.), Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Thị Bình. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2021. - 252 tr. : ảnh ; 18x24 cm. - 355000đ. - 500b

Phụ lục: tr. 179-251 T011343

446. Đỗ Mạnh Cường. Hoạ sĩ Đỗ Mạnh Cường = Artist painter Đỗ Mạnh Cường. - S.l. : S.n., 2000. - 133 tr. : ảnh màu, tranh màu ; 25x25 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh T011589

447. Đôi giày hồng = Barbie in the pink shoes / Mattel ; Thu Dương dịch. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012192

448. Đông Nam Á khoảng thế kỉ VII. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002701

449. Đông Nam Á khoảng thế kỉ VII. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 280b BD002790

450. Đông Nam Á thế kỉ X. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002711

451. Đông Nam Á thế kỉ X. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 280b BD002791

452. Động vật hoang dã = Wild animals : Giáo dục sớm. Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục của Glenn Doman / Huyền Windy. - H. : Hồng Đức, 2022. - 21 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - (Tủ sách Giúp học tốt tiếng Anh). - 59000đ. - 2000b T011961

453. Động vật hoang dã 2 = Wildlife. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 75 cm. - 12000đ. - 4000b T012301

454. Động vật nuôi = Domestic animals : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục của Glenn Doman / Huyền Windy. - H. : Hồng Đức, 2021. - 20 tờ : ảnh màu ; 15x21 cm. - 59000đ. - 2000b T011624

455. Featherstone, Neil. Hanoi panorama / Neil Featherstone. - H. : Dân trí, 2018. - 148 tr. : ảnh màu ; 18x26 cm. - 395000đ. - 1000b T011361

456. Festival Mỹ thuật trẻ lần thứ 6 năm 2022. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 146 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 400b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm T012227

457. Flashcard - Dạy trẻ học Toán. - H. : Lao động, 2021. - 59 tờ : tranh màu ; 21x21 cm. - 300000đ. - 2000b T011456

458. Flashcard - Kích thích thị giác cho trẻ sơ sinh : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục mới. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21x21 cm. - 79000đ. - 3000b

T.1: Đen trắng. - 2021. - 60 tờ : tranh màu T011444

459. Flashcard - Kích thích thị giác cho trẻ sơ sinh : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục mới. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21x21 cm. - 79000đ. - 3000b

T.2: Đỏ đen. - 2021. - 60 tờ T011445

460. Flashcard - Kích thích thị giác cho trẻ sơ sinh : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục mới. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21x21 cm. - 79000đ. - 3000b

T.3: Ô bàn cờ. - 2021. - 60 tờ : tranh màu T011446

461. Flashcard - Màu sắc & hình khối : Theo phương pháp Glenn Doman giáo dục cho trẻ từ sớm / Bảo Ngọc b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - (Thế giới quanh em = The world around you). - 50000đ. - 2000b T011442

462. Flashcard - Số đếm tiếng Việt đầu tiên cho bé : Theo phương pháp Glenn Doman giáo dục cho trẻ từ sớm / Bảo Ngọc b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 27 tờ ; 15x21 cm. - (Thế giới quanh em = The world around you). - 65000đ. - 2000b T011441

463. Flashcard - Số đếm tiếng Việt đầu tiên cho bé : Theo phương pháp Glenn Doman giáo dục cho trẻ từ sớm / Bảo Ngọc b.s. - Tái bản. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 30 tờ ; 15x21 cm. - (Thế giới quanh em). - 65000đ. - 2000b T012233

464. Flashcard - Thẻ học thông minh : Theo phương pháp Giáo dục sớm của Glenn Doman : Giúp bé làm quen với thế giới xung quanh : Song ngữ Anh - Việt (Có phiên âm) / Bảo Trâm b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 300 tờ : tranh màu ; 12x16 cm. - 250000đ. - 5000b T011462

465. Flashcard kích thích thị giác cho trẻ sơ sinh : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục mới : 60 thẻ dán tường. - H. : Phụ nữ Việt Nam. - 21 cm. - 79000đ. - 2000b

T.4: Màu sắc. - 2021. - 60 tờ : tranh màu T011878

466. Flashcard quốc kỳ 197 nước trên thế giới : Giáo dục sớm : Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục mới. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 197 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 129000đ. - 2000b T011425

467. Flashcard tiếng Trung Dương Châu = 抽认卡 : HSK 1 - 2. - H. : Thanh niên. - 5x8 cm. - 600000đ. - 5000b

T.1+2. - 2021. - 540 tờ : ảnh màu T011426

468. Flashcard vui học Hoá: Nguyên tố - Hợp chất hoá học / Đào Thị Hoàng Ly. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 60 tờ : hình vẽ ; 8x11 cm. - 68000đ. - 2000b T011427

469. Flashcard vui học Hoá: Nguyên tố - Hợp chất hoá học / Đào Thị Hoàng Ly. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 60 tờ : hình vẽ ; 8x11 cm. - 68000đ. - 1000b T012064

470. GDkids - Dạy bé học đọc : Giáo dục sớm theo phương pháp Glenn Doman. - H. : Lao động, 2021. - 100 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 250000đ. - 2000b T011459

471. GDkids - Thế giới xung quanh. - H. : Lao động, 2021. - 100 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 300000đ. - 3000b T011455

472. GDkids - Thế giới xung quanh. - H. : Lao động, 2021. - 400 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 600000đ. - 2000b T011463

473. Ghép hình khủng long 1 / Minh Khôi. - H. : Dân trí, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 25x35 cm. - 24000đ. - 3000b T012015

474. Ghép hình khủng long 2 / Minh Khôi. - H. : Dân trí, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 25x35 cm. - 24000đ. - 3000b T012016

475. Ghép hình khủng long 3 / Minh Khôi. - H. : Dân trí, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 25x35 cm. - 24000đ. - 3000b T012017

476. Ghép hình khủng long 4 / Minh Khôi. - H. : Dân trí, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 25x35 cm. - 24000đ. - 3000b T012018

477. Ghép hình khủng long 5 / Minh Khôi. - H. : Dân trí, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 25x35 cm. - 24000đ. - 3000b T012019

478. Ghép hình khủng long 6 / Minh Khôi. - H. : Dân trí, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 25x35 cm. - 24000đ. - 3000b T012020

479. Gia đình = Family : Flash cards Anh - Việt : Phát triển ngôn ngữ sớm cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Phúc Minh Kids b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 13x18 cm. - 29000đ. - 1500b T011437

480. Gia Lâm, 60 năm xây dựng và phát triển 1961 - 2021 / B.s.: Nguyễn Tiến Việt, Nguyễn Đức Hồng, Chu Thị Thanh Huyền... - H. : Thông tấn, 2021. - 197 tr. : ảnh ; 25 cm. - 250b
ĐTTS ghi: Huyện uỷ - HĐND - UBND - Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện Gia Lâm T011865

481. Giản Thanh Sơn. Lê Hùng Dũng - 60 năm với đời / Giản Thanh Sơn b.s. - H. : Thông tấn, 2014. - 283 tr. : ảnh màu ; 23x26 cm. - 1000b T011365

482. Giáo dục công dân lớp 6 - Bộ tranh thể hiện sự chăm chỉ, siêng năng, kiên trì trong học tập và sinh hoạt hằng ngày / Hà Phú Quang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011553

483. Giáo dục công dân lớp 6: Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng, tránh và ứng phó với các tình huống nguy hiểm / Nguyễn Thị Quý. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011389

484. Giáo dục công dân lớp 6: Bộ tranh thể hiện hành vi tiết kiệm điện, nước / Nguyễn Thị Quý. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011393

485. Giáo dục công dân lớp 6: Bộ tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011386

486. Giáo dục công dân lớp 6: Bộ tranh về các nhóm quyền trẻ em / Nguyễn Thị Quý. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011394

487. Giáo dục thể chất - Bộ tranh minh họa các tư thế quỳ, ngồi cơ bản - Lớp 2 / Ngô Ngọc Tân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 20000đ. - 850b T012099

488. Giáo dục thể chất - Bộ tranh minh họa cách thức thực hiện biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang, vòng tròn - Lớp 2 / Ngô Ngọc Tân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 4 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 40000đ. - 850b T012101

489. Giáo dục thể chất - Bộ tranh minh họa cách thực hiện vệ sinh cá nhân trong tập luyện - Lớp 2 / Ngô Ngọc Tân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 5 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 60000đ. - 850b T012100

490. Giáo dục thể chất lớp 2 - Bộ tranh minh họa cách thực hiện vệ sinh cá nhân trong tập luyện : Vệ sinh sân tập, dụng cụ tập luyện : Theo Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 5/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 50000đ. - 3000b T012001

491. Giáo dục thể chất lớp 6 - Bộ tranh minh họa kỹ thuật các giai đoạn chạy cự li ngắn / Nguyễn Mạnh Toàn. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : hình vẽ ; 102 cm. - 2000b T011562

492. Giáo dục thể chất lớp 6 - Bộ tranh minh họa kỹ thuật các giai đoạn chạy cự li ngắn : Cách đóng bàn đạp, tư thế chuẩn xuất phát thấp, xuất phát cao / Nguyễn Mạnh Toàn. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 2000b T011559

493. Giáo dục thể chất lớp 6 - Bộ tranh minh họa kỹ thuật các giai đoạn ném bóng / Nguyễn Mạnh Toàn. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ ; 102 cm. - 2000b T011561

494. Giáo dục thể chất lớp 6 - Tranh minh họa các yếu tố dinh dưỡng có ảnh hưởng trong tập luyện và phát triển thể chất / Nguyễn Minh Toàn. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 2000b T011560

495. Giúp bé nhận biết và làm quen gia súc gia cầm / Hoàng Liên Yên Linh. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 2 tờ : ảnh màu ; 40x30 cm. - 15000đ. - 3000b T011853

496. Giúp bé nhận biết và làm quen trái cây / Trần Diệu An. - Tái bản lần thứ 1. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 40x30 cm. - 15000đ. - 3000b T011852

497. Hà Nội tourist map. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 50x70 cm. - 4000b BD002819

498. Hải lưu ở đại dương thế giới. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002696

499. Hát mãi tên anh / Nhạc, lời: Nguyễn Quang Trung, Võ Văn Thành, Hoàng Huy Ám... - H. : Văn hoá dân tộc, 2020. - 1 CD. - 300b

ĐTTS ghi: Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn CD002085

500. Hậu quả của mất răng sớm. - Lâm Đồng : Sở Y tế Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ ; 50x70 cm. - 500b T011855

501. Hệ cơ / Phạm Việt Quang, Trần Ngọc Lê. - H. : Giáo dục, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 16940đ. - 10000b T011784

502. Hệ cơ - Môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 120000đ. - 300b T011919

503. Hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến - Một số phép chiếu toàn cầu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 16000đ. - 312b BD002695

504. Hình dạng = Shapes : Flash cards Anh - Việt : Phát triển ngôn ngữ sớm cho trẻ từ 0 - 5 tuổi / Phúc Minh Kids b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 22 tờ ; 13x18 cm. - 29000đ. - 1500b T011439

505. Hình thể bán cầu Đông / Ngô Đạt Tam, Lê Văn Huỳnh, Nguyễn Thị Hồng Loan... - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002692
506. Hình thể bán cầu Đông / Ngô Đạt Tam, Lê Văn Huỳnh, Nguyễn Thị Hồng Loan... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 165b BD002799
507. Hình thể bán cầu Tây / Ngô Đạt Tam, Lê Huỳnh, Nguyễn Thị Hồng Loan, Cao Văn Dũng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002693
508. Ho gà, bạch hầu & uốn ván : Tài liệu dành cho công chúng. - H. : Y học, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 1000b T011933
509. Hoàn Kiếm - 60 năm xây dựng và phát triển (1961 - 2021) = Years of construction and development / Dịch, h.đ.: Hoàng Long. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 135 tr. : ảnh màu ; 24 cm. - 2000b
- ĐTTS ghi: Quận uỷ - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận Hoàn Kiếm T011945
510. Hoàng Hằng. Sách kích thích thị giác / Hoàng Hằng b.s. - H. : Lao động, 2021. - 15 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 120000đ. - 5000b T011963
511. Hoạt động thương mại trên biển Đông. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002699
512. Hoạt động thương mại trên biển Đông. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 265b BD002796
513. Hoạt động trải nghiệm - Lớp 2: Bộ tranh tình bạn / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 10 tờ : tranh màu ; 21x29 cm. - 40000đ. - 8000b T011988
514. Hoạt động trải nghiệm - Lớp 6: Bộ tranh nghề truyền thống / Nguyễn Anh Trang, Duong Ngoc Thang, Trần Thị Thuỳ Nhung. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 20 tờ : ảnh màu ; 11x15 cm. - 230000đ. - 1000b T011879
515. Hoạt động trải nghiệm - Lớp 6: Bộ tranh về thiên tai, biến đổi khí hậu / Shutterstock.com. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 20 tờ : ảnh màu ; 11x15 cm. - 200000đ. - 1000b T011880
516. Hoạt động trải nghiệm lớp 2: Bộ tranh tình bạn / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 10 tờ : tranh màu ; 21x29 cm. - 54000đ. - 7500b T011780
517. Hoạt động trải nghiệm lớp 2: Gia đình em / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 7 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 19500đ. - 7500b T012067
518. Hoạt động trải nghiệm lớp 2: Tranh nghề của bố mẹ em / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 20 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 64000đ. - 7500b T011779
519. Hoạt động trải nghiệm: Bộ thẻ mệnh giá Tiền Việt Nam - Lớp 2 / Ngô Ngọc Tân. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 30 tờ : tranh màu ; 4x9 cm. - 5500b T011955
520. Hoạt động trải nghiệm: Phong cảnh đẹp quê hương - Lớp 2 / Kịch bản, đạo diễn: Điệp Văn. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 1 CD . - 1500b CD002101
521. Học bảng chữ cái - Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với chữ viết / Nguyễn Minh Thảo b.s. ; Minh họa: Nguyễn Thế Phi, Nguyễn Phương Dung. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 31 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 60000đ. - 1000b T011710
522. Học bảng chữ cái - Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với chữ viết / B.s.: Nguyễn Thị Bích Thảo, Nguyễn Thị Bích Thu ; Minh họa: Nguyễn Thế Phi, Nguyễn Thị Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 19 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 37000đ. - 1000b T011708
523. Học bảng chữ cái - Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi làm quen với chữ viết / Nguyễn Minh Thảo b.s. ; Minh họa: Bùi Việt Duy. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 31 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 60000đ. - 1500b T011723
524. Học bảng chữ cái - Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với chữ viết / Nguyễn Minh Thảo b.s. ; Minh họa: Nguyễn Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục, 2021. - 31 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 60000đ. - 1000b T011711
525. Học bảng chữ cái - Bộ tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với chữ viết / B.s.: Nguyễn Thị Bích Thảo, Nguyễn Thị Bích Thu ; Minh họa: Nguyễn Thế Phi, Nguyễn Thị Thanh Vân. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 35 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 66000đ. - 1000b T011709

526. Học tiếng Anh bằng hình ảnh = Learning English by pictures / Phan Minh Đạo. - H. : Mỹ thuật. - 60 cm. - 65000đ. - 2000b
T.2. - 2021. - 5 tờ : ảnh màu T011333

527. Học tiếng Anh bằng hình ảnh = Learning English with pictures / Phan Minh Đạo. - H. : Mỹ thuật. - 60 cm. - 65000đ. - 2000b
T.1. - 2021. - 5 tờ : ảnh màu T011332

528. Học tiếng Anh bằng hình ảnh 1 = Learning English by pictures 1 / First News b.s. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 58000đ. - 4000b T011931

529. Học tiếng Anh bằng hình ảnh 1 = Learning English by pictures 1 / First News b.s. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 40 cm. - 54000đ. - 4000b
T.1. - 2021. - 8 tờ : tranh màu T011929

530. Học tiếng Anh bằng hình ảnh 2 = Learning English by pictures 2 / First News b.s. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 58000đ. - 3000b T012022

531. Học tiếng Anh bằng hình ảnh 2 = Learning English by pictures 2 / First News b.s. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 8 tờ : tranh màu ; 40 cm. - 54000đ. - 4000b T012209

532. Học tiếng Anh bằng hình ảnh 3 = Learning English by pictures 3 / First News b.s. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 8 tờ : tranh màu ; 60 cm. - 58000đ. - 3000b T012212

533. Hồ Hoàng. Bướm xuân : Tập ca khúc / Hồ Hoàng. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2021. - 135 tr. ; 19 cm. - 500b A003801

534. Hội Dầu khí Việt Nam: Hành trình kết nối - Lan truyền lửa dầu khí : Đoàn kết - Trí tuệ - Đổi mới - Phát triển. - H. : Lao động, 2022. - 120 tr. : ảnh màu ; 24x28 cm. - 350b T011947

535. Hội thảo khoa học quốc tế: Giảng dạy tiếng Trung Quốc trong thời đại công nghiệp 4.0 lần thứ XII = 第十二届中文教学现代化国际研讨会 = The 12 international conference on modernization of Chinese education. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD. - 140b

ĐTTS ghi: Hiệp hội Khoa học Kỹ thuật giảng dạy tiếng Trung; Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh CD002051

536. Hội thi Giải thưởng Mỹ thuật thiếu nhi thành phố Dĩ An : Tập tranh đạt giải năm 2021 / Huỳnh Bảo Anh, Nguyễn Quỳnh Như Ngọc, Lê Ngọc Thuý An... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2021. - 121 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 1000b
ĐTTS ghi: Phòng Văn hoá và Thông tin thành phố Dĩ An. Thư viện T011859

537. Hội thi Giải thưởng Mỹ thuật thiếu nhi thành phố Dĩ An : Tập tranh đạt giải năm 2022 / Nguyễn Thuý Vy, Nguyễn Phương Vy, Trịnh Hoàng Danh... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2022. - 116 tr. : tranh vẽ ; 24 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Phòng Văn hoá và Thông tin thành phố Dĩ An. Thư viện T012043

538. Hội thi vẽ tranh "Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh với Bác Tôn" lần thứ XVI - năm 2022. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 83 tr. : tranh màu ; 21x30 cm. - 250b

ĐTTS ghi: Bảo tàng Tôn Đức Thắng T012225

539. Hồng Lĩnh khúc tình ca : Ca khúc tuyển chọn / Nhạc: Nguyễn Trọng Tạo, An Thuý, Ngọc Thịnh... ; Thơ: Đặng Quốc Vinh... ; S.t.: Đặng Quang Vinh... - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2022. - 151 tr. : ảnh ; 19x20 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Phòng Văn hoá và Thông tin thị xã Hồng Lĩnh A003806

540. Huyền Windy. Màu sắc và hình khối = Colors & shapes : Giáo dục sớm. Thê thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục Glenn Doman : Dạy trẻ luyện nghe - phát âm chuẩn xác / Huyền Windy. - H. : Hồng Đức, 2022. - 20 tờ : ảnh màu ; 15x21 cm. - (Tủ sách Giúp học tốt tiếng Anh). - 59000đ. - 2000b T012185

541. Hướng dẫn dự phòng lây truyền HIV, HBV, giang mai từ mẹ sang con : Ban hành kèm theo Quyết định số 2834/QĐ-BYT ngày 04/7/2019 của Bộ Y tế. - Lâm Đồng : Sở Y tế Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ ; 80x60 cm. - 500b T011856

542. Hướng dẫn phòng, chống COVID-19 tại chợ đầu mối, chợ dân sinh. - Lâm Đồng : Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Sở Y tế Lâm Đồng. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật T011335

543. Hướng dẫn phòng, chống dịch Covid-19 tại chợ đầu mối, chợ dân sinh. - Lâm Đồng : Sở Y tế Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : tranh vẽ ; 80 cm. - 100b

ĐTTS ghi: Sở Y tế Lâm Đồng. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật T011369

544. Hy Lạp cổ đại. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002700

545. John Trịnh. Bộ sưu tập thiết kế áo dài hiện đại / John Trịnh. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 58 tr. : tranh màu ; 23x25 cm. - 270000đ. - 3000b T011943

546. Khoa học tự nhiên lớp 6: Sơ đồ các nhóm động vật không xương sống và có xương sống / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011402

547. Khoa học tự nhiên lớp 6: Sơ đồ các nhóm phân loại sinh vật / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011409

548. Khoa học tự nhiên lớp 6: Sơ đồ các nhóm thực vật / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011401

549. Khoa học tự nhiên lớp 6: Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở động vật / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011407

550. Khoa học tự nhiên lớp 6: Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở thực vật / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011405

551. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh mô tả sự đa dạng của chất / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu, tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011398

552. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh so sánh tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011395

553. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh so sánh tế bào thực vật và tế bào động vật / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011412

554. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về cấu tạo virus / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011404

555. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào động vật / Phạm Quang Tiệp.

- H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011397

556. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào nhân sơ / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011396

557. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về đa dạng của động vật có xương sống / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011411

558. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về đa dạng động vật không xương sống / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011403

559. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về đa dạng vi khuẩn / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011400

560. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về hệ mặt trời / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011384

561. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về một số đối tượng nguyên sinh vật / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011406

562. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về một số loại tế bào điển hình / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011381

563. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về ngân hà / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011383

564. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về sơ đồ biểu diễn sự chuyển thể của chất / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011408

565. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về sự mọc lên của mặt trời / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011410

566. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về thực vật có mạch, có hạt, có hoa (hạt kín) / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011399

567. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về thực vật có mạch, không có hạt (cây dương xỉ) / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm,

2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011382

568. Khoa học tự nhiên lớp 6: Tranh/ảnh về thực vật không có mạch (cây rêu) / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 1000b T011385

569. Khu rừng bí ẩn : Những câu chuyện vui không bao giờ kết thúc : Dành cho lứa tuổi 6+. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 45 tờ ; 8 cm. - 179000đ. - 2000b T011421

570. Khúc ru trầm : 77 ca khúc phổ thơ Nguyễn Ngọc Hạnh / Lời: Nguyễn Ngọc Hạnh ; Nhạc: Hoài An, Nam An, Lê Anh... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2021. - 183 tr. ; 24 cm. - 200000đ. - 500b A003802

571. Kỳ yếu hoạt động của đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Yên khoá XIV nhiệm kỳ 2016 - 2021. - S.l. : S.n., 2021. - 244 tr. : ảnh màu ; 20x25 cm. - 150b

ĐTTS ghi: Quốc hội khoá XIV. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Yên T011362

572. Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và thoát hiểm an toàn. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 500b T012213

573. La Mã cổ đại. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002715

574. Lâm Thị Mỹ Dung. Bản đồ thể hiện Đông Nam Á và các vương quốc cổ đại ở Đông Nam Á : Lịch sử lớp 6 / Lâm Thị Mỹ Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 102x72 cm. - 1000b BD002727

575. Lâm Thị Mỹ Dung. Bản đồ thể hiện một số di tích khảo cổ học tiêu biểu ở Đông Nam Á và Việt Nam / Lâm Thị Mỹ Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002658

576. Lâm Thị Mỹ Dung. Bản đồ thể hiện nước Văn Lang và Âu Lạc / Lâm Thị Mỹ Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : màu ; 102x72 cm. - 1000b BD002726

577. Lê Đình Quý. Le Dinh Quy. - H. : Văn hoá Thông tin, 2009. - 118 tr. : tranh màu ; 32 cm. - 2000b T011368

578. Lê Minh Tuấn. Bộ thể xử lý từ chối / Lê Minh Tuấn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 58 tờ ; 7x13 cm. - 500000đ. - 500b T011619

579. Lê Thị Thu Hương. Người Kháng ở Việt Nam = The Kháng in Viet Nam / B.s.: Lê

Thị Thu Hương, Bùi Thuý Hằng ; Nguyễn Xuân Hồng dịch ; MC Pherson h.đ. - H. : Thông tấn, 2021. - 141 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b

Thư mục: tr. 136-139 T011864

580. Lê Va. Bờ xưa : Sách ảnh / Lê Va. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 163 tr. : ảnh ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011938

581. Lịch 2022. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 62 cm. - 8000b T011928

582. Lịch 2022. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 70 cm T011930

583. Lịch 2022. - S.l. : S.n., 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 102 cm T011935

584. Lịch 2022 : Cảnh sát nhân dân. - H. : Công an nhân dân, 2021. - 5 tờ : ảnh màu ; 60x40 cm. - 25000b T011849

585. Lịch 2022 : Chúc mừng năm mới Xuân Nhâm Dần - 2022. - S.l. : S.n., 2021. - 7 tờ : ảnh màu ; 40x59 cm. - 2000b T011843

586. Lịch 2022 : Công an nhân dân. - H. : Công an nhân dân, 2021. - 1 tờ : ảnh ; 70x45 cm. - 50000b T011844

587. Lịch 2022 : Đất nước - Con người / Ảnh: Ngân Hà. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2021. - 7 tờ : ảnh màu ; 60x40 cm. - 58000đ. - 20000b T011846

588. Lịch 2022 : Được mùa... / Ảnh: Ngân Hà. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2021. - 7 tờ : ảnh màu ; 60x40 cm. - 58000đ. - 20000b T011848

589. Lịch 2022 : Hà Nội phố xưa / Ảnh: Ngân Hà. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2021. - 7 tờ : tranh màu ; 60x40 cm. - 58000đ. - 20000b T011847

590. Lịch 2022 : Lộc phát / Ảnh: Ngân Hà. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2021. - 7 tờ : ảnh màu ; 60x40 cm. - 58000đ. - 20000b T011850

591. Lịch 2022 : Vemedim. - Cần Thơ : Đại học Cần Thơ, 2021. - 12 tờ : ảnh màu ; 38x60 cm. - 1000b T011851

592. Lịch Nhâm Dần 2022 : Công an nhân dân. - H. : Công an nhân dân, 2021. - 5 tờ : ảnh màu ; 60x40 cm. - 40000b T011845

593. Lịch sử lớp 6 - Lược đồ thể hiện địa dư, vị thế và lịch sử vương quốc Chăm-pa và vương quốc Phù Nam / Lâm Thị Mỹ Dung. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : minh họa ; 72x102 cm. - 1000b BD002725

594. Linh vật/động vật và biểu tượng các nước trên thế giới / Hoàng Hằng b.s. - H. : Văn hoá dân tộc, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 102 cm. - 15000đ. - 5000b T011990

595. Lòng tốt dễ lây = Kindness is contagious / Nguyễn Vũ Xuân Lan, Nguyễn Đức Phương, Nguyễn Hữu Minh... - H. : Thế giới, 2021. - 117 tr. : tranh vẽ ; 25 cm. - 1000b T011351

596. Lô tô các đồ vật / Bùi Thị Xuân. - H. : Giáo dục, 2021. - 35 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 10500đ. - 5000b T011600

597. Lô tô các loài hoa / Bùi Thị Xuân. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 9000đ. - 5000b T011598

598. Lô tô các loài hoa : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 06 tuổi / Nguyễn Thị Tuyết ; Minh họa: Lê Bình, Xuân Du. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : ảnh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 1500b T011610

599. Lô tô các loại quả / Bùi Thị Xuân. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 10000đ. - 5000b T011596

600. Lô tô các loại quả : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Nguyễn Thị Tuyết. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : ảnh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 3000b T011417

601. Lô tô các loại rau, củ, quả / Bùi Thị Xuân. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 9000đ. - 5000b T011594

602. Lô tô dinh dưỡng / Bùi Thị Xuân. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 10000đ. - 5000b T011597

603. Lô tô dinh dưỡng : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 06 tuổi / Nguyễn Thị Hồng Thu, Nguyễn Thị Tuyết. - Tái bản lần thứ 11. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 4000b T011609

604. Lô tô đồ vật : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Nguyễn Thị Tuyết. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : ảnh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 5000b T011415

605. Lô tô động vật / Bùi Thị Xuân. - H. : Giáo dục, 2021. - 36 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 11500đ. - 5000b T011599

606. Lô tô động vật : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Đoàn Phùng Thuý Liên, Nguyễn Thị Tuyết. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 8000b T011416

607. Lô tô giáo dục an toàn giao thông : 20 quân : Dành cho trẻ mẫu giáo 3 - 6 tuổi / Hà Thị Tú. - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 11000đ. - 3000b T011605

608. Lô tô giáo dục lễ giáo : 25 quân : Dành cho trẻ 3 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Hiếu ; Thiết kế, minh họa: Đỗ Chiến Công. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục, 2021. - 50 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 2000b T012056

609. Lô tô giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội : 20 quân : Dành cho trẻ mầm non từ 3 - 6 tuổi / Đỗ Thị Hoà. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 11000đ. - 40000b T011606

610. Lô tô giúp bé làm quen với toán : 30 quân : Dành cho trẻ em dưới 06 tuổi / Hoàng Anh Ngọc, Đặng Hoàng Hải ; Minh họa: Đặng Hoàng Vũ. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 15000đ. - 1000b T011614

611. Lô tô giúp bé làm quen với Toán : 30 quân : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Hoàng Anh Ngọc, Đặng Hoàng Hải ; Minh họa: Đặng Hoàng Vũ. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2022. - 30 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 15000đ. - 2000b T012061

612. Lô tô giúp trẻ nhận biết, phòng tránh xâm hại và bạo hành : 30 quân : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Đặng Thị Kim Dung ; Minh họa: Nguyễn Thị Huệ. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 15000đ. - 5000b T011615

613. Lô tô hình và số lượng / Bùi Thị Xuân. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 9000đ. - 5000b T011595

614. Lô tô hướng dẫn trẻ kỹ năng tự phục vụ : 20 quân : Dành cho trẻ mầm non từ 3 - 6 tuổi / Dương Thị Liên. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 11000đ. - 3000b T011603

615. Lô tô khám phá chủ đề bản thân : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 06 tuổi / Đặng Thanh Nhân, Nguyễn Thị Hoà ; Minh họa: Nguyễn Thế Phi, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 2000b T011613

616. Lô tô khám phá chủ đề gia đình : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 06 tuổi / Đặng Thanh Nhân, Nguyễn Thị Hoà. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 2000b T011608

617. Lô tô khám phá chủ đề quê hương - đất nước - Bác Hồ : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Đặng Thanh Nhân, Nguyễn Thị Hoà ; Minh hoạ: Bùi Việt Duy. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : ảnh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 3000b T011420

618. Lô tô làm quen với chữ cái : 32 quân : Dành cho trẻ em dưới 06 tuổi / Phan Lan Anh ; Minh hoạ: Lê Bình, Xuân Du. - H. : Giáo dục, 2021. - 32 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 15000đ. - 6500b T011616

619. Lô tô lắp ghép các khái niệm tương phản : 24 cặp : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Hoàng Anh Ngọc, Đặng Hồng Hải ; Minh hoạ: Đặng Hoàng Vũ. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh màu ; 10x14 cm. - 21000đ. - 3000b T011621

620. Lô tô ngành nghề : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Hồng Thu, Nguyễn Thị Tuyết ; Minh hoạ: Quốc Trọng. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : ảnh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 4000b T011419

621. Lô tô nhận biết hình và số lượng : 40 quân : Dành cho trẻ em dưới 06 tuổi / Hoàng Anh Ngọc, Đặng Hoàng Hải ; Minh hoạ: Lê Bình, Xuân Du. - H. : Giáo dục, 2021. - 40 tờ : tranh màu ; 7x10 cm. - 18000đ. - 6000b T011617

622. Lô tô phương tiện giao thông / Bùi Thị Xuân. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh màu ; 10 cm. - 9000đ. - 5000b T011601

623. Lô tô thực vật : 25 quân : Dành cho trẻ em dưới 6 tuổi / Nguyễn Thị Tuyết. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : ảnh màu ; 7x10 cm. - 13000đ. - 6000b T011418

624. Lược đồ múi giờ trên thế giới, bản đồ các khu vực giờ GMT / Phí Công Việt, Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002762

625. Lược đồ thể hiện địa dư, vị thế và lịch sử Vương quốc Chăm-pa / Đinh Ngọc Bảo, Đặng Thị Huyền Trang, Phạm Văn Hải, Nguyễn Thị Thu Lan. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 32200đ. - 5000b BD002754

626. Lưới kinh vĩ tuyến; Một số lưới chiếu toàn cầu / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư

phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002665

627. Lưới kinh, vĩ tuyến ; Một số lưới chiếu toàn cầu / Lê Huỳnh, Trương Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Lan, Phạm Văn Hải. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b BD002685

628. Lưỡng Hà cổ đại. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002713

629. Lưỡng hà cổ đại. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 100b BD002776

630. Lượng mưa trung bình năm trên thế giới. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002716

631. Lưu Trọng Thăng. Xứ Thanh - Vẻ đẹp bất tận / Lưu Trọng Thăng. - H. : Thông tấn, 2022. - 141 tr. : ảnh ; 25 cm. - 450000đ. - 200b T012032

632. Mãi mãi một tình yêu : Cuộc vận động sáng tác tác phẩm âm nhạc và sân khấu hướng đến kỷ niệm 45 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/04/1975-30/04/2020) và chào mừng các sự kiện trọng đại của đất nước / Nhạc, lời: Dương Bích Hà, Phạm Minh Tuấn, Bảo Huy... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 154 tr. ; 29 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sở Văn hoá và Thể thao - Liên hiệp các Hội Văn học, Nghệ thuật A003799

633. Mariposa và công chúa Pha Lê = Barbie mariposa & the fairy princess / Mattel ; Thu Dương dịch. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012190

634. Màu sắc : 20 cặp ghép : Song ngữ Anh - Việt : 2+ / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2022. - 40 tờ : tranh màu ; 12 cm. - 49000đ. - 1000b T012059

635. Mẫu chữ viết trong trường tiểu học : Theo Quyết định số 31/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 8 tờ ; 54x79 cm. - 136000đ. - 1000b T012181

636. Mẫu chữ viết trong trường tiểu học : Theo Quyết định số 31/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 8 tờ ; 79 cm. - 136000đ. - 6000b T012220

637. Mĩ thuật lớp 6 - Bảng yếu tố và nguyên lí tạo hình / Nguyễn Khắc Tú. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 2000b T011556

638. Mĩ thuật lớp 6 - Bộ tranh/ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật Việt Nam thời kì tiền sử và cổ đại / Nguyễn Khắc Tú. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 2000b T011557

639. Miền sương ngọt : Tập sách ảnh về Cam Lộ từ 1930 - 2021 / B.s.: Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Bắc, Nguyễn Thanh Tùng... - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2022. - 179 tr. : ảnh màu ; 24x30 cm. - 600b

Đầu bìa sách ghi: Huyện Cam Lộ T011953

640. Minh Nhân. Việt Nam ước mong / Minh Nhân ch.b. - H. : Hồng Đức. - 21 cm. - 3000b

T.1. - 2022. - 174 tr. : ảnh, tranh màu T012050

641. Minh Pham. Hanoi Hanoi / Minh Pham. - H. : Thế giới, 2022. - 181 tr. : ảnh ; 18 cm. - 500b T012023

642. Moulou, Patrick. 1000 hợp âm cho đàn guitar / Patrick Moulou, Art Mickaëlian ; Thiên Kim dịch. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2021. - 102 tr. : hình vẽ ; 27 cm. - 85000đ. - 2000b A003800

643. Môn Công nghệ - Lớp 6 : Chủ đề: Bảo quản và chế biến thực phẩm. - H. : Thế giới, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 50x79 cm T011832

644. Môn Công nghệ - Lớp 6 : Chủ đề: Đồ điện trong gia đình. - H. : Thế giới, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 59x79 cm T011830

645. Môn Công nghệ - Lớp 6 : Chủ đề: Nhà ở. - H. : Thế giới, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 50x79 cm T011831

646. Môn Công nghệ - Lớp 6 : Chủ đề: Trang phục và thời trang. - H. : Thế giới, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 59x79 cm T011829

647. Môn Công nghệ - Tranh về đèn điện : Dùng cho lớp 6, 9 / Đặng Thị Thanh Thảo, Lê Mạnh Cường. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012159

648. Môn Công nghệ - Tranh về kiến trúc nhà ở Việt Nam : Dùng cho lớp 6 / Đặng Thị Thanh Thảo, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb.

Hà Nội, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012152

649. Môn Công nghệ - Tranh về lựa chọn và sử dụng trang phục : Dùng cho lớp 6, 9 / Đặng Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thị Ngọc Thuý. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012155

650. Môn Công nghệ - Tranh về ngôi nhà thông minh : Dùng cho lớp 6, 9 / Đặng Thị Thanh Thảo, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012158

651. Môn Công nghệ - Tranh về phương pháp bảo quản thực phẩm : Dùng cho lớp 6, 9 / Đặng Thị Thanh Thảo, Trần Linh Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012156

652. Môn Công nghệ - Tranh về phương pháp chế biến thực phẩm : Dùng cho lớp 6, 9 / Đặng Thị Thanh Thảo, Trần Linh Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012147

653. Môn Công nghệ - Tranh về quạt điện : Dùng cho lớp 6 / Đặng Thị Thanh Thảo, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012150

654. Môn Công nghệ - Tranh về Thời trang trong cuộc sống : Dùng cho lớp 6, 9 / Đặng Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thị Ngọc Thuý. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012151

655. Môn Công nghệ - Tranh về thực phẩm trong gia đình : Dùng cho lớp 6, 9 / Đặng Thị Thanh Thảo, Trần Linh Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012149

656. Môn Công nghệ - Tranh về trang phục và đời sống : Dùng cho lớp 6 / Đặng Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thị Ngọc Thuý. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012153

657. Môn Công nghệ - Tranh về vai trò và đặc điểm chung của nhà ở : Dùng cho lớp 6 / Đặng Thị Thanh Thảo, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012157

658. Môn Công nghệ - Tranh về xây dựng nhà ở : Dùng cho lớp 6 / Đặng Thị Thanh Thảo, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021.

- 1 tờ : ảnh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b
T012154

659. Môn Công nghệ: Tranh về bếp điện :
Dùng cho lớp 6 / Đặng Thị Thanh Thảo, Thái
Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ :
tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b
T012148

660. Môn Công nghệ: Tranh về nồi cơm
điện : Dùng cho lớp 6 / Đặng Thị Thanh Thảo,
Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ :
tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b
T012146

661. Môn Đạo đức - Bộ tranh về đức tính
chăm chỉ : Dùng cho lớp 1, 2, 5 / Nguyễn Thị
Hoà, Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. -
2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 3000b
T011469

662. Môn Đạo đức - Bộ tranh về đức tính
trung thực : Dùng cho lớp 1, 2, 3 / Nguyễn Thị
Hoà, Nguyễn Mai Hương. - H. : Nxb. Hà Nội,
2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 3000b
T011473

663. Môn Đạo đức - Bộ tranh về kĩ năng
nhận thức, quản lí bản thân : Dùng cho lớp 2, 3 /
Nguyễn Thị Hoà, Nguyễn Thị Ngọc Thuý. - H. :
Nxb. Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. -
6000đ. - 3000b T011472

664. Môn Đạo đức - Bộ tranh về kĩ năng
nhận thức, quản lí bản thân : Dùng cho lớp 2, 3.
- H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21
cm. - 6000đ. - 1000b T012247

665. Môn Đạo đức - Bộ tranh về kĩ năng tự
bảo vệ : Dùng cho lớp 2, 5 / Nguyễn Thị Hoà,
Nguyễn Hồng Quân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. -
2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 3000b
T011471

666. Môn Đạo đức - Bộ tranh về kĩ năng tự
bảo vệ : Dùng cho lớp 2, 5. - H. : Nxb. Hà Nội,
2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 1000b
T012242

667. Môn Đạo đức - Bộ tranh về lòng nhân
ái : Dùng cho lớp 2, 4 / Nguyễn Thị Hoà, Bùi
Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh
màu ; 21 cm. - 6000đ. - 3000b T011479

668. Môn Đạo đức - Bộ tranh về quê hương
em : Dùng cho lớp 2, 3 / Nguyễn Thị Hoà,
Nguyễn Mai Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. -
2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 3000b
T011468

669. Môn Đạo đức - Bộ tranh về tuân thủ
quy định nơi công cộng : Dùng cho lớp 1, 2, 3 /
Nguyễn Thị Hoà, Nguyễn Hồng Quân. - H. :
Nxb. Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. -
6000đ. - 3000b T011470

670. Môn Đạo đức - Bộ tranh về tuân thủ
quy định nơi công cộng : Dùng cho lớp 1, 2, 3. -
H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21
cm. - 6000đ. - 1000b T012248

671. Môn Đạo đức - Bộ tranh về ý thức
trách nhiệm : Dùng cho lớp 1, 2 / Nguyễn Thị
Hoà, Nguyễn Hồng Quân. - H. : Nxb. Hà Nội,
2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 3000b
T011467

672. Môn Đạo đức - Bộ tranh về ý thức
trách nhiệm : Dùng cho lớp 1, 2. - H. : Nxb. Hà
Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. -
1000b T012241

673. Môn Đạo đức - Lớp 2: Bộ tranh về
đức tính chăm chỉ / Nguyễn Anh Trang, Trần
Văn Thắng, Ngô Vũ Thu Hằng... - H. : Đại học
Sur phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. -
12000đ. - 10000b T011887

674. Môn Đạo đức - Lớp 2: Bộ tranh về
đức tính trung thực / Nguyễn Anh Trang. - H. :
Đại học Sur phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21
cm. - 12000đ. - 10000b T011881

675. Môn Đạo đức - Lớp 2: Bộ tranh về kĩ
năng nhận thức, quản lí bản thân / Nguyễn Anh
Trang, Trần Văn Thắng, Ngô Vũ Thu Hằng... -
H. : Đại học Sur phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu ;
21 cm. - 12000đ. - 10000b T011882

676. Môn Đạo đức - Lớp 2: Bộ tranh về kĩ
năng tự bảo vệ / Nguyễn Anh Trang, Trần Văn
Thắng, Ngô Vũ Thu Hằng... - H. : Đại học Sur
phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 12000đ.
- 10000b T011883

677. Môn Đạo đức - Lớp 2: Bộ tranh về
lòng nhân ái / Trần Văn Thắng, Ngô Vũ Thu
Hằng, Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hương.
- H. : Đại học Sur phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu
; 15x21 cm. - 12000đ. - 10000b T011885

678. Môn Đạo đức - Lớp 2: Bộ tranh về
quê hương em / Nguyễn Anh Trang, Trần Văn
Thắng, Ngô Vũ Thu Hằng... - H. : Đại học Sur
phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. -
12000đ. - 10000b T011888

679. Môn Đạo đức - Lớp 2: Bộ tranh về
tuân thủ quy định nơi công cộng / Nguyễn Anh
Trang. - H. : Đại học Sur phạm, 2022. - 2 tờ :

tranh màu ; 15x21 cm. - 12000đ. - 10000b
T011886

680. Môn Đạo đức - Lớp 2: Bộ tranh về ý thức trách nhiệm / Nguyễn Anh Trang, Trần Văn Thắng, Ngô Vũ Thu Hằng... - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 12000đ. - 10000b T011884

681. Môn Giáo dục công dân - Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm : Dùng cho lớp 6 / Hoàng Văn Hà, Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 60000đ. - 3000b T012165

682. Môn Giáo dục công dân - Bộ tranh minh họa kỹ thuật các giai đoạn chạy cự li ngắn : Dùng cho các lớp 6, 7, 8, 9 / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 30000đ. - 3000b T012169

683. Môn Giáo dục công dân - Bộ tranh thể hiện những hành vi tiết kiệm điện, nước : Dùng cho lớp 6 / Hoàng Văn Hà, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 30000đ. - 3000b T012164

684. Môn Giáo dục công dân - Bộ tranh thể hiện sự chăm chỉ, siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hằng ngày : Dùng cho lớp 6 / Hoàng Văn Hà, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 45000đ. - 3000b T012166

685. Môn Giáo dục công dân - Bộ tranh về các nhóm quyền của trẻ em : Dùng cho lớp 6 / Hoàng Văn Hà, Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 60000đ. - 3000b T012162

686. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6 : Bộ tranh minh họa các giai đoạn chạy cự ly ngắn. - H. : Thế giới, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 72x102 cm T011835

687. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6 : Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam : Tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa nhà nước và công dân. - H. : Thế giới, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm T011839

688. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6 : Quyền trẻ em : Bộ tranh về các nhóm quyền của trẻ em. - H. : Thế giới, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 72x102 cm T011840

689. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6 : Siêng năng, kiên trì : Bộ tranh thể hiện sự chăm chỉ, siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt

hằng ngày. - H. : Thế giới, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm T011838

690. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6 : Tiết kiệm : Bộ tranh thể hiện những hành vi tiết kiệm điện, nước. - H. : Thế giới, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 72x102 cm T011842

691. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6 : Tự hào về truyền thống của gia đình, dòng họ : Tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ. - H. : Thế giới, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm T011837

692. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6 : Ứng phó với tình huống nguy hiểm : Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm. - H. : Thế giới, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 72x102 cm T011841

693. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6 : Yêu thương con người: Tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt. - H. : Thế giới, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 72x102 cm T011836

694. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6: Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 192000đ. - 1000b T011918

695. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6: Bộ tranh thể hiện những hành vi tiết kiệm điện, nước / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 96000đ. - 1000b T011923

696. Môn Giáo dục công dân - Lớp 6: Bộ tranh về các nhóm quyền của trẻ em / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 192000đ. - 1000b T011917

697. Môn Giáo dục công dân - Tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân : Dùng cho lớp 6 / Hoàng Văn Hà, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012160

698. Môn Giáo dục công dân - Tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt : Dùng cho lớp 6 / Hoàng Văn Hà, Nguyễn Thị Ngọc Thủy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 5 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 75000đ. - 3000b T012163

699. Môn Giáo dục công dân - Tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ : Dùng

cho lớp 6 / Hoàng Văn Hà, Nguyễn Mai Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 45000đ. - 3000b T012161

700. Môn Giáo dục thể chất - Bộ tranh minh họa các tư thế quỳ, ngồi cơ bản : Dùng cho lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 20000đ. - 3000b T011534

701. Môn Giáo dục thể chất - Bộ tranh minh họa cách thức thực hiện biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang, vòng tròn : Dùng cho lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 40000đ. - 3000b T011532

702. Môn Giáo dục thể chất - Bộ tranh minh họa cách thức thực hiện vệ sinh trong tập luyện : Dùng cho lớp 2 / Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Mai Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 60000đ. - 3000b T011526

703. Môn Giáo dục thể chất - Lớp 2: Bộ tranh minh họa các tư thế quỳ, ngồi cơ bản / Lưu Quang Hiệp, Phạm Đông Đức, Nguyễn Duy Linh, Phạm Trảng Kha. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 24000đ. - 1000b T011993

704. Môn Giáo dục thể chất - Lớp 2: Bộ tranh minh họa cách thức thực hiện biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang, vòng tròn / Lưu Quang Hiệp, Phạm Đông Đức, Nguyễn Duy Linh, Phạm Trảng Kha. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 48000đ. - 1000b T011994

705. Môn Giáo dục thể chất - Lớp 2: Bộ tranh minh họa cách thức thực hiện vệ sinh cá nhân trong tập luyện / Lưu Quang Hiệp, Phạm Đông Đức, Nguyễn Duy Linh, Phạm Trảng Kha. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 50000đ. - 2000b T011992

706. Môn Giáo dục thể chất - Tranh minh họa các yếu tố dinh dưỡng có ảnh hưởng trong tập luyện và phát triển thể chất : Dùng cho lớp 6 / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012168

707. Môn Giáo dục thể chất - Tranh minh họa kỹ thuật các giai đoạn ném bóng : Dùng cho lớp 6 / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012167

708. Môn Hoạt động trải nghiệm - Bộ thẻ mệnh giá tiền Việt Nam : Dùng cho lớp 2, sử dụng chung với môn Tự nhiên và Xã hội. - H. :

Nxb. Hà Nội, 2021. - 29 tờ : tranh màu ; 4x9 cm. - 60000đ. - 3000b T011413

709. Môn Hoạt động trải nghiệm - Bộ tranh Tình bạn : Dùng cho lớp 2, sử dụng chung với môn Đạo đức / Tạ Thu Hằng, Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 54 tờ : tranh màu ; 21x29 cm. - 54000đ. - 3000b T011475

710. Môn Hoạt động trải nghiệm - Bộ tranh về thiên tai, biến đổi khí hậu : Dùng cho lớp 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 11x15 cm. - 40000đ. - 3000b T011429

711. Môn Hoạt động trải nghiệm: Bộ thẻ nghề truyền thống : Dùng cho lớp 6. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 11x15 cm. - 60000đ. - 3000b T011428

712. Môn Khoa học tự nhiên - Lớp 6. - H. : Thế giới, 2021. - 37 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 10000b T011834

713. Môn Khoa học tự nhiên: Sơ đồ 5 giới sinh vật : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012210

714. Môn Khoa học tự nhiên: Sơ đồ các nhóm động vật không xương sống và có xương sống : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012118

715. Môn Khoa học tự nhiên: Sơ đồ các nhóm phân loại sinh vật : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Huệ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012127

716. Môn Khoa học tự nhiên: Sơ đồ các nhóm thực vật : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Huệ. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012137

717. Môn Khoa học tự nhiên: Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở động vật : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012141

718. Môn Khoa học tự nhiên: Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở thực vật : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012120

719. Môn Khoa học tự nhiên: Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (hạt kín) : Dùng cho lớp 6 /

Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012123

720. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh mô tả sự đa dạng của chất : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Hồng Quân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012133

721. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh mô tả sự tương tác của bề mặt hai vật : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Hồng Quân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012136

722. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh so sánh tế bào nhân thực và nhân sơ : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012130

723. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh so sánh tế bào thực vật, động vật : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012122

724. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về cấu tạo virus : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012132

725. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào động vật : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012131

726. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào nhân sơ : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012139

727. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào thực vật : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012125

728. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về đa dạng động vật có xương sống : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012128

729. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về đa dạng động vật không xương sống : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Thanh

Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012121

730. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về đa dạng vi khuẩn : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012140

731. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về Hệ mặt trời : Dùng cho học sinh lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012211

732. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về hệ mặt trời : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012143

733. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về một số dạng nấm : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thuý Quỳnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012138

734. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về một số đối tượng nguyên sinh vật : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012119

735. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về một số hình dạng nhìn thấy của mặt trăng : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012142

736. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về một số loại tế bào điển hình : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012124

737. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về ngân hà : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012144

738. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về sơ đồ biểu diễn sự chuyển thể của chất : Dùng cho lớp 6 / Lê Thị Thơ, Nguyễn Thị Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012117

739. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về sự mọc lên của mặt trời : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Đình Hương. - H. :

Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012145

740. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về thực vật có mạch, có hạt (hạt trần) : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Lê Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012129

741. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về thực vật có mạch, không có hạt (cây dương xỉ) : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012134

742. Môn Khoa học tự nhiên: Tranh/ảnh về thực vật không có mạch (cây rêu) : Dùng cho lớp 6 / Vũ Thị Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012135

743. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất : Dùng cho lớp 6, lớp 7 / Tạ Thu Phương, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002767

744. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ các đới thiên nhiên trên Trái Đất : Dùng cho lớp 6, lớp 7 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 3000b BD002769

745. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ các loại đất chính trên Trái Đất : Dùng cho lớp 6, lớp 7 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002768

746. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ các mảng kiến tạo, vành đai động đất, núi lửa : Dùng cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002807

747. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ hải lưu ở đại dương thế giới : Dùng cho lớp 6, lớp 7 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002814

748. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ hình thể bán cầu Đông : Dùng cho lớp 6, lớp 7 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002813

749. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ hình thể bán cầu Tây : Dùng cho lớp 6, lớp 7 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà

Nội, 2021. - 2 tờ : màu ; 102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002804

750. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ lượng mưa trung bình năm trên thế giới : Dùng cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002805

751. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ phân bố các chủng tộc trên thế giới : Dùng cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002811

752. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ phân bố dân cư thế giới : Dùng cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002809

753. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ thể hiện Đông Nam Á và các vương quốc cổ đại ở Đông Nam Á : Dùng cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh, Trần Anh Minh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 6 tờ : màu ; 72x102 cm. - 60000đ. - 3000b BD002810

754. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ thể hiện hoạt động thương mại trên biển Đông : Dùng cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh, Trần Anh Minh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 20000đ. - 3000b BD002766

755. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ thể hiện một số di chỉ khảo cổ học tiêu biểu ở Đông Nam Á và Việt Nam : Dùng cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh, Nguyễn Thuý Quỳnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 2 tờ : màu ; 102 cm. - 46000đ. - 3000b BD002803

756. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ thể hiện thế giới cổ đại : Dùng cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh, Nguyễn Thuý Quỳnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 6 tờ : màu ; 72x102 cm. - 120000đ. - 3000b BD002815

757. Môn Lịch sử và Địa lí - Bản đồ thể hiện Việt Nam dưới thời Bắc thuộc : Dùng cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh, Nguyễn Thuý Quỳnh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 3 tờ : màu ; 72x102 cm. - 46000đ. - 3000b BD002812

758. Môn Lịch sử và Địa lí - Biểu đồ, lược đồ về biến đổi khí hậu : Dùng cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002806

759. Môn Lịch sử và Địa lí - Bộ tranh thể hiện một số hiện vật khảo cổ học tiêu biểu : Dùng

cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : ảnh màu ; 59 cm. - 17000đ. - 3000b T012107

760. Môn Lịch sử và Địa lí - Các đại khí áp và các loại gió thường xuyên trên trái đất : Gió đất - Gió biển : Dành cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 59 cm. - 8000đ. - 3000b BD002816

761. Môn Lịch sử và Địa lí - Lược đồ múi giờ trên thế giới, bản đồ các khu vực giờ GMT : Dành cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 23000đ. - 3000b BD002770

762. Môn Lịch sử và Địa lí - Lược đồ thể hiện địa dư, vị thế và lịch sử Vương quốc Chăm-pa và Vương quốc Phù Nam : Bản đồ Chăm-pa (từ thế kỉ II đến thế kỉ XV) : Dành cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 46000đ. - 3000b BD002817

763. Môn Lịch sử và Địa lí - Lưới kinh, vĩ tuyến; Một số lưới chiếu toàn cầu : Dành cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tấu, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b BD002808

764. Môn Lịch sử và Địa lí - Một số hình ảnh về con người làm thay đổi thiên nhiên Trái đất : Dành cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Thái Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 102 cm. - 15000đ. - 3000b T012112

765. Môn Lịch sử và Địa lí - Sơ đồ các tầng khí quyển, các loại mây : Dành cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tấu, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012114

766. Môn Lịch sử và Địa lí - Sơ đồ chuyển động của Trái đất quanh mặt trời : Dành cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tấu, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 8000đ. - 3000b T012106

767. Môn Lịch sử và Địa lí - Sơ đồ hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa : Dành cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tấu, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 8000đ. - 3000b T012108

768. Môn Lịch sử và Địa lí - Sơ đồ hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa : Dành cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tấu, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 8000đ. - 1000b T012279

769. Môn Lịch sử và Địa lí - Sơ đồ tuần hoàn nước và biểu đồ thành phần của thủy quyển : Dành cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 102 cm. - 15000đ. - 3000b T012113

770. Môn Lịch sử và Địa lí - Tranh minh họa phần diện một số loại đất chính : Dành cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Thái Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 8000đ. - 3000b T012109

771. Môn Lịch sử và Địa lí - Tranh minh họa phần diện một số loại đất chính : Dành cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Thái Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 8000đ. - 1000b T012280

772. Môn Lịch sử và Địa lí - Tranh về cấu tạo bên trong Trái Đất : Dành cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tấu, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 102 cm. - 15000đ. - 3000b T012111

773. Môn Lịch sử và Địa lí - Tranh về hệ sinh thái rừng nhiệt đới : Dành cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Thái Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 8000đ. - 3000b T012105

774. Môn Lịch sử và Địa lí - Tranh về hệ sinh thái rừng nhiệt đới : Dành cho lớp 6 / Tạ Thu Phương, Thái Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 8000đ. - 1000b T012281

775. Môn Lịch sử và Địa lí - Tranh về hiện tượng tạo núi : Dành cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tấu, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 8000đ. - 3000b T012110

776. Môn Lịch sử và Địa lí - Trích mảnh bản đồ thông dụng: Bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ đường giao thông, bản đồ du lịch : Dành cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tấu, Nguyễn Đình Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 59 cm. - 8000đ. - 3000b BD002802

777. Môn Lịch sử và Địa lí: Bộ tranh thể hiện hình ảnh một số sử liệu hiện vật : Dành cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh, Thái Thanh Vân. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : ảnh màu ; 30 cm. - 4000đ. - 3000b T012085

778. Môn Lịch sử và Địa lí: Bộ tranh thể hiện hình ảnh sử liệu viết : Dành cho lớp 6 / Đỗ Văn Thanh, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : ảnh màu ; 30 cm. - 4000đ. - 3000b T012086

779. Môn Lịch sử và Địa lí: Tranh về các dạng địa hình trên Trái Đất : Dùng cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tuấn, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012115

780. Môn Lịch sử và Địa lí: Tranh về sơ đồ cấu tạo núi lửa : Dùng cho lớp 6 / Nguyễn Sỹ Tuấn, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 15000đ. - 3000b T012116

781. Môn Lịch sử và Địa lý - Lớp 6 : Phân môn: Địa lý. - H. : Thế giới, 2021. - 7 tờ : tranh màu ; 59x79 cm T011827

782. Môn Lịch sử và Địa lý - Lớp 6 : Phân môn: Địa lý. - H. : Thế giới, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 10000b T011828

783. Môn Lịch sử và Địa lý - Lớp 6 : Phân môn: Lịch sử. - H. : Thế giới, 2021. - 6 tờ : ảnh màu, tranh màu ; 59x79 cm T011826

784. Môn Lịch sử và Địa lý - Lớp 6 - Phân môn: Địa lý. - H. : Thế giới, 2021. - 11 tờ : màu ; 65x95 cm BD002748

785. Môn Lịch sử và Địa lý - Lớp 6 - Phân môn: Lịch sử. - H. : Thế giới, 2021. - 16 tờ : màu ; 65x95 cm BD002749

786. Môn Mỹ thuật - Bảng yếu tố và nguyên lí tạo hình : Dùng cho các lớp 6, 7, 8, 9 / Trần Xuân Du, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012171

787. Môn Mỹ thuật - Bộ tranh/ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật thế giới thời kì tiền sử và cổ đại : Dùng cho lớp 6 / Trần Xuân Du, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 5 tờ : ảnh màu, tranh màu ; 54x79 cm. - 50000đ. - 3000b T012170

788. Môn Mỹ thuật - Bộ tranh/ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật Việt Nam thời kì tiền sử và cổ đại : Dùng cho lớp 6 / Trần Xuân Du, Nguyễn Bá Hoàn. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 4 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 40000đ. - 3000b T012172

789. Môn nghệ thuật - Lớp 6 : Phân môn: Mỹ thuật : Bộ ảnh về di sản văn hoá nghệ thuật thế giới thời kỳ tiền sử và cổ đại. - H. : Thế giới, 2021. - 8 tờ : ảnh màu, tranh màu ; 72x102 cm T011825

790. Môn Ngữ văn - Bộ tranh bìa sách một số cuốn hồi kí và du kí nổi tiếng : Dùng cho lớp 6 / Trần Thị Thu Trang, Trần Linh Chi. - H. :

Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ ; 54x79 cm. - 20000đ. - 3000b T012179

791. Môn Ngữ văn - Bộ tranh minh hoạ hình ảnh một số truyện tiêu biểu : Dùng cho lớp 6 / Trần Thị Thu Trang, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 20000đ. - 3000b T012180

792. Môn Ngữ văn - Bộ tranh mô hình hoá các thành tố của các loại văn bản thơ : Dùng cho lớp 6 / Trần Thị Thu Trang, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : bảng, sơ đồ ; 54x79 cm. - 20000đ. - 3000b T012176

793. Môn Ngữ văn - Bộ tranh mô hình hoá các thành tố của văn bản truyện : Dùng cho lớp 6 / Trần Thị Thu Trang, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 4 tờ ; 54x79 cm. - 30000đ. - 3000b T012173

794. Môn Ngữ văn - Lớp 6 : Chủ đề 1: Dạy đọc. Chủ đề 2: Dạy viết. - H. : Thế giới, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 10000b T011833

795. Môn Ngữ văn - Sơ đồ mô hình một số kiểu văn bản có trong chương trình : Dùng cho lớp 6 / Trần Thị Thu Trang, Trần Linh Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 5 tờ ; 54x79 cm. - 50000đ. - 3000b T012177

796. Môn Ngữ văn - Tranh minh hoạ: Mô hình hoá quy trình viết một văn bản và sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một số văn bản đơn giản : Dùng cho lớp 6 / Trần Thị Thu Trang, Trần Linh Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : sơ đồ ; 54x79 cm. - 10000đ. - 3000b T012178

797. Môn Ngữ văn - Tranh mô hình hoá các yếu tố hình thức của văn bản nghị luận: Mở bài, thân bài, kết bài; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng : Dùng cho lớp 6 / Trần Thị Thu Trang, Trần Linh Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : hình vẽ ; 54x79 cm. - 20000đ. - 3000b T012175

798. Môn Ngữ văn - Tranh mô hình hoá các yếu tố hình thức của văn bản thông tin : Dùng cho lớp 6 / Trần Thị Thu Trang, Trần Linh Chi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ ; 54x79 cm. - 20000đ. - 3000b T012174

799. Môn Tiếng Việt - Bảng tên chữ cái tiếng Việt : Dùng cho lớp 2 / Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Thị Minh Thu. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 20000đ. - 3000b T011529

800. Môn Tiếng Việt - Bộ mẫu chữ cái viết hoa : Dùng cho lớp 1, 2 / Nguyễn Thị Hải Yến, Phan Thị Thanh Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 39 tờ ; 29 cm. - 70000đ. - 3000b T011329

801. Môn Tiếng Việt - Bộ mẫu chữ viết : Dùng cho lớp 2 / Nguyễn Thị Hải Yến, Phan Thị Thanh Hoa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 90000đ. - 3000b T011527

802. Môn Tiếng Việt - Lớp 2: Bảng tên chữ cái tiếng Việt / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 24000đ. - 5000b T011995

803. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh các thể hệ trong gia đình : Dùng chung với Hoạt động trải nghiệm - Bộ tranh gia đình em : Dùng cho lớp 2, 3 / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 20000đ. - 10000b T011983

804. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh về các thể hệ trong gia đình : Dùng cho lớp 2, 3, sử dụng chung với Hoạt động trải nghiệm lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Ngọc Thủy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 18000đ. - 3000b T011486

805. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh về đức tính chăm chỉ : Dùng cho lớp 1, 2, 5. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 1000b T012246

806. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh về đức tính trung thực : Dùng cho lớp 1, 2, 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 1000b T012243

807. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh về lòng nhân ái : Dùng cho lớp 2, 4. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 1000b T012245

808. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội : Dùng cho lớp 1, 2, 3, sử dụng chung với Hoạt động trải nghiệm lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Mai Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 60000đ. - 3000b T011487

809. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội : Dùng cho lớp 1, 2, 3; sử dụng chung với Hoạt động trải nghiệm lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 20 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 60000đ. - 6200b T012239

810. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội : Dùng chung với Hoạt động trải nghiệm - Bộ tranh nghề nghiệp của bố mẹ em : Dùng cho lớp 1, 2, 3 / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 18 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 60000đ. - 10000b T011984

811. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh về quê hương em : Dùng cho lớp 2, 3. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 1000b T012244

812. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ tranh: Các thể hệ trong gia đình : Dùng cho lớp 2, 3; sử dụng chung với Hoạt động trải nghiệm lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 18000đ. - 6000b T012240

813. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ xương : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 26000đ. - 3000b T011528

814. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bộ xương : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 26000đ. - 3000b T012277

815. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bốn mùa : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 12000đ. - 3000b T011483

816. Môn Tự nhiên và Xã hội - Bốn mùa : Dùng cho lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 4 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 12000đ. - 3000b T012238

817. Môn Tự nhiên và Xã hội - Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu : Dùng cho lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 12000đ. - 3000b T011533

818. Môn Tự nhiên và Xã hội - Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 12000đ. - 3000b T012278

819. Môn Tự nhiên và Xã hội - Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 20000đ. - 3000b T011531

820. Môn Tự nhiên và Xã hội - Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 20000đ. - 3200b T012275

821. Môn Tự nhiên và Xã hội - Hệ cơ : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 24000đ. - 3000b T011530

822. Môn Tự nhiên và Xã hội - Hệ cơ : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị

Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 24000đ. - 3000b T012276

823. Môn Tự nhiên và Xã hội - Lớp 2: Bốn mùa / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 16000đ. - 10000b T011986

824. Môn Tự nhiên và Xã hội - Lớp 2: Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu / Nguyễn Anh Trang. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 12000đ. - 10000b T011991

825. Môn Tự nhiên và Xã hội - Lớp 2: Một số hiện tượng thiên tai thường gặp / Mai Sỹ Tuấn, Bùi Phương Nga, Nguyễn Tuyết Nga... - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 10000b T011985

826. Môn Tự nhiên và Xã hội - Lớp 2: Mùa mưa và mùa khô / Nguồn Shutterstock.com. - H. : Đại học Sư phạm, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 8000đ. - 10000b T011987

827. Môn Tự nhiên và Xã hội - Một số hiện tượng thiên tai thường gặp : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Nguyễn Thị Huế. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 16000đ. - 3000b T011485

828. Môn Tự nhiên và Xã hội - Một số hiện tượng thiên tai thường gặp : Dùng cho lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 5 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 16000đ. - 3000b T012236

829. Môn Tự nhiên và Xã hội - Mùa mưa và mùa khô : Dùng cho lớp 2 / Hoàng Thị Hương, Bùi Việt Duy. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 3000b T011484

830. Môn Tự nhiên và Xã hội - Mùa mưa và mùa khô : Dùng cho lớp 2. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 6000đ. - 3000b T012237

831. Môn: Tự nhiên và Xã hội 2 - Con người và sức khỏe : Bộ tranh: Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp. - H. : Thế giới, 2021. - 4 tờ : hình vẽ ; 72x102 cm T011824

832. 1971 - 2021 "Nửa thế kỷ... Gặp lại" / Trần Thị Cải, Lê Xuân Chiêu, Bùi Mai Hiền... - H. : Mỹ thuật, 2022. - 135 tr. : tranh màu ; 25 cm. - 300b T012228

833. Một số bài hát dân ca Bahnar / B.s.: Nguyễn Khắc Phú, Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Thị Nguyệt Ánh, Nguyễn Thị Thanh Nhân ; H'Ben s.t., viết lời ; Đinh Giang Lễ dịch. - H. : Văn hoá

dân tộc, 2021. - 30 tr. ; 19x27 cm. - 118000đ. - 350b

ĐTTS ghi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Gia Lai. Nhà hát Ca múa Tổng hợp Đam San A003797

834. Một số hiện tượng thiên tai thường gặp / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 11200đ. - 10000b T011654

835. Một số hình ảnh về con người làm thay đổi thiên nhiên trái đất / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 102 cm. - 1000b T011563

836. Một số hình ảnh về con người làm thay đổi thiên nhiên trái đất / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011757

837. Mùa mưa và mùa khô / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 4480đ. - 10000b T011653

838. Mỹ thuật nhiếp ảnh Tuyên Quang 2016 - 2021: Tác phẩm chọn lọc / Ngọc Anh, Hoàng Anh Chiến, Nguyễn Ngọc Điền... - H. : Văn học, 2021. - 131 tr. : ảnh màu, tranh màu ; 21x25 cm. - 327500đ. - 300b T011344

839. Nàng Bạch Tuyết và Bảy chú lùn / Thanh Tùng dịch. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012193

840. Nghề nghiệp = Jobs : Flash cards Anh - Việt : Phát triển ngôn ngữ cho trẻ từ 0 - 5 tuổi / Phúc Minh Kids b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 13x18 cm. - 29000đ. - 1500b T011436

841. Nghề nghiệp : 20 cặp ghép : Song ngữ Anh - Việt : 2+ / Đào Trinh. - H. : Lao động, 2022. - 40 tờ : tranh màu ; 12 cm. - 49000đ. - 1000b T012060

842. Nghệ An hôm nay 2021. - Tái bản. - Nghệ An : Sở Thông tin và Truyền thông Nghệ An, 2022. - 144 tr. : ảnh ; 26 cm. - 750b T012037

843. Nghệ An hôm nay 2022. - Nghệ An : Sở Thông tin và Truyền thông Nghệ An, 2022. - 142 tr. ; 26 cm. - 750b T012038

844. Nghệ An trong tôi. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2022. - 145 tr. : ảnh, bảng ; 21x25 cm. - 600b T012054

845. Ngọc Tran. Hanoi the lifestyle & the food / Ngọc Tran. - H. : Culture of Vietnamese Ethnic Groups, 2022. - 159 tr. ; 21 cm. - 190000đ. - 2000b T012024

846. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002704

847. Ngô Xuân Bính. Ego - Người : Ego - Bản thể - Ego cộng đồng - Không gian nghệ thuật đại đô thị cộng đồng / Ngô Xuân Bính. - H. : Thế giới. - 31 cm. - 1000b

T.1. - 2021. - 383 tr. : ảnh màu, tranh màu T011575

848. Ngô Xuân Bính. Ego - Người : Ego - Bản thể - Ego cộng đồng - Không gian nghệ thuật đại đô thị cộng đồng / Ngô Xuân Bính. - H. : Thế giới. - 31 cm. - 1000b

T.2. - 2022. - 402 tr. : ảnh màu, tranh màu T012028

849. Ngô Xuân Bính. Ego - Người : Ego - Bản thể - Ego cộng đồng - Không gian nghệ thuật đại đô thị cộng đồng / Ngô Xuân Bính. - H. : Thế giới. - 31 cm. - 1000b

T.3. - 2021. - 391 tr. : ảnh màu, tranh màu T011576

850. Nguyễn Á. Chúng tôi là Việt Nam = We are Vietnam / Nguyễn Á. - H. : Thông tấn. - 17 cm. - 750000đ. - 1000b

T.1. - 2021. - 507 tr. : ảnh T011866

851. Nguyễn Á. Hành trình cùng lực lượng gìn giữ hoà bình tại Nam Xu-đăng = Journey with Vietnamese peacekeepers in South Sudan / Nguyễn Á ; Nguyễn Thành Nam dịch. - H. : Thông tấn, 2022. - 302 tr. : ảnh ; 26 cm. - 600000đ. - 1000b T012048

852. Nguyễn Á. Sài Gòn ngoan cường = Tenacious Saigon / Nguyễn Á. - H. : Thông tấn, 2020. - 508 tr. : tranh màu ; 26 cm. - 750000đ. - 1000b T011867

853. Nguyễn Đình Truyền. Hoạ sĩ Nguyễn Đình Truyền : Tác phẩm mỹ thuật. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2021. - 191 tr. : tranh màu ; 21x23 cm. - 1200b T011580

854. Nguyễn Hạnh. Sài Gòn xưa = Saigon in ancient time / Nguyễn Hạnh ch.b. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Hồng Đức, 2021. - 105 tr. : ảnh ; 19x27 cm. - 199000đ. - 1300b T011860

855. Nguyễn Hồng Tuấn. Đối thoại = Dialogue / Nguyễn Hồng Tuấn. - H. : Mỹ thuật, 2021. - 54 tr. : tranh màu ; 30 cm. - 100b T011367

856. Nguyễn Ngọc Trai. Quảng Bình thời chống Mỹ (1965 - 1972) : Tập sách ảnh / Nguyễn Ngọc Trai. - Thuận Hoá : Nxb. Thuận Hoá, 2022. - 159 tr. : ảnh ; 30 cm. - 350000đ. - 200b T012226

857. Nguyễn Phùng Phong. Kỹ thuật phonetics, nhớ dễ dàng những con số / Nguyễn Phùng Phong. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 220 tờ : tranh màu ; 6x9 cm. - (Siêu trí nhớ học đường). - 250000đ. - 3000b T011959

858. Nguyễn Phùng Phong. Kỹ thuật shape, nhớ dễ dàng những con số : Phương pháp giúp trẻ có bộ não khoẻ mạnh, nhanh nhạy, sáng tạo / Nguyễn Phùng Phong. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 220 tờ : tranh màu ; 6x9 cm. - (Siêu trí nhớ học đường). - 250000đ. - 3000b T011960

859. Nguyễn Quốc Đông. Nỗi nhớ Tây Ninh : Tuyển tập ca khúc / Nguyễn Quốc Đông. - H. : Thanh niên, 2021. - 64 tr. ; 20 cm. - 85000đ. - 300b A003805

860. Nguyễn Thanh Giang. Bộ đồ dùng giúp trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với Toán : Xếp theo 9 chủ đề : Dành cho giáo viên / Nguyễn Thanh Giang ; Minh hoạ, thiết kế: Đỗ Chiến Công. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục, 2021. - 99 chi tiết : tranh màu ; 17x26 cm. - 193000đ. - 500b T011629

861. Nguyễn Thị Chi. Infographic hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp THPT môn Tiếng Anh / Nguyễn Thị Chi (ch.b.), Hoàng Hải Anh. - H. : Giáo dục, 2022. - 1 tờ : hình vẽ ; 17x24 cm. - 13000đ. - 5000b T012014

862. Nguyễn Thị Thanh Lưu. Artbook người đọc = The reader / Nguyễn Thị Thanh Lưu. - H. : Thế giới, 2022. - 49 tr. ; 23 cm. - 259000đ. - 1000b T012026

863. Nguyễn Trường Sơn. Chút đam mê... : Bộ sưu tập hội hoạ của Bê / Nguyễn Trường Sơn. - H. : Thông tấn, 2022. - 230 tr. ; 25 cm. - 350b T012036

864. Nguyễn Văn Hoà. Bài ca thương khó / Nguyễn Văn Hoà. - H. : Tôn giáo, 2021. - 138 tr. ; 28 cm. - 1000b A003793

865. Nguyễn Văn Tân. Mẹ và quê hương : Tập ca khúc / Nguyễn Văn Tân ; Lời thơ: Vũ Tiên Thắng, Vũ Tuấn, Nguyễn Thanh Tinh... - H. : Văn hoá dân tộc, 2021. - 103 tr. ; 18 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn A003796

866. Ngữ văn 6 - Bộ tranh bìa sách một số cuốn hồi kí và du kí nổi tiếng / Hà Phú Quang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011536

867. Ngữ văn 6 - Bộ tranh mô hình hoá các thành tố của văn bản truyện / Hà Phú Quang. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011535

868. Ngữ văn lớp 6 - Bộ tranh minh hoạ hình ảnh một số truyện tiêu biểu / Hà Phú Quang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011551

869. Ngữ văn lớp 6 - Bộ tranh mô hình các yếu tố hình thức của văn bản thông tin / Hà Phú Quang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011552

870. Ngữ văn lớp 6 - Bộ tranh sơ đồ mô hình một số kiểu văn bản có trong chương trình / Hà Phú Quang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 5 tờ ; 79 cm. - 1000b T011565

871. Người Khơ Mú ở Việt Nam = The Khơ Mú in Vietnam. - H. : Thông tấn, 2021. - 145 tờ : ảnh màu ; 25 cm. - 500b T011581

872. Người La Ha ở Việt Nam = The La Ha in Viet Nam / B.s.: Lê Thị Thu Hương, Bùi Thúy Hằng ; Nguyễn Xuân Hồng dịch ; MC Pherson h.đ. - H. : Thông tấn, 2022. - 144 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b T012223

873. Nhiếp ảnh các dân tộc thiểu số / Bùi Khắc Thiện, Chu Đức Hoà, Chu Triều Dương... - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2019. - 171 tr. : ảnh màu, tranh màu ; 21x22 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011585

874. Nhiếp ảnh Nguyễn Vũ Hậu - Các tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 131 tr. : ảnh màu ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011940

875. Nhiếp ảnh Trần Khải - Các tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 143 tr. : ảnh màu ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011942

876. Nhiếp ảnh Trương Vũ - Các tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 119 tr. : tranh vẽ ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011941

877. Những di chỉ khảo cổ học tiêu biểu trên đất nước Việt Nam. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002706

878. Những di chỉ khảo cổ học tiêu biểu trên đất nước Việt Nam. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 850b BD002798

879. Những điều cần biết khi tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19. - Lâm Đồng : Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 3300b T011334

880. Những kỷ vật đi cùng năm tháng. - Nghệ An : Nxb. Nghệ An, 2022. - 111 tr. : ảnh màu ; 19x27 cm. - 500b

Đầu bìa sách ghi: Sở Văn hoá và Thể thao Nghệ An. Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh T011949

881. Những sự kiện chính trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ thế kỉ VII TCN đến năm 938. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002702

882. Những sự kiện chính trong tiến trình lịch sử Việt Nam từ thế kỉ VII TCN đến năm 938. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 280b BD002795

883. Nói không với rác thải nhựa. - Lâm Đồng : Sở Y tế Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : ảnh ; 70 cm. - 2000b

ĐTTS ghi: Sở Y tế Lâm Đồng. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật T011370

884. Nông Văn Nhùng. Tuyển tập Nông Văn Nhùng : Nhạc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 131 tr. ; 21x22 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam A003807

885. Nửa thế kỷ hoạt động ngoại giao Nguyễn Dy Niên. - H. : Thế giới, 2022. - 270 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b

Phụ lục: tr. 250-270 T012035

886. Phác đồ phối hợp cho trạm y tế quản lý, điều trị tăng huyết áp : Theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và điều trị tăng huyết áp tuyến xã...

- Lâm Đồng : Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : bìa, tranh màu ; 70 cm. - 160b T011392

887. Phạm Công Tâm. Cảnh sắc Đà Lạt - Xứ ngàn hoa : Tranh & ký hoạ / Phạm Công Tâm. - H. : Thế giới, 2022. - 141 tr. : tranh vẽ ; 21x30 cm. - 399000đ. - 1500b T011862

888. Phạm Công Tâm. Cảnh sắc phố thị Sài Gòn - Chợ Lớn : Tranh & ký hoạ / Phạm Công Tâm. - Tái bản lần 1. - H. : Thế giới, 2022. - 95 tr. : tranh vẽ ; 21x30 cm. - 295000đ. - 1500b T011861

889. Phạm Công Thắng. Lãng du cùng Phạm Công Thắng : Nhiếp ảnh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 173 tr. : ảnh màu ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011588

890. Phạm Hải Long. Hồn cổ vật / Phạm Hải Long, Nguyễn Thị Việt Hà ; Phiên âm, dịch nghĩa: Nguyễn Thế Huân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 347 tr. ; 25 cm. - 300b T012027

891. Phạm Hoàng Việt. Bí danh Huỳnh Phương Đông / B.s.: Phạm Hoàng Việt, Nguyễn Hùng Cường. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 545 tr. : ảnh, tranh vẽ ; 29 cm. - 1500000đ. - 1000b T012039

892. Phạm Lan Hương. Bản đồ các khu vực giờ GMT; lược đồ múi giờ trên thế giới / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002655

893. Phạm Lan Hương. Bản đồ phân bố các chủng tộc trên thế giới / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002656

894. Phạm Lan Hương. Bản đồ phân bố dân cư trên thế giới / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002669

895. Phạm Lan Hương. Sơ đồ tuần hoàn nước / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 1000b BD002659

896. Phạm Trần Kim Ngọc. Bộ thẻ 21 ngày cùng con định hướng nghề nghiệp / Phạm Trần Kim Ngọc ; H.đ.: Phoenix Ho, Trúc Lê ; Minh họa: Ludung, Xuân Ngọc. - H. : Thế giới, 2022. - 21 tờ : tranh màu ; 13 cm. - 350000đ. - 500b T011958

897. Phạm Trường Thi. Phong cảnh và con người miền núi với nghệ sỹ nhiếp ảnh Phạm Trường Thi : Sách ảnh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 239 tr. : ảnh màu ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011583

898. Phạm Văn Tuyên. Tiếng đất gọi bàn tay : Gốm Phù Đỉnh Hải Phòng / Phạm Văn Tuyên. - H. : Thế giới, 2022. - 143 tr. : tranh màu ; 29 cm. - 1500b T011868

899. Phan Văn Minh. Cả nhà thương nhau : Tuyển tập 136 ca khúc / Phan Văn Minh. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2021. - 159 tr. ; 24 cm. - 280000đ. - 300b A003789

900. Phân bố các chủng tộc trên thế giới. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002708

901. Phân bố dân cư thế giới. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002697

902. Phân bố dân cư thế giới / Nguyễn Thị Minh Tuệ, Cao Văn Dũng, Nguyễn Thị Giáng Hương. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 215b BD002794

903. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Anh lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Định hướng phát triển năng lực / Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai, Hồ Tấn Mẫn. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 72 tờ : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 45000đ. - 2000b T012080

904. Phiếu bài tập cuối tuần môn Tiếng Việt lớp 3 : Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Lê Phương Liên. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 47 tờ : bảng ; 27 cm. - 25000đ. - 2000b T012079

905. Phiếu bài tập cuối tuần môn Toán lớp 3 : Biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Dùng chung cho các bộ SGK hiện hành / Nguyễn Đức Tấn, Tô Thị Yến. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 47 tờ : bảng, hình vẽ ; 27 cm. - 28000đ. - 2000b T012078

906. Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ 18 tháng tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền b.s. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : bảng ; 30 cm. - 18000đ. - 1000b T011675

907. Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ 24 tháng tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền b.s. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : bảng ; 30 cm. - 18000đ. - 1000b T011676

908. Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền b.s. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục, 2021. - 35 tờ : bảng ; 30 cm. - 22000đ. - 1000b T011677

909. Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền b.s. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục, 2021. - 35 tờ : bảng ; 30 cm. - 22000đ. - 3000b T011678

910. Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền b.s. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục, 2021. - 35 tờ : bảng ; 30 cm. - 22000đ. - 4000b T011679

911. Phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động. - H. : Y học, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 84 cm. - 6150b

ĐTTS ghi: Sở Y tế tỉnh Sơn La. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật T011932

912. Phòng chống đuối nước trẻ em. - Lâm Đồng : Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 70 cm. - 2000b T011391

913. Phú Quốc : Nature and paradise come together. - H. : Thế giới, 2021. - 1 tờ ; 54x61 cm. - 70000b BD002646

914. Phụ nữ Việt Nam - Những khoảnh khắc = Vietnamese Women - Extraordinary moments in history. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 187 tr. : ảnh ; 23x25 cm. - 299000đ. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam T011350

915. Phùng Thị Mỹ. Người Khơ Mú ở Việt Nam = The Khơ Mú in Vietnam / B.s.: Phùng Thị Mỹ, Nguyễn Ngọc Bích ; Nguyễn Xuân Hồng dịch. - H. : Thông tấn, 2020. - 145 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b

Thư mục: tr. 144-145 T011863

916. Phương pháp chải răng. - Lâm Đồng : Sở Y tế Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 70 cm. - 500b T011387

917. Phương tiện giao thông / Minh Thư b.s. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012200

918. Phương tiện giao thông = Transport : Flash cards Anh - Việt : Phát triển ngôn ngữ sớm cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Phúc Minh Kids b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 13x18 cm. - 29000đ. - 1500b T011434

919. Picture dictionary: Biển báo giao thông, phương tiện giao thông / Ngân Hà. - H. :

Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011898

920. Picture dictionary: Chữ số, bảng chữ cái kèm hình / Ngân Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011897

921. Picture dictionary: Côn trùng, các loài chim / Ngân Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011899

922. Picture dictionary: Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập / Ngân Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011895

923. Picture dictionary: Động vật nuôi, động vật hoang dã. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011900

924. Picture dictionary: Hình dạng, màu sắc / Ngân Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011903

925. Picture dictionary: Thể thao, thời tiết / Ngân Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011901

926. Picture dictionary: Thức ăn, rau củ quả / Ngân Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011902

927. Picture dictionary: Trái cây, các loài hoa / Ngân Hà. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 35x50 cm. - 12000đ. - 10000b T011896

928. Political global map. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : màu ; 34x69 cm. - 150000đ. - 10000b BD002772

929. Quang Phòng. Trường Mỹ thuật Đông Dương - Lịch sử và nghệ thuật = L'école supérieure des beaux-arts de L'Indochine - Histoire et art = The fine arts College of Indochina - History and art / Quang Phòng, Quang Việt. - Xuất bản lần thứ 2, có bổ sung, hiệu đính. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 166 tr. : ảnh ; 30 cm. - 799000đ. - 600b T012041

930. Quảng Ninh, Vịnh Hạ Long và hơn thế nữa! = Quang Ninh - Ha Long Bay and so much more!. - H. : Thế giới, 2022. - 80 tr. : ảnh ; 20x25 cm. - 1000b

Đầu bìa sách ghi: Sở Du lịch Quảng Ninh
T012053

931. Quy hoạch cơ sở hạ tầng giao thông và logistic Khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : màu ; 60x84 cm. - 3000b
BD002671

932. Quy hoạch giao thông và hạ tầng cơ sở miền Bắc Việt Nam/ Các cụm công nghiệp lớn. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ ; 60x84 cm. - 3000b
BD002673

933. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 1, Ph.1. - 2022. - 25 tr. A003811

934. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 1, Ph.2. - 2022. - 18 tr. A003812

935. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 1, Ph.3. - 2022. - 15 tr. A003813

936. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 1, Ph.4. - 2022. - 27 tr. A003814

937. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 1, Ph.5. - 2022. - 30 tr. - Phụ lục: tr. 23-30 A003815

938. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 2, Ph.1. - 2022. - 19 tr. A003816

939. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music :

Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 2, Ph.2. - 2022. - 19 tr. A003817

940. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 2, Ph.3. - 2022. - 16 tr. A003818

941. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 2, Ph.4. - 2022. - 18 tr. A003819

942. Raiskums, Andrew. Lý thuyết âm nhạc : Sách học và bài tập = Theory of music : Integrated course and workbook / Andrew Raiskums ; Nguyễn Minh Nhật dịch. - H. : Mỹ thuật. - 31 cm. - 195000đ. - 800b

Cấp độ 2, Ph.5. - 2022. - 33 tr. - Phụ lục: tr. 26-33 A003820

943. Réhahn. Vietnam, Mosaic of contrasts = Vietnam - Những mảnh ghép tươi đẹp : Special limited edition for Regent Phu Quoc / Réhahn. - H. : Hồng Đức, 2021. - 127 tr. : ảnh màu ; 22x33 cm. - 950000đ. - 520b
T011574

944. Sách xã, phường, thị trấn năm 2020 : Tài liệu đấu tranh phản bác các luận điệu thù địch, sai trái... : Dành cho đài truyền thanh ở cơ sở. - H. : Chính trị Quốc gia, 2020. - 1 CD. - (Tủ sách Xã - Phường - Thị trấn). - 35010b

ĐTTS ghi: Hội đồng Chỉ đạo xuất bản sách xã, phường, thị trấn CD002084

945. Sang Đỗ. Tiếng Anh & đất nước học = English & countries / Sang Đỗ, Minh Vân. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 50 tờ : hình vẽ ; 15x21 cm. - (ELYH - English lights your home). - 1500000đ. - 500b T011626

946. Sân khấu kịch trong sách Kamishibai : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Gwé ; Phạm Nhân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội ; Công ty Văn hoá Đình Tị, 2021. - 10 tờ ; 19x25 cm. - 150000đ. - 2000b T011457

947. Sân khấu kịch trong sách Kamishibai : Dành cho trẻ em từ 3 tuổi trở lên / Gwé ; Phạm Nhân dịch. - H. : Nxb. Hà Nội ; Công ty Văn hoá Đình Tị, 2021. - 10 tờ : tranh màu ; 19x25 cm. - 150000đ. - 2000b T011458

948. Siêu nhân. - H. : Mỹ thuật. - 25x35 cm. - 22000đ. - 3000b
T.1. - 2022. - 1 tờ : tranh màu T012289
949. Siêu nhân. - H. : Mỹ thuật. - 35 cm. - 22000đ. - 3000b
T.2. - 2022. - 1 tờ : tranh màu T012194
950. Siêu nhân. - H. : Mỹ thuật. - 35 cm. - 22000đ. - 3000b
T.3. - 2022. - 1 tờ : tranh màu T012195
951. Siêu nhân. - H. : Mỹ thuật. - 25x35 cm. - 22000đ. - 3000b
T.4. - 2022. - 1 tờ : tranh màu T012290
952. Siêu nhân. - H. : Mỹ thuật. - 25x35 cm. - 22000đ. - 3000b
T.5. - 2022. - 1 tờ : tranh màu T012291
953. Song Minh. Những nhạc khúc hay và dễ soạn cho đàn piano : Tuyển soạn từ các giai điệu nổi tiếng trong và ngoài nước... / Song Minh b.s. - H. : Dân trí, 2020. - 113 tr. ; 30 cm. - 110000đ. - 1500b A003794
954. Số đếm = Numbers : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục của Glenn Doman : Em tập viết số / Huyền Windy. - H. : Hồng Đức, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 59000đ. - 2000b T011443
955. Số đếm = Numbers : Giáo dục sớm. Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục của Glenn Doman : Em tập viết số / Huyền Windy. - H. : Hồng Đức, 2022. - 21 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - (Tủ sách Giúp học tốt tiếng Anh). - 59000đ. - 2000b T011962
956. Số đếm từ 1 đến 100 = Cardinal numbers from 1 to 100 / Lôi Lạc Tiên. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 20000đ. - 2000b T011999
957. Sơ đồ 5 giới sinh vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011799
958. Sơ đồ 5 giới sinh vật - Khoa học tự nhiên lớp 6 / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh vẽ ; 72x102 cm. - 1000b T011378
959. Sơ đồ các nhóm động vật không xương sống và có xương sống / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011802
960. Sơ đồ các nhóm phân loại sinh vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011800
961. Sơ đồ các nhóm thực vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011801
962. Sơ đồ các tầng khí quyển. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 102 cm. - 1000b BD002668
963. Sơ đồ các tầng khí quyển, các loại mây / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011738
964. Sơ đồ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 42x59 cm. - 5000b BD002722
965. Sơ đồ chuyển động của Trái đất quanh mặt trời / Lê Huỳnh, Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải, Phạm Văn Thọ. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 42x59 cm. - 12110đ. - 5000b BD002786
966. Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở động vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011795
967. Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở thực vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011803
968. Sơ đồ hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa / Lê Huỳnh, Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải, Phạm Văn Thọ. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 42x59 cm. - 12110đ. - 5000b BD002784
969. Sơ đồ mô hình một số kiểu văn bản có trong chương trình / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 6 tờ : hình vẽ ; 54x79 cm. - 70000đ. - 5000b T011811
970. Sơ đồ tuần hoàn nước và biểu đồ thành phần của thủy quyển / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011798
971. Tập bài hát Em mơ gặp Bác Hồ / Tuyển chọn: Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Thị Thanh Hằng. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục,

2021. - 32 tr. ; 24 cm. - 5000đ. - 100000b A003795

972. Tessier, Olivier. Đà Lạt - Bản đồ sáng lập thành phố... = Đà Lạt - Et la carte créa la ville... : Đà Lạt - And the map created the city... / B.s.: Olivier Tessier, Pascal Bourdeaux ; Dịch: Trần Thị Lan Anh... - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 235 tờ ; 23x26 cm. - 450000đ. - 1200b BD002648

973. Thái Chí Thanh. Hạt sương ban mai : Ca khúc thiếu nhi / Thái Chí Thanh. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2021. - 77 tr. ; 18x24 cm. - 68000đ. - 1000b A003803

974. Thảm họa chất độc hoá học/dioxin - 60 năm nhìn lại (1961 - 2021) = Agent Orange/dioxin disaster - 60 years (1961 - 2021) / B.s.: Phùng Khắc Huy Chú, Phạm Văn Thủy, Hà Thị Thoan... ; Biên dịch, h.đ.: Đỗ Thanh Tùng, Nguyễn Lê Minh. - H. : Thông tin và Truyền thông, 2021. - 142 tr. : minh họa ; 22x24 cm. - 4500b T011346

975. Thang Trần Phênh (1895 - 1972) - Hồi ký và tác phẩm / Lê Quang Tuyền s.t., tập hợp. - H. : Thế giới, 2021. - 117 tr. : tranh vẽ ; 28 cm. - 650000đ. - 500b T011352

976. Thanh tra Sở Giao thông Vận tải tỉnh Điện Biên. - H. : Khoa học xã hội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 120 cm. - 286b T012302

977. Thanh Tú. Flash card thông minh - Thế giới xung quanh : 17 chủ đề : Song ngữ Việt - Anh / Thanh Tú b.s. - H. : Lao động, 2021. - 200 thẻ : hình vẽ, ảnh ; 12x16 cm. - 250000đ. - 1000b T011628

978. Tháp dinh dưỡng hợp lý : Dành cho trẻ từ 3 - 5 tuổi : Mức tiêu thụ trung bình cho một trẻ trong một ngày / Nguyễn Minh Huyền b.s. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 84x118 cm. - 32500đ. - 4000b T011544

979. Thẻ cảm xúc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 120 tờ : tranh màu ; 9 cm T011872

980. Thẻ cứng phát triển thị giác - Trộn bộ (0 - 12 tháng): Đen trắng - Đỏ đen - Màu sắc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 15 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 89000đ. - 3000b T012235

981. Thẻ flashcard 29 chữ cái và 11 chữ ghép. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 40 tờ : tranh màu ; 12x16 cm. - 250000đ. - 500b T011873

982. Thẻ học chữ cái và số đếm / Bảo Ngọc b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 35 tờ : hình vẽ ; 17 cm. - 3000b T012063

983. Thẻ học chữ cho trẻ sơ sinh: Tiếng Anh - Từ đơn : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục mới : Dành cho trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 100 tờ : tranh màu ; 13x35 cm. - 130000đ. - 1000b T012091

984. Thẻ học chữ cho trẻ sơ sinh: Tiếng Việt - Từ ghép : Giáo dục sớm - Thẻ thông minh chuẩn theo phương pháp giáo dục mới : Dành cho trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 100 tờ : tranh màu ; 13x35 cm. - 130000đ. - 1000b T012092

985. Thẻ học chữ Hán TBN 01 = 汉字识字卡 TBN 01 / Thu Hà. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 8 cm. - 425000đ. - 1000b

T.1. - 2022. - 506 tờ : ảnh T012062

986. Thẻ học thông minh : Theo phương pháp Giáo dục sớm của Glenn Doman : Bé làm quen với thế giới xung quanh : 16 chủ đề : Song ngữ Việt - Anh (Có phiên âm) / Nguyễn Vũ Quang b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 288 tờ ; 12x16 cm. - 150000đ. - 5000b T011461

987. Thẻ học thông minh - Quốc kỳ các nước châu Á / Hoàng Liên Yến Linh. - Tái bản. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 42 tờ : tranh màu ; 10x15 cm. - 50000đ. - 2000b T011567

988. Thẻ kỹ năng - Cuộc sống quanh em : Song ngữ Việt - Anh : 3+. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 48 thẻ : tranh màu ; 12x17 cm. - (Luyện kỹ năng. Tăng trí nhớ). - 168000đ. - 5000b T011448

989. Thẻ kỹ năng - Thiên nhiên tươi đẹp : Song ngữ Việt - Anh : 3+. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 48 thẻ : tranh màu ; 12x17 cm. - (Luyện kỹ năng. Tăng trí nhớ). - 168000đ. - 5000b T011449

990. Thẻ kỹ năng - Xứ sở thần tiên : Song ngữ Việt - Anh : 3+. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 48 thẻ : tranh màu ; 12x17 cm. - (Luyện kỹ năng. Tăng trí nhớ). - 168000đ. - 5000b T011447

991. Thẻ thông minh - Bộ Động vật / Hoàng Liên Yến Linh. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 40 tờ : tranh màu ; 10x15 cm. - 40000đ. - 5000b T012184

992. Thẻ thông minh - Bộ Rau củ / Hoàng Liên Yến Linh. - Tái bản lần thứ 3. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 40 tờ : ảnh màu ; 10x15 cm. - 40000đ. - 2000b T011423

993. Thẻ giới động vật / Minh Thư b.s. - H. : Mỹ thuật, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 35 cm. - 22000đ. - 3000b T012196

994. Thẻ giới quanh em: Bảng chữ cái tiếng Anh = The world around you: Alphabet : Giáo dục sớm thẻ flashcard theo phương pháp Glenn Doman / Bảo Ngọc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 26 tờ : ảnh, tranh ; 15x21 cm. - 55000đ. - 2000b T011875

995. Thẻ giới quanh em: Các loài hoa = The world around you: Flowers : Giáo dục sớm thẻ flashcard theo phương pháp Glenn Doman / Bảo Ngọc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 26 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 55000đ. - 2000b T011876

996. Thẻ giới quanh em: Phương tiện giao thông = The world around you: Transportation : Giáo dục sớm thẻ flashcard theo phương pháp Glenn Doman / Bảo Ngọc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 26 tờ : ảnh màu ; 15x21 cm. - 55000đ. - 2000b T011877

997. Thẻ giới quanh em: Rau - củ - quả = The world around you: Vegetable & fruits : Flashcard theo phương pháp Glenn Doman giáo dục cho trẻ từ sớm / Bảo Ngọc b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 27 tờ : ảnh màu ; 15x21 cm. - 55000đ. - 2000b T011440

998. Thẻ giới xung quanh bé - Số đếm từ 1 đến 100 / Hoàng Liên Yến Linh. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 12000đ. - 5000b T012094

999. Thẻ giới xung quanh: Flashcard thông minh : 100 thẻ, 10 chủ đề : Song ngữ Việt - Anh / Thanh Tú. - H. : Lao động, 2022. - 100 tờ : ảnh màu ; 15x21 cm. - 250000đ. - 1000b T011874

1000. Thích Chân Quang. Đăng sau lời chúc tốt đẹp : Giảng tại Thiền Tôn Phật Quang (Bà Rịa - Vũng Tàu) ngày 12/2/2021 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002068

1001. Thích Chân Quang. Kiên định lập trường lì lợm ngang bướng : Giảng tại chùa Pháp Vân (Hà Nội) ngày 17/10/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002066

Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002056

1002. Thích Chân Quang. Kiên định với điều thiện : Giảng tại chùa Phật Ngọc Xá Lợi (Vĩnh Long) ngày 3/4/2021 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002061

1003. Thích Chân Quang. Người có tinh thần trách nhiệm : Giảng tại chùa Viên Quang (Nghệ An) ngày 19/12/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002067

1004. Thích Chân Quang. Quyền được tuyên bố : Giảng tại Thiền Tôn Phật Quang (Bà Rịa - Vũng Tàu) ngày 13/2/2021 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002057

1005. Thích Chân Quang. Sau vui là phước hay tội : Giảng tại Thiền Tôn Phật Quang (Bà Rịa - Vũng Tàu) ngày 16/2/2021 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002064

1006. Thích Chân Quang. Tài sản, tài nguyên sinh sôi nảy nở hoặc hao tổn biến mất vì đâu? : Giảng tại chùa Thiên Mục (Long An) ngày 31/3/2021 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002050

1007. Thích Chân Quang. Thiền định đối với vận mệnh Phật pháp : Giảng tại chùa Phật Ngọc Xá Lợi (Vĩnh Long) ngày 18/7/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 14000đ. - 100b CD002058

1008. Thích Chân Quang. Tình yêu thương : Giảng tại chùa Pháp Vân (Hà Nội) ngày 14/11/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 22000đ. - 100b CD A. - 2021. - 1 CD CD002065

1009. Thích Chân Quang. Tình yêu thương : Giảng tại chùa Pháp Vân (Hà Nội) ngày 14/11/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 22000đ. - 100b CD B. - 2021. - 1 CD CD002066

1010. Thích Chân Quang. Tranh nhân quả / Thích Chân Quang b.s. ; Hoạ sĩ: Hữu Tâm. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Tôn giáo. - 21 cm. - 150000đ. - 1000b

- T.1. - 2022. - 63 tr. : tranh màu T012051
1011. Thích Chân Quang. Tu bao lâu thì đắc đạo : Giảng tại chùa Phật học Xá Lợi (Q.3 TPHCM) ngày 11/7/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 22000đ. - 50b
CD A. - 2021. - 1 CD CD002054
1012. Thích Chân Quang. Tu bao lâu thì đắc đạo : Giảng tại chùa Phật học Xá Lợi (Q.3 TPHCM) ngày 11/7/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 22000đ. - 50b
CD B. - 2021. - 1 CD CD002055
1013. Thích Chân Quang. Tu trong thuận cảnh - nghịch cảnh : Giảng tại chùa Phật học Xá Lợi (Q.3 TPHCM) ngày 13/9/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 22000đ. - 100b
CD A. - 2021. - 1 CD CD002059
1014. Thích Chân Quang. Tu trong thuận cảnh - nghịch cảnh : Giảng tại chùa Phật học Xá Lợi (Q.3 TPHCM) ngày 13/9/2020 / Thích Chân Quang. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. - 22000đ. - 100b
CD B. - 2021. - 1 CD CD002060
1015. Thích Nhật Từ. Phật giáo đồng hành cùng dân tộc / Thích Nhật Từ ch.b. - H. : Hồng Đức, 2022. - 199 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2000b
ĐTTS ghi: Chào mừng GHPGVN Tp. HCM 40 năm hình thành và phát triển (1982 - 2022) T012049
1016. Thích Trí Tịnh. Pháp ngữ của Sư ông Thích Trí Tịnh / Ban Văn hoá chùa Vạn Đức tổng hợp. - H. : Hồng Đức, 2021. - 12 tờ ; 13x14 cm. - 2000b T011858
1017. Thiên Kim. Nhạc lý cơ bản / Thiên Kim b.s. - Thanh Hoá : Nxb. Thanh Hoá, 2022. - 95 tr. : hình vẽ, bảng ; 27 cm. - 85000đ. - 1000b
Phụ lục: tr. 87-95 A003808
1018. Thiêng liêng chủ quyền biển, đảo Việt Nam = Sacred sovereignty of the sea and islands of Vietnam. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2021. - 190 tr. : ảnh ; 23x25 cm. - 1500b
ĐTTS ghi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Nai T011579
1019. Thông điệp phát thanh: Hướng dẫn theo dõi sau tiêm chủng Vaccine COVID-19. - Lâm Đồng : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Lâm Đồng, 2021. - 1 CD . - 210b CD002052
1020. Thông điệp phát thanh: Thông điệp 5k + vaccine. - Lâm Đồng : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Lâm Đồng, 2021. - 1 CD . - 210b CD002053
1021. Thu Đông. Ảnh nghệ thuật / Thu Đông, Võ Dũng. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 151 tr. : ảnh màu ; 15x21 cm. - 2450b
ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011937
1022. Tiêm vắc xin phòng đại là cách duy nhất để thoát khỏi bệnh đại. - H. : Y học, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 84 cm. - 2800b
ĐTTS ghi: Sở Y tế tỉnh Sơn La. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật T012205
1023. Tiếng Anh 2 : Extra and friends / Võ Đại Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 10000đ. - 500b CD002081
1024. Tiếng Anh 2 : I-Learn smart start / Nguyễn Thị Ngọc Quyên (ch.b.), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 2 CD . - 20000đ. - 500b CD002083
1025. Tiếng Anh 2 : I-Learn smart start : Workbook / Nguyễn Thị Ngọc Quyên (ch.b.), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 20000đ. - 500b CD002082
1026. Tiếng Anh 3 / Đỗ Thị Kim Thanh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 37000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2021. - 1 CD CD002047
1027. Tiếng Anh 3 / Đỗ Thị Kim Thanh. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 37000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2021. - 1 CD CD002048
1028. Tiếng Anh 3 : Activity book CD / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 1 CD . - 10000đ. - 1000b CD002103
1029. Tiếng Anh 3 : Class CDs / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh. - 30000đ. - 1000b
CD 1. - 2022. - 3 CD CD002102
1030. Tiếng Anh 3 : I-Learn smart start : Flashcards / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn

Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 209 tờ : tranh màu ; 28 cm. - 280000đ. - 2500b T012089

1031. Tiếng Anh 3 : I-Learn smart world / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 3 CD . - 30000đ. - 1000b CD002105

1032. Tiếng Anh 3 : I-Learn smart world : Workbook CD / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 1 CD . - 10000đ. - 1000b CD002104

1033. Tiếng Anh 3 - Extra and Friends : Flashcards / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 209 tờ : ảnh màu ; 28 cm. - 280000đ. - 2500b T012090

1034. Tiếng Anh 4 / Đỗ Thị Kim Thanh. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 30000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2021. - 1 CD CD002049

1035. Tiếng Anh 4 / Đỗ Thị Kim Thanh. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 30000b
T.2. - 2021. - 1 CD CD002062

1036. Tiếng Anh 5 / Chung Thế Quang. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 50000b
T.1, Disc A, B. - 2021. - 2 CD CD002069

1037. Tiếng Anh 5 / Chung Thế Quang. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 52000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2, Disc A, B. - 2021. - 2 CD CD002070

1038. Tiếng Anh 6 : I-Learn smart start : Workbook / Võ Đại Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 2 CD . - 20000đ. - 500b CD002079

1039. Tiếng Anh 6 : I-Learn smart world / Võ Đại Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 2 CD . - 20000đ. - 500b CD002077

1040. Tiếng Anh 6 : Right on! / Võ Đại Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 3 CD . - 30000đ. - 500b CD002080

1041. Tiếng Anh 6 : Right on! : Workbook / Võ Đại Phúc (ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 CD . - 10000đ. - 500b CD002078

1042. Tiếng Anh 7 / Nguyễn Thị Châu Giang. - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 28000b
T.1. - 2021. - 1 CD CD002073

1043. Tiếng Anh 7 / Nguyễn Thị Châu Giang. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 27000b

ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2021. - 1 CD CD002074

1044. Tiếng Anh 7 : I-Learn smart world : Class audio CDs / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 2 CD . - 20000đ. - 1000b CD002107

1045. Tiếng Anh 7 : I-Learn smart world : Workbook CD / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh... - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 1 CD . - 10000đ. - 1000b CD002106

1046. Tiếng Anh 7 - Right on! : Class audio / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 3 CD . - 30000đ. - 1000b CD002109

1047. Tiếng Anh 7 - Right on! : Workbook CD / Võ Đại Phúc (tổng ch.b.), Nguyễn Thị Ngọc Quyên. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 1 CD . - 10000đ. - 1000b CD002108

1048. Tiếng Anh 8 / Nguyễn Thị Châu Giang. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 27500b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2021. - 1 CD CD002075

1049. Tiếng Anh 8 / Nguyễn Thị Châu Giang. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 28000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2021. - 1 CD CD002091

1050. Tiếng Anh 9 / Nguyễn Thị Châu Giang. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 27500b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.1. - 2021. - 1 CD CD002092

1051. Tiếng Anh 9 / Phan Trọng Khôi. - Tái bản lần thứ 6. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 28000b
ĐTTS ghi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
T.2. - 2021. - 1 CD CD002071
1052. Tiếng Anh 10 / Nguyễn Thị Châu Giang. - H. : Giáo dục. - 6000đ. - 26500b
T.1. - 2021. - 1 CD CD002072
1053. Tình yêu xứ Lạng / Nhạc, lời: Phạm Văn Giang, Hoàng Huy Âm, Hoàng Thái... - H. : Văn hoá dân tộc, 2020. - 1 CD. - 300b
ĐTTS ghi: Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Lạng Sơn CD002086
1054. Tỉnh Hoà Bình - Bản đồ hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 4 tờ ; 160x220 cm. - 250b BD002683
1055. Tỉnh Lai Châu - Bản đồ hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 4 tờ ; 160x190 cm. - 300b BD002682
1056. Tỉnh Vĩnh Phúc - Bản đồ hành chính. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 4 tờ ; 210x160 cm. - 300b BD002729
1057. Tóm tắt kiến thức Tiếng Việt lớp 1 : Theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới / Bùi Nguyễn Bích Thy, Vũ Thị Thu Trang. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 27 cm. - 10000đ. - 5000b T012188
1058. Tóm tắt toán tiểu học / Nhóm Giáo viên tiểu học Thăng Long. - Tái bản lần thứ 4. - Tp. Hồ Chí Minh : Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 5000đ. - 5000b T012203
1059. Tour du lịch liên kết Hải Dương - Bắc Giang = Tourism routes Hai Duong - Bac Giang. - H. : Thế giới, 2022. - 1 tờ : màu ; 40x60 cm. - 3000b BD002780
1060. Tờ công thức Toán 12 - Tất cả trong một: Đại số - Hình học / Nguyễn Xuân Nam. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. - 2 tờ : tranh màu ; 26 cm. - 25000đ. - 2500b T012077
1061. Trái cây 1 = Fruits. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 75 cm. - 12000đ. - 4000b T012300
1062. Tranh ảnh về cấu trúc tế bào thực vật - Khoa học tự nhiên lớp 6 / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh vẽ ; 72x102 cm. - 1000b T011377
1063. Tranh ảnh về đa dạng vi khuẩn / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011806
1064. Tranh ảnh về động vật có xương sống / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011807
1065. Tranh ảnh về ngân hà / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011810
1066. Tranh ảnh về sơ đồ biểu diễn sự chuyển thể của chất / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011809
1067. Tranh bốn mùa / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 30000đ. - 3000b T011977
1068. Tranh cảnh báo nguy hiểm : Dành cho trẻ em 3 - 6 tuổi / Hồng Thu, Trần Thị Thu Hoà ; Thiết kế, minh hoạ: Nguyễn Thị Phương Dung. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 21x30 cm. - 21000đ. - 1000b T011672
1069. Tranh châm cứu giải phẫu thực dụng. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2021. - 12 tờ : bảng, tranh màu ; 75 cm. - 170000đ. - 500b T011936
1070. Tranh cô hướng dẫn trẻ 24 - 36 tháng tuổi tập tạo hình / B.s.: Nguyễn Thị Tuyết Vương, Đỗ Kim Chung ; Minh hoạ: Nguyễn Thế Phi. - H. : Giáo dục, 2021. - 18 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 25000đ. - 5000b T011502
1071. Tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi các hoạt động phòng tránh xâm hại và bạo hành / B.s.: Vũ Huyền Trinh, Phan Thị Thu Hằng, Hoàng Văn Hà, Đặng Thị Kim Dung ; Minh hoạ: Nguyễn Thế Phi. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 28 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 45000đ. - 5000b T011499
1072. Tranh Cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi hoạt động tạo hình / B.s.: Nguyễn Thị Tuyết Vương, Đỗ Kim Chung ; Minh hoạ: Nguyễn Thế Phi. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 35000đ. - 5000b T011700
1073. Tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi khám phá khoa học / Nguyễn Thanh Giang b.s. -

Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục, 2021. - 19 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 37000đ. - 1000b T011692

1074. Tranh cô hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với Toán / B.s.: Nguyễn Thị Tuyết Vương, Đỗ Kim Chung ; Minh hoạ: Nguyễn Thế Phi. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 30000đ. - 5000b T011705

1075. Tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi các hoạt động phòng tránh xâm hại và bạo hành / B.s.: Vũ Huyền Trinh, Phan Thị Thu Hằng, Hoàng Văn Hà, Đặng Thị Kim Dung ; Minh hoạ: Bùi Việt Duy. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 28 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 45000đ. - 5000b T011697

1076. Tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi hoạt động tạo hình / B.s.: Nguyễn Thị Tuyết Vương, Đỗ Kim Chung ; Minh hoạ: Nguyễn Thế Phi. - H. : Giáo dục, 2021. - 29 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 40000đ. - 5000b T011701

1077. Tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi khám phá khoa học / Nguyễn Thanh Giang b.s. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục, 2021. - 25 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 46000đ. - 1000b T011693

1078. Tranh cô hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi làm quen với Toán / B.s.: Nguyễn Thị Tuyết Vương, Đỗ Kim Chung. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 30000đ. - 5000b T011507

1079. Tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi các hoạt động phòng tránh xâm hại và bạo hành / B.s.: Vũ Huyền Trinh, Phan Thị Thu Hằng, Hoàng Văn Hà, Đặng Thị Kim Dung ; Minh hoạ: Nguyễn Thị Ngọc Thuý. - Tái bản lần thứ 1. - H. : Giáo dục, 2021. - 28 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 45000đ. - 5000b T011698

1080. Tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi khám phá khoa học / Nguyễn Thanh Giang b.s. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 58000đ. - 1000b T011694

1081. Tranh cô hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với Toán / B.s.: Nguyễn Thị Tuyết Vương, Đỗ Kim Chung ; Minh hoạ: Nguyễn Thị Huế. - H. : Giáo dục, 2021. - 24 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 30000đ. - 5000b T011500

1082. Tranh cô hướng dẫn trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi thực hành phiếu hoạt động tạo hình / B.s.: Nguyễn Thị Tuyết Vương, Đỗ Kim Chung ; Minh hoạ: Bùi Việt Duy. - H. : Giáo dục, 2021. - 15 tờ : tranh màu ; 42 cm. - 19000đ. - 5000b T011495

1083. Tranh cô hướng dẫn trẻ tập tô các nét cơ bản và làm quen với chữ cái qua hoạt động

tạo hình / B.s.: Nguyễn Minh Thảo, Phan Thị Lan Anh, Trần Thị Thu Trang. - Tái bản lần thứ 7. - H. : Giáo dục ; Công ty Mỹ thuật và Truyền thông, 2021. - 39 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 51000đ. - 5000b T011699

1084. Tranh cùng chơi và tư duy tạo hình : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Phạm Thảo Thuý Trân, Lương Thị Ngọc Hà, Đào Thị Quỳnh Như. - H. : Giáo dục, 2021. - 13 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 50000đ. - 1000b T011733

1085. Tranh cùng chơi và tư duy tạo hình : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Phạm Thảo Thuý Trân, Lương Thị Ngọc Hà, Đào Thị Quỳnh Như. - H. : Giáo dục, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 50000đ. - 1000b T011734

1086. Tranh cùng chơi và tư duy tạo hình : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Phạm Thảo Thuý Trân, Lương Thị Ngọc Hà, Đào Thị Quỳnh Như. - H. : Giáo dục, 2021. - 8 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 50000đ. - 1000b T011735

1087. Tranh Đạo đức lớp 2 - Bộ tranh Tuân thủ quy định nơi công cộng / Nguyễn Đức Sơn. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : ảnh màu ; 15x21 cm. - 5000b T011337

1088. Tranh Đạo đức lớp 2 - Bộ tranh về đức tính chăm chỉ / Nguyễn Đức Sơn. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 5000b T011360

1089. Tranh Đạo đức lớp 2 - Bộ tranh về đức tính trung thực / Nguyễn Đức Sơn. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 5000b T011357

1090. Tranh Đạo đức lớp 2 - Bộ tranh về kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân / Nguyễn Đức Sơn. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : ảnh màu ; 15x21 cm. - 5000b T011338

1091. Tranh Đạo đức lớp 2 - Bộ tranh về kỹ năng tự bảo vệ / Nguyễn Đức Sơn. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 5000b T011358

1092. Tranh Đạo đức lớp 2 - Bộ tranh về lòng nhân ái / Nguyễn Đức Sơn. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 5000b T011356

1093. Tranh Đạo đức lớp 2 - Bộ tranh về quê hương em. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 5000b T011571

1094. Tranh Đạo đức lớp 2 - Bộ tranh về ý thức trách nhiệm. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 5000b T011570

1095. Tranh Địa lí lớp 6 - Cấu tạo của Trái Đất, vỏ Trái Đất: Hiện tượng tạo núi. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 16000đ. - 210b T011891

1096. Tranh Địa lí lớp 6 - Đất và sinh vật trên Trái Đất : Phân diện một số loại đất chính. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 16000đ. - 210b T011913

1097. Tranh Địa lí lớp 6 - Đất và sinh vật trên Trái Đất: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 59 cm. - 16000đ. - 210b T011912

1098. Tranh Địa lí lớp 6 - Đất và sinh vật trên Trái Đất: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới / Cao Văn Dũng, Trần Thị Thanh Hiếu, Nguyễn Quý Thao. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : ảnh màu ; 59 cm. - 16000đ. - 1250b T012103

1099. Tranh Địa lí lớp 6 - Đất và sinh vật trên Trái Đất: Phân diện một số loại đất chính / Cao Văn Dũng, Trần Thị Thanh Hiếu, Nguyễn Quý Thao. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 16000đ. - 1250b T012104

1100. Tranh Địa lí lớp 6 - Khí hậu và biến đổi khí hậu: Các đai khí áp và các loại gió chính trên Trái Đất. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 16000đ. - 210b T011892

1101. Tranh Địa lí lớp 6 - Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất: Trích mảnh một số bản đồ thông dụng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 16000đ. - 1451b T011894

1102. Tranh Địa lí lớp 6 - Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất: Trích mảnh một số bản đồ thông dụng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 1800b BD002771

1103. Tranh Địa lí lớp 6 - Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt trời: Chuyển động của Trái Đất quanh mặt trời. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 16000đ. - 210b T011893

1104. Tranh Địa lí lớp 6 - Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt trời: Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 16000đ. - 320b T011911

1105. Tranh Địa lí lớp 6: Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt trời: Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 16000đ. - 1320b T012221

1106. Tranh Giáo dục thể chất lớp 2 - Bộ tranh minh họa cách thực hiện vệ sinh cá nhân

trong tập luyện / Nguyễn Mạnh Toàn. - H. : Công Thương, 2021. - 3 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011555

1107. Tranh Giáo dục thể chất lớp 2: Bộ tranh minh họa các tư thế quỳ, ngồi cơ bản. - H. : Công Thương, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011910

1108. Tranh Giáo dục thể chất lớp 2: Bộ tranh minh họa cách thức thực hiện biến đổi đội hình hàng dọc, hàng ngang, vòng tròn. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011909

1109. Tranh giúp bé phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội : Trẻ 3 - 4 tuổi / B.s.: Lê Thị Luận, Lâm Thuỳ Uyên. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 16 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 45000đ. - 1000b T011516

1110. Tranh giúp bé phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội : Trẻ 4 - 5 tuổi / B.s.: Lê Thị Luận, Lâm Thuỳ Uyên. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 16 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 45000đ. - 1000b T011515

1111. Tranh giúp bé phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội : Trẻ 5 - 6 tuổi / B.s.: Lê Thị Luận, Lâm Thuỳ Uyên. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Giáo dục, 2021. - 16 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 50000đ. - 1200b T011518

1112. Tranh Hoạt động trải nghiệm lớp 2 - Bộ tranh gia đình em / Đinh Thị Kim Thoa. - H. : Công Thương, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 5000b T011620

1113. Tranh Hoạt động trải nghiệm lớp 2 - Bộ tranh Tình bạn. - H. : Công Thương, 2021. - 10 tờ : tranh màu ; 21x29 cm. - 5000b T011663

1114. Tranh Hoạt động trải nghiệm lớp 2 - Tranh nghề của bố mẹ em. - H. : Công Thương, 2021. - 19 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 5000b T011573

1115. Tranh hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi làm quen với chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / B.s.: Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 9. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 54000đ. - 2000b T011520

1116. Tranh hướng dẫn trẻ 3 - 4 tuổi tập tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / B.s.: Phùng Thị Tường, Đặng Lan Phương, Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 21 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 44000đ. - 400b T011730

1117. Tranh hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi làm quen với chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non mới / B.s.: Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân... - Tái bản lần thứ 8. - H. : Giáo dục, 2021. - 30 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 54000đ. - 1500b T011514

1118. Tranh hướng dẫn trẻ 4 - 5 tuổi tập tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / B.s.: Phùng Thị Tường, Đặng Lan Phương, Nguyễn Thị Thanh Huyền. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 28 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 44000đ. - 400b T011731

1119. Tranh hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi hoạt động tạo hình / B.s.: Nguyễn Thị Tuyết Vương, Đỗ Kim Chung ; Minh hoạ: Nguyễn Thị Ngọc Thủy. - H. : Giáo dục, 2021. - 29 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 40000đ. - 5000b T011702

1120. Tranh hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / B.s.: Hoàng Thị Thu Hương, Phùng Thị Ngọc Oanh ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân... - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục. - 30x42 cm. - 54000đ. - 2000b

Q.1. - 2021. - 15 tờ : tranh vẽ T011519

1121. Tranh hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi làm quen với chữ cái : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / B.s.: Nguyễn Minh Thảo, Nguyễn Thị Huệ ; Minh hoạ: Trần Xuân Du... - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục. - 30x42 cm. - 54000đ. - 2000b

Q.2. - 2021. - 15 tờ : tranh vẽ T011513

1122. Tranh hướng dẫn trẻ 5 - 6 tuổi tập tạo hình : Theo Chương trình Giáo dục mầm non / B.s.: Phùng Thị Tường, Đặng Lan Phương, Nguyễn Thị Thanh Huyền ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân. - Tái bản lần thứ 10. - H. : Giáo dục, 2021. - 35 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 50000đ. - 500b T011691

1123. Tranh hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh : Dành cho trẻ 3 - 4 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Phương Liên. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 40000đ. - 1000b T011511

1124. Tranh hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh : Dành cho trẻ 4 - 5 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Phương Liên. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh vẽ ; 42 cm. - 40000đ. - 1000b T011512

1125. Tranh hướng dẫn trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh : Dành cho trẻ 5 - 6 tuổi / Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vũ Phương Liên. - Tái bản lần thứ 4. - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 40000đ. - 1200b T011517

1126. Tranh hướng dẫn trẻ làm quen với chữ cái : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Hoàng Thị Hoài Thu b.s. ; Vẽ tranh: Đặng Hồng Quân, Trần Ngọc Ánh. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 18 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 54000đ. - 1500b T011728

1127. Tranh hướng dẫn trẻ làm quen với Toán : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Nguyễn Thị Thanh Dung b.s. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 30x42 cm. - 54000đ. - 1500b T011729

1128. Tranh hướng dẫn trẻ tập tạo hình : Dành cho lớp mẫu giáo ghép / Trương Thị Hiền b.s. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Giáo dục, 2021. - 28 tờ : tranh vẽ ; 30x42 cm. - 50000đ. - 1500b T011690

1129. Tranh minh hoạ các yếu tố dinh dưỡng có ảnh hưởng trong tập luyện và phát triển thể chất / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011808

1130. Tranh minh hoạ chủ đề con người và sức khoẻ: Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu : Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 50000đ. - 3000b T012007

1131. Tranh minh hoạ chủ đề con người và sức khoẻ: Hệ cơ : Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 50000đ. - 3000b T012006

1132. Tranh minh hoạ chủ đề con người và sức khoẻ: Môn Tự nhiên và Xã hội lớp 2 - Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp : Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo / Bùi Thị Ngọc ch.b. - H. : Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 50000đ. - 3000b T012005

1133. Tranh minh hoạ kĩ thuật các giai đoạn ném bóng / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011742

1134. Tranh minh hoạ phẩu diện một số loại đất / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : ảnh màu ; 42x59 cm. - 5000b T011464

1135. Tranh minh hoạ phẩu diện một số loại đất chính / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 12110đ. - 5000b T011789

1136. Tranh minh hoạ: Mô hình hoá quy trình viết 1 văn bản và sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một số văn bản đơn giản / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ ; 76 cm. - 14000đ. - 5000b T011759

1137. Tranh minh hoạ: Mô hình hoá quy trình viết một văn bản và sơ đồ tóm tắt nội dung chính của một số văn bản đơn giản - Ngữ văn lớp 6 / Hà Phú Quang. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ ; 79 cm. - 1000b T011372

1138. Tranh mô hình hoá các yếu tố hình thức của văn bản nghị luận: Mở bài, thân bài, kết bài; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ : sơ đồ ; 54x79 cm. - 28000đ. - 5000b T011762

1139. Tranh mô hình hoá các yếu tố hình thức của văn bản thông tin / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 3 tờ ; 54x79 cm. - 28000đ. - 5000b T011761

1140. Tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa nhà nước và công dân / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011746

1141. Tranh thể hiện một tờ lịch bloc có đủ thông tin về thời gian theo dương lịch và âm lịch / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 30 cm. - 2660đ. - 5000b T011778

1142. Tranh thể hiện một tờ lịch bloc có đủ thông tin về thời gian theo dương lịch và âm lịch : Lịch sử lớp 6. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 2 tờ : ảnh màu ; 30 cm. - 5000b T011328

1143. Tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống học tập và sinh hoạt / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 6 tờ : tranh vẽ ; 72x102 cm. - 5000b T011821

1144. Tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 5000b T011819

1145. Tranh treo tường bách khoa toàn thư cho bé. - Đồng Nai : Nxb. Đồng Nai, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 64 cm. - 68000đ. - 5000b T012207

1146. Tranh treo tường bách khoa toàn thư cho bé - Hoa quả / Nguyễn Nương b.s. ; Mĩ thuật: Hồng Nhi. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 42x64 cm. - 60000đ. - 2000b T011543

1147. Tranh treo tường bách khoa toàn thư cho bé - Hoa quả / Nguyệt Giang b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 5 tờ : tranh màu ; 64 cm. - 68000đ. - 2000b T012303

1148. Tranh treo tường cho bé : 2 - 8 tuổi : Anh - Việt / Bảo Ngọc b.s. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 6 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 72000đ. - 3000b T011997

1149. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2 - Bộ tranh Bốn mùa / Phạm Quang Tiệp. - H. : Công Thương, 2021. - 4 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 5000b T011342

1150. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2 - Bộ tranh các thể hệ trong gia đình / Phạm Quang Tiệp. - H. : Công Thương, 2021. - 6 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 5000b T011593

1151. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2 - Bộ tranh Một số hiện tượng thiên tai thường gặp. - H. : Công Thương, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 5000b T011572

1152. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2 - Bộ tranh mùa mưa và mùa khô / Phạm Quang Tiệp. - H. : Công Thương, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 5000b T011592

1153. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2 - Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội / Phạm Quang Tiệp. - H. : Công Thương, 2021. - 20 tờ : tranh màu ; 21 cm. - 5000b T011345

1154. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2: Bộ xương. - H. : Công Thương, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 5000b T011906

1155. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2: Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu. - H. : Công Thương, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 5000b T011908

1156. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2: Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp. - H. : Công Thương, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 5000b T011905

1157. Tranh Tự nhiên Xã hội lớp 2: Hệ cơ. - H. : Công Thương, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 5000b T011907

1158. Tranh về bếp điện / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011787

1159. Tranh về bếp điện - Công nghệ lớp 6 / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : ảnh, hình vẽ ; 79 cm. - 1000b T011373

1160. Tranh về các dạng địa hình trên Trái Đất / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011743

1161. Tranh về các dạng địa hình trên Trái Đất. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 102 cm. - 1000b T011914

1162. Tranh về cấu tạo bên trong Trái Đất / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011737

1163. Tranh về cấu tạo bên trong Trái Đất. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 102 cm. - 1000b BD002667

1164. Tranh về cấu tạo sơ đồ núi lửa / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102cm. - 21000đ. - 5000b T011744

1165. Tranh về đèn điện / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011793

1166. Tranh về hệ sinh thái rừng nhiệt đới / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 5000b T011465

1167. Tranh về hệ sinh thái rừng nhiệt đới / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 12110đ T011788

1168. Tranh về hiện tượng tạo núi / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 59 cm. - 5000b T011466

1169. Tranh về hiện tượng tạo núi / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 42x59 cm. - 12110đ. - 5000b T011790

1170. Tranh về kiến trúc nhà ở Việt Nam / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 5000b T011771

1171. Tranh về lựa chọn và sử dụng trang phục / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011767

1172. Tranh về lựa chọn và sử dụng trang phục : Công nghệ lớp 6 / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011326

1173. Tranh về ngôi nhà thông minh / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011770

1174. Tranh về ngôi nhà thông minh : Công nghệ lớp 6 / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011323

1175. Tranh về nồi cơm điện / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011773

1176. Tranh về nồi cơm điện : Công nghệ lớp 6 / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : ảnh màu, tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011330

1177. Tranh về phương pháp bảo quản thực phẩm / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011774

1178. Tranh về phương pháp bảo quản thực phẩm - Công nghệ lớp 6 / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh vẽ ; 54x79 cm. - 1000b T011371

1179. Tranh về phương pháp chế biến thực phẩm / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011776

1180. Tranh về quạt điện / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011772

1181. Tranh về sơ đồ cấu tạo núi lửa. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 102 cm. - 1000b BD002666

1182. Tranh về thời trang trong cuộc sống / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011794

1183. Tranh về thực phẩm trong gia đình / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo

dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011775

1184. Tranh về trang phục và đời sống / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011766

1185. Tranh về trang phục và đời sống : Công nghiệp lớp 6 / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011325

1186. Tranh về vai trò và đặc điểm chung của nhà ở / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011768

1187. Tranh về vai trò và đặc điểm chung của nhà ở : Công nghiệp lớp 6 / Nguyễn Thế Lâm. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 1000b T011324

1188. Tranh về xây dựng nhà ở / S.t., tuyển chọn: Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 2 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 14000đ. - 5000b T011769

1189. Tranh/ảnh mô tả sự đa dạng của chất / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011741

1190. Tranh/ảnh mô tả sự tương tác của bề mặt hai vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011756

1191. Tranh/ảnh mô tả sự tương tác của bề mặt hai vật - Khoa học tự nhiên lớp 6 / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ ; 72x102 cm. - 1000b T011379

1192. Tranh/ảnh so sánh tế bào nhân thực và nhân sơ / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011754

1193. Tranh/ảnh so sánh tế bào thực vật, động vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011752

1194. Tranh/ảnh về cấu tạo virus / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011745

1195. Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào động vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011755

1196. Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào nhân sơ / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011805

1197. Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào thực vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011751

1198. Tranh/ảnh về đa dạng động vật không xương sống / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011750

1199. Tranh/ảnh về hệ mặt trời / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011740

1200. Tranh/ảnh về một số dạng nấm / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011797

1201. Tranh/ảnh về một số dạng nấm - Khoa học tự nhiên lớp 6 / Phạm Quang Tiệp. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 3 tờ : tranh vẽ ; 72x102 cm. - 1000b T011380

1202. Tranh/ảnh về một số đối tượng nguyên sinh vật / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011748

1203. Tranh/ảnh về một số hình dạng nhìn thấy của mặt trăng / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2023. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011739

1204. Tranh/ảnh về một số loại tế bào điển hình / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011804

1205. Tranh/ảnh về sự mọc lên của mặt trời / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011736

1206. Tranh/ảnh về thực vật có mạch, có hạt (hạt trần) / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011796

1207. Tranh/ảnh về thực vật có mạch, có hạt, có hoa (hạt kín) / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011749

1208. Tranh/ảnh về thực vật có mạch, không có hạt (cây dương xỉ) / Trần Ngọc Lê,

Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 21000đ. - 5000b T011747

1209. Tranh/ảnh về thực vật không có mạch (cây rêu) / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 65x72 cm. - 21000đ. - 5000b T011753

1210. Trần Đàm. Hương núi hồn rừng : Nhiếp ảnh / Trần Đàm. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2019. - 179 tr. : ảnh màu ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011586

1211. Trần Lam. Nhiếp ảnh Trần Lam - Các tác phẩm chọn lọc. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 111 tr. : ảnh màu ; 15x21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T011587

1212. Trần Ngọc Lê. Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm / Trần Ngọc Lê, Phạm Việt Quang. - H. : Giáo dục, 2021. - 5 tờ : tranh màu ; 72x102 cm. - 5000b T011818

1213. Trần Thế Phong. Sài Gòn COVID-19 (2021) = Saigon covid-19 / Trần Thế Phong. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 2022. - 167 tr. : ảnh màu ; 25 cm. - 699000đ. - 1000b T011948

1214. Trần Trọng Ghi. Ngôi nhà điên = Crazy house = 瘋狂屋 = СУМАСШЕДШИЙ ДОМ / Trần Trọng Ghi. - H. : Thế giới, 2021. - 351 tr. : ảnh màu ; 29 cm. - 800000đ. - 700b

Chính văn bằng 4 thứ tiếng: Việt - Anh - Trung - Nga T011577

1215. Trần Tuấn. 103 câu chuyện sau những tấm ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp = 103 photo stories about General Vo Nguyen Giap / Trần Tuấn ; Dịch Anh ngữ: Trần Phương Hoa, Thu Hà. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 235 tr. : ảnh ; 25x25 cm. - 600000đ. - 1000b T011348

1216. Trần Tuấn. 50 năm - Công đoàn Tổng Công ty Điện lực miền Bắc 1971 - 2021 / Trần Tuấn ch.b. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 199 tr. : ảnh ; 30 cm. - 1000b T012224

1217. Trần Xuân Tiến. Tổ quốc yêu thương : Tuyển tập ca khúc / Trần Xuân Tiến. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2021. - 223 tr. : ảnh ; 26 cm. - 199000đ. - 500b A003790

1218. Trích mảnh bản đồ thông dụng: Bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ đường giao thông, bản đồ du lịch : Bản đồ du lịch phần trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh / Trương Thị Thu Hiền, Phạm Văn Hải, Hoàng Thị Bích Thuận. - H. : Giáo dục, 2021. - 1 tờ : màu ; 42x59 cm. - 12110đ. - 5000b BD002787

1219. Trích mảnh bản đồ thông dụng: Bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ giao thông, bản đồ du lịch / Phạm Lan Hương. - H. : Đại học Sư phạm, 2021. - 1 tờ : màu ; 42x59 cm. - 5000b BD002724

1220. Triển lãm Giải thưởng Mỹ thuật thiếu nhi Việt Nam 2021 / Nguyễn Lê Bảo Hân, Nguyễn Vũ Như Uyên, Nguyễn Mạc Quỳnh Đan... - H. : Thông tấn, 2022. - 169 tr. : ảnh ; 25 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm T012031

1221. Triển lãm mỹ thuật Việt Nam 2020 / Lê Anh Vân, Đặng Xuân Hoà, Nguyễn Ngọc Long... - H. : Mỹ thuật, 2021. - 182 tr. : tranh màu ; 31 cm. - 600b T011353

1222. Trịnh Sinh. Trống đồng Kính Hoa - Bảo vật quốc gia Việt Nam = The Kính Hoa bronze drum - Việt Nam's national treasure / Trịnh Sinh, Nguyễn Văn Kính. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa bổ sung. - H. : Thế giới, 2021. - 327 tr. : ảnh màu ; 35 cm. - 1000b

Thư mục: tr. 326-327 T011355

1223. Trung Quốc cổ đại. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002714

1224. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I: 60 năm hành trình lưu giữ kí ức / B.s.: Đỗ Hoàng Anh, Bùi Ngọc Anh, Hoàng Thị Hằng... - H. : Mỹ thuật, 2022. - 118 tr. : ảnh ; 27 cm. - 200b

ĐTTS ghi: Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I T012055

1225. Trương Duy Huyền. Tuyển tập ca khúc Trương Duy Huyền. - Đà Nẵng : Nxb. Đà Nẵng, 2021. - 69 tr. ; 19x20 cm. - 500b A003792

1226. Trương Thế Dũng. Ảnh - Tư liệu - Thời sự - Nghệ thuật: Còn mãi với thời gian / Trương Thế Dũng. - H. : Nông nghiệp, 2021. - 80 tr. : ảnh ; 29 cm. - 400b T011341

1227. Trường học = School : Flash cards Anh - Việt : Phát triển ngôn ngữ sớm cho trẻ từ 0 - 6 tuổi / Phúc Minh Kids b.s. - H. : Phụ nữ Việt

Nam, 2021. - 22 tờ : tranh màu ; 13x18 cm. - 29000đ. - 1500b T011435

1228. Trường Sa trong trái tim Hà Nội : Kỷ yếu đoàn công tác thành phố Hà Nội năm 2021 / Ảnh: Hữu Thu, Nguyễn Hợp, Đỗ Dũng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 186 tr. : ảnh màu ; 25x25 cm. - 230b

ĐTTS ghi: Thành phố Hà Nội. Đoàn công tác Trường Sa năm 2021. - Lưu hành nội bộ T011359

1229. Tuyên Hoá. Những lời dạy của Hoà thượng Tuyên Hoá / Thanh Giải tổng hợp. - H. : Hồng Đức, 2021. - 12 tờ ; 13x14 cm. - 5000b T011857

1230. Tuyển tập tác phẩm mỹ thuật Câu lạc bộ Cựu chiến binh và Kháng chiến, Câu lạc bộ Người cao tuổi : Kỷ niệm 60 năm thành lập Phòng Hội hoạ Giải phóng (1962-2022) / Bùi Quang Ánh, Lê Thị Kim Bạch, Cổ Tấn Long Châu... - H. : Mỹ thuật, 2022. - 219 tr. : tranh màu ; 27 cm. - 700000đ. - 1000b

ĐTTS ghi: Hội Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh T012229

1231. Tự nhiên và Xã hội - Bộ xương - Lớp 2 / Ngô Ngọc Tân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 26000đ. - 7500b T012097

1232. Tự nhiên và Xã hội - Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu - Lớp 2 / Ngô Ngọc Tân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 22500đ. - 3000b T012096

1233. Tự nhiên và Xã hội - Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp - Lớp 2 / Ngô Ngọc Tân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 79 cm. - 22000đ. - 7500b T012095

1234. Tự nhiên và Xã hội - Hệ cơ - Lớp 2 / Ngô Ngọc Tân. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 1 tờ : tranh màu ; 54x79 cm. - 24500đ. - 7500b T012098

1235. Tự nhiên và Xã hội lớp 2: Bộ tranh các thể hệ trong gia đình / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 7 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 19500đ. - 7500b T012066

1236. Tự nhiên và Xã hội lớp 2: Bộ tranh nghề nghiệp phổ thông trong xã hội / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 20 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 64000đ. - 7500b T011781

1237. Tự nhiên và Xã hội lớp 2: Bốn mùa / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb.

Trẻ, 2022. - 5 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 13000đ. - 7500b T012068

1238. Tự nhiên và Xã hội lớp 2: Một số hiện tượng thiên tai thường gặp / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 7 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 16000đ. - 7500b T012070

1239. Tự nhiên và Xã hội lớp 2: Mùa mưa và mùa khô / Phạm Quang Huy. - Tp. Hồ Chí Minh : Nxb. Trẻ, 2022. - 3 tờ : tranh màu ; 15x21 cm. - 6500đ. - 7500b T012069

1240. Vang mãi bản hùng ca : Kỷ niệm 75 năm ngày truyền thống công an nhân dân Việt Nam và 15 năm ngày hội "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" / Nhạc, lời: Xuân Thuỷ, Đức Trụ, An Hiếu... - H. : Văn hoá dân tộc. - 600b

CD 1. - 2020. - 1 CD CD002087

1241. Vang mãi bản hùng ca : Kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam và 15 năm Ngày hội "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" / Nhạc: Hiền Anh, Đình Tùng Bách, Quốc Phòng... ; Lời: Hiền Anh... - H. : Văn hoá dân tộc. - 600b

CD 2. - 2020. - 1 CD CD002043

1242. Vang mãi bản hùng ca : Kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam và 15 năm Ngày hội "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" / Nhạc: Nguyễn Hoà, Đậu Hoài Thanh, Mai Quảng... ; Lời: Nguyễn Hoà... - H. : Văn hoá dân tộc. - 600b

CD 3. - 2020. - 1 CD CD002044

1243. Vang mãi bản hùng ca : Kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam và 15 năm Ngày hội "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" / Nhạc: Tô Văn, Đặng Thị Thu Huyền, Duy Thái... ; Lời: Tô Văn... - H. : Văn hoá dân tộc. - 600b

CD 4. - 2020. - 1 CD CD002045

1244. Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long / B.s.: Lê Xuân Kiêu (ch.b.), Lê Thành Vinh, Trần Hậu Yên Thế... - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 167 tr. ; 24 cm. - 300b

ĐTTS ghi: Trung tâm Hoạt động Văn hoá Khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám T012025

1245. Vẻ đẹp Lào Cai qua nghệ thuật nhiếp ảnh : Chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020 - 2025 / Ảnh: Gia Chiến, Dương Toàn, Giang Sự... ; B.s.: Mã Anh Lâm... - H. : Văn học, 2020. - 159 tr. : ảnh màu ; 19x21 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Lào Cai T011339

1246. Vệ sinh lao động sức khoẻ tốt hơn - năng suất cao hơn. - Lâm Đồng : Sở Y tế Lâm Đồng, 2021. - 1 tờ : ảnh, tranh màu ; 80 cm. - 700b T011363

1247. Vì rút Rota tránh xa con ra!!! : Tài liệu giáo dục dành cho cộng đồng. - H. : Y học, 2021. - 1 tờ : tranh màu ; 80 cm. - 1000b T011934

1248. Vietnam tourist map. - H. : Thế giới, 2021. - 1 tờ ; 60x80 cm. - 10000b BD002640

1249. Vietsovpetro - 40 năm xây dựng và phát triển = 40 Лет становления и развития / B.s.: Vũ Việt Kiều, Nguyễn Quốc Đạt, Nguyễn Thế Kim... ; Dịch, h.đ.: E. V. Krupenko... - H. : Chính trị Quốc gia, 2022. - 180 tr. : ảnh màu ; 25x29 cm. - 300b T011954

1250. Việt Nam kiên cường chống dịch COVID-19. - H. : Y học, 2022. - 298 tr. : ảnh ; 26 cm. - 1000b

ĐTTS ghi: Bộ Y tế T012029

1251. Vũ Hải. Việt Nam đất nước tôi : Sách ảnh / Vũ Hải. - H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2020. - 263 tr. : ảnh ; 21 cm. - 2450b

ĐTTS ghi: Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam T012034

1252. Vũ Quang Thái. 20 năm hành trình "Vươn cao tầm cao" : 14/06/2001 - 14/06/2021 / Vũ Quang Thái b.s. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 264 tr. : ảnh màu ; 23x25 cm. - 500b

ĐTTS ghi: Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng. Công ty Cổ phần 319.5 T011349

1253. Vững tập Nghệ thuật thị giác Hải Dương = Catalogue visual art Hải Dương / Nguyễn Thị Mai Anh, Hà Huy Chương, Đỗ Chuyên... - H. : Mỹ thuật. - 26 cm. - 150000đ. - 500b

T.1. - 2022. - 57 tr. : ảnh, tranh màu T012044

1254. Vững tập Nghệ thuật thị giác Hải Dương = Catalogue visual art Hải Dương / Nguyễn Xuân Đông, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Phú Hậu... - H. : Mỹ thuật. - 26 cm. - 150000đ. - 300b

T.2. - 2022. - 50 tr. : ảnh, tranh màu T012045

1255. Vững tập Nghệ thuật thị giác Ninh Bình = Catalogue visual art Ninh Bình / Đinh Quang An, Nguyễn Lương Tiểu Bạch, Lê Đức Biết... - H. : Mỹ thuật. - 26 cm. - 180000đ. - 500b

T.5. - 2022. - 93 tr. : ảnh, tranh màu T012046

1256. Vương quốc Chăm-pa (từ thế kỉ II đến thế kỉ X) / Phan Ngọc Huyền, Cao Văn Dũng, Trịnh Minh Hùng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002694

1257. Vương quốc Chăm-pa (từ thế kỉ II đến thế kỉ X) / Phan Ngọc Huyền, Cao Văn Dũng, Trịnh Minh Hùng. - H. : Nxb. Hà Nội, 2022. - 1 tờ : màu ; 102 cm. - 50000đ. - 300b BD002789

1258. Vương quốc Phù Nam (trên lãnh thổ Việt Nam từ thế kỉ thứ I đến thế kỉ thứ VII) / Phan Ngọc Huyền, Trịnh Minh Hùng, Nguyễn Hồng Việt. - H. : Nxb. Hà Nội, 2021. - 1 tờ : màu ; 72x102 cm. - 50000đ. - 1000b BD002688

1259. Vương Xuân Tinh. Các dân tộc ở Việt Nam : CD-ROM / Vương Xuân Tinh ch.b. - H. : Chính trị Quốc gia, 2020. - 1 CD. - 1000b

ĐTTS ghi: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Dân tộc học CD002076

1260. Wordplay's phonics flashcards. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 292 tờ : tranh màu ; 5x9 cm. - 300000đ. - 500b T012232

1261. World map. - H. : Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021. - 1 tờ : màu ; 79x109 cm. - 33000đ. - 5000b BD002719

1262. Ziczac thị giác cho trẻ sơ sinh - Trộn bộ: Đen trắng - Đỏ đen - Màu sắc. - H. : Phụ nữ Việt Nam, 2022. - 15 tờ : tranh màu ; 20 cm. - 69000đ. - 3000b T012234

1263. バトナム ODA プロジェクト.マップ (ハノイ. ホーチミン市) = Vietnam ODA project map (Hanoi, Ho Chi Minh City). - H. : Thế giới, 2021. - 1 tờ : màu ; 44x63 cm. - 5000b BD002637

1264. バトナム ODA プロジェクト.マップ (ハノイ. ホーチミン市) = Vietnam ODA project map (Hanoi, Ho Chi Minh City). - H. : Thế giới, 2021. - 1 tờ : màu ; 44x63 cm. - 5000b BD002638